

CÔNG TY CỔ PHẦN QUẢN LÝ QUỸ
NGÂN HÀNG THƯƠNG MẠI CỔ PHẦN ĐẠI CHỨNG VIỆT NAM

ĐIỀU LỆ
TỔ CHỨC VÀ HOẠT ĐỘNG

THÁNG 4/2026



MỤC LỤC

CHƯƠNG I. QUY ĐỊNH CHUNG	3
Điều 1. Giải thích từ ngữ	3
Điều 2. Tên, trụ sở công ty	5
Điều 3. Thời hạn hoạt động của Công ty	6
Điều 4. Tư cách pháp nhân	6
Điều 5. Mục tiêu và ngành nghề kinh doanh	7
Điều 6. Người đại diện theo pháp luật của Công ty	7
CHƯƠNG II. NGHĨA VỤ VÀ HẠN CHẾ TRONG HOẠT ĐỘNG NGHIỆP VỤ CỦA CÔNG TY	8
Điều 7. Nghĩa vụ của Công ty	8
Điều 8. Hạn chế đối với hoạt động của Công ty và nhân viên công ty	17
Điều 9. Ủy quyền hoạt động	19
Điều 10. Chấm dứt quyền và nghĩa vụ đối với khách hàng ủy thác và thay thế công ty quản lý quỹ khác	22
CHƯƠNG III. VỐN ĐIỀU LỆ, CỔ PHẦN, CỔ PHIẾU, CỔ ĐÔNG	22
Điều 11. Vốn Điều lệ	22
Điều 12. Cổ phần và Cổ phiếu	23
Điều 13. Chào bán và chuyển nhượng cổ phần	24
Điều 14. Mua lại cổ phần	25
Điều 15. Điều kiện thanh toán và xử lý các cổ phần được mua lại	26
Điều 16. Trả cổ tức	27
Điều 17. Thừa kế cổ phần	28
Điều 18. Chào bán trái phiếu	28
Điều 19. Thu hồi tiền thanh toán cổ phần mua lại hoặc cổ tức	28
Điều 20. Sổ đăng ký cổ đông	28
Điều 21. Cổ đông	29
CHƯƠNG V. QUY ĐỊNH CHUNG VỀ CƠ CẤU TỔ CHỨC VÀ ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG	31
Điều 22. Cơ cấu tổ chức, quản lý và kiểm soát	31
Điều 23. Quyền hạn của Đại hội đồng cổ đông	32
Điều 24. Cuộc họp đại hội đồng cổ đông	33
Điều 25. Số đại biểu tối thiểu cần có cho cuộc họp đại hội đồng cổ đông	36
Điều 26. Thay đổi nội dung chương trình Đại hội đồng Cổ đông	36
Điều 27. Nghị quyết Đại hội đồng Cổ đông	37
Điều 28. Lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông	39
Điều 29. Biên bản họp, Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông	39
Điều 30. Yêu cầu hủy bỏ quyết định của Đại hội đồng Cổ đông	40
Điều 31. Người đại diện theo ủy quyền của cổ đông	40
CHƯƠNG VI. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ	41
Điều 32. Quyền hạn và trách nhiệm của Hội đồng quản trị	41
Điều 33. Thành viên Hội đồng quản trị	42
Điều 34. Nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng quản trị	45
Điều 35. Chủ tịch Hội đồng quản trị	45
Điều 36. Cuộc họp Hội đồng quản trị	45
Điều 37. Biểu quyết tại Hội đồng quản trị	47
Điều 38. Lấy ý kiến thành viên Hội đồng quản trị bằng văn bản để thông qua Nghị quyết, Quyết định của Hội đồng quản trị.	48
CHƯƠNG VII. BAN ĐIỀU HÀNH	48
Điều 39. Tổ chức Ban điều hành	48
Điều 40. Giám đốc	48

Điều 41. Phó giám đốc	50
CHƯƠNG VIII. BAN KIỂM SOÁT, KẾ TOÁN TRƯỞNG	51
Điều 42. Ban Kiểm soát	51
Điều 43. Quyền và nghĩa vụ của Ban Kiểm soát	51
Điều 44. Thành viên Ban Kiểm soát	52
Điều 45. Quyền được cung cấp thông tin của Ban kiểm soát	55
Điều 46. Kế toán trưởng	55
Điều 47. Không kiêm nhiệm	56
CHƯƠNG IX. BỘ PHẬN KIỂM TOÁN NỘI BỘ, KIỂM SOÁT NỘI BỘ	56
Điều 48. Bộ phận kiểm toán nội bộ	56
Điều 49. Bộ phận kiểm soát nội bộ	58
CHƯƠNG X. TRÁCH NHIỆM CỦA CÁC CÁ NHÂN CHỦ CHỐT	59
Điều 50. Nghĩa vụ của các cá nhân chủ chốt	59
Điều 51. Hiệu lực của một số hợp đồng	59
Điều 52. Công khai các lợi ích liên quan	61
Điều 53. Trách nhiệm cá nhân và trách nhiệm thanh toán các chi phí	62
Điều 54. Quyền khởi kiện đối với thành viên Hội đồng quản trị, Giám đốc	62
CHƯƠNG XI. CON DẤU, LAO ĐỘNG, TÀI CHÍNH – KẾ TOÁN, PHÂN PHỐI LỢI NHUẬN	63
Điều 55. Con dấu	63
Điều 56. Lao động	63
Điều 57. Tài khoản ngân hàng	63
Điều 58. Báo cáo Tài chính và kế toán	64
Điều 59. Quỹ dự trữ	65
Điều 60. Xử lý kinh doanh thua lỗ	65
CHƯƠNG XII. NGHĨA VỤ BÁO CÁO, CÔNG BỐ THÔNG TIN VÀ BẢO MẬT	65
Điều 61. Nghĩa vụ báo cáo, công bố thông tin	65
Điều 62. Quy định bảo mật	66
Điều 63. Quyền kiểm tra hồ sơ	68
CHƯƠNG XIII. THANH LÝ VÀ GIẢI QUYẾT TRANH CHẤP	68
Điều 64. Chấm dứt hoạt động và thanh lý	68
Điều 65. Giải quyết tranh chấp	69
CHƯƠNG XIV. ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH	70
Điều 66. Thông báo	70
Điều 67. Các vấn đề pháp lý	70
Điều 68. Ngày hiệu lực	71

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

-----****-----

ĐIỀU LỆ

**CÔNG TY CỔ PHẦN QUẢN LÝ QUỸ
NGÂN HÀNG TMCP ĐẠI CHỨNG VIỆT NAM**

Căn cứ pháp lý:

- *Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 được Quốc hội nước Cộng hoà Xã hội chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 17 tháng 06 năm 2020 được sửa đổi bổ sung bởi Luật số 03/2022/QH15 ngày 11/01/2022 và Luật số 76/2025/QH15 ngày 17/6/2025;*
- *Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 được Quốc Hội nước Cộng hoà Xã hội chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 26/11/2019 được sửa đổi bổ sung bởi Luật số 56/2024/QH15 ngày 29/11/2024;*
- *Thông tư số 99/2020/TT-BTC được Bộ Tài chính ban hành ngày 16/11/2020 hướng dẫn về hoạt động của công ty quản lý quỹ đầu tư chứng khoán;*
- *Thông tư số 116/2020/TT-BTC hướng dẫn về quản trị công ty áp dụng đối với công ty đại chúng tại Nghị định 155/2020/NĐ-CP hướng dẫn Luật Chứng khoán do Bộ Tài chính ban hành;*
- *Các quy định áp dụng khác của nước Cộng hoà Xã hội chủ nghĩa Việt Nam.*

CHƯƠNG I. QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Giải thích từ ngữ

1.1. Trong Điều lệ này, các từ ngữ dưới đây được hiểu như sau:

- (a) **Ban điều hành** bao gồm Giám đốc, các Phó giám đốc, có quyền hạn và trách nhiệm như quy định trong Điều lệ này và theo Pháp luật;
- (b) **Ban Kiểm soát** bao gồm Trưởng Ban kiểm soát, các thành viên Ban kiểm soát, có quyền hạn và trách nhiệm như quy định trong Điều lệ này và theo Pháp luật;

- (c) **Bảng văn bản** có nghĩa là hình thức viết tay, in ấn, đánh máy, hoặc một phương thức nào khác thể hiện hoặc tạo ra chữ viết, hoặc là sự kết hợp của nhiều hình thức thể hiện chữ viết;
- (d) **Người quản lý** bao gồm Chủ tịch Hội đồng quản trị, thành viên Hội đồng quản trị, Giám đốc, các Phó giám đốc.
- (e) **Công ty** có nghĩa là Công ty Cổ phần Quản lý quỹ Ngân hàng TMCP Đại Chúng Việt Nam được thành lập và hoạt động theo quy định của pháp luật Việt Nam, với thông tin ghi nhận tại Điều lệ này;
- (f) **Cổ đông** có nghĩa là Cổ đông của Công ty, có các quyền và nghĩa vụ được quy định trong Điều lệ này;
- (g) **Cổ phần Phổ thông** có nghĩa là cổ phần phổ thông do Công ty phát hành theo quy định của Điều lệ này;
- (h) **Cơ quan Nhà nước có thẩm quyền** có nghĩa là tất cả hoặc bất kỳ một cơ quan nhà nước nào có chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn chấp thuận, phê chuẩn, cấp phép hoặc phê duyệt theo quy định của pháp luật.
- (i) **Điều lệ** nghĩa là bản Điều lệ này của Công ty, có thể được sửa đổi hoặc bổ sung vào từng thời điểm;
- (j) **Pháp luật** có nghĩa là tất cả các luật, pháp lệnh, nghị định, quyết định, thông tư và các văn bản quy phạm pháp luật khác được các cơ quan Nhà nước Việt Nam ban hành theo từng thời kỳ có hiệu lực áp dụng liên quan đến tổ chức và hoạt động của Công ty bao gồm cả các văn bản sửa đổi, bổ sung, thay thế các văn bản quy phạm pháp luật này.
- (k) **Luật Doanh nghiệp** có nghĩa là Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 được Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 17 tháng 6 năm 2020; Luật số 03/2022/QH15 được Quốc Hội nước Cộng hòa Xã hội chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 11/01/2022 sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Đầu tư công, Luật Đầu tư theo phương pháp đối tác công tư, Luật Đầu tư, Luật Nhà ở, Luật Đấu thầu, Luật Điện lực, Luật Doanh nghiệp, Luật Thuế tiêu thụ đặc biệt và Luật Thi hành án dân sự; Luật số 76/2025/QH 15 ngày 17/6/2025 sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Doanh nghiệp và các văn bản sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế Luật này.
- (l) **Luật Chứng khoán** có nghĩa là Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 được Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 26 tháng 11 năm 2019; Luật số 03/2022/QH15 ngày 11/01/2022 và Luật số 76/2025/QH15 ngày 17/6/2025 sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Chứng khoán và các văn bản sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế Luật này.

- (m) **Thông tư 99** có nghĩa là Thông tư số 99/2020/TT-BTC được Bộ Tài chính ban hành ngày 16 tháng 11 năm 2020 hướng dẫn về hoạt động của công ty quản lý quỹ đầu tư chứng khoán và các văn bản sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế Thông tư này;
- (n) **Giao dịch với người có liên quan** có nghĩa là giao dịch giữa Công ty với người có liên quan. Người có liên quan được định nghĩa tại Khoản 46 Điều 4 Luật Chứng khoán;
- (o) **Giấy phép hoạt động** nghĩa là giấy phép hoạt động do Ủy ban chứng khoán Nhà nước cấp để thành lập Công ty, và có thể được sửa đổi hoặc bổ sung trong quá trình hoạt động vào từng thời điểm;
- (p) **Năm** có nghĩa là năm dương lịch (để phân biệt với năm tài chính và những khái niệm thời gian khác);
- (q) **Người** có nghĩa là bất kỳ cá nhân, công ty, liên doanh, hiệp hội, tập đoàn, tổ chức, ngân hàng, tổ chức tài chính, Cơ quan Nhà Nước hoặc pháp nhân khác có năng lực pháp luật theo quy định của Pháp luật;
- (r) **Sổ Biên bản** có nghĩa là sổ lưu trữ tất cả các biên bản của các cuộc họp Đại hội đồng cổ đông và cuộc họp Hội đồng Quản trị;
- (s) **Sổ Đăng ký Cổ đông** có nghĩa là sổ do Công ty lập và lưu giữ theo quy định của Điều 20 Điều lệ;
- (t) **Tháng** nghĩa là tháng theo dương lịch;
- (u) **Vốn Điều lệ** nghĩa là số vốn điều lệ của Công ty được đề cập đến tại khoản 11.1 Điều 11 của Điều lệ này;
- (v) **Việt Nam** có nghĩa là Nước Cộng Hoà Xã Hội Chủ Nghĩa Việt Nam;
- (w) **VND** hoặc **Đồng** có nghĩa là đồng tiền hợp pháp của Việt Nam.

1.2. Trong Điều lệ này, việc tham chiếu tới bất kỳ điều khoản hoặc văn bản nào sẽ bao gồm cả những văn bản sửa đổi, bổ sung hoặc văn bản thay thế của điều khoản hoặc văn bản đó.

1.3. Các tiêu đề được đưa vào chỉ để tiện theo dõi và không ảnh hưởng tới ý nghĩa của Điều lệ này.

1.4. Các từ hoặc thuật ngữ không được định nghĩa cụ thể trong Điều lệ này sẽ được hiểu và áp dụng theo quy định tại Luật Chứng khoán, Luật Doanh nghiệp.

Điều 2. Tên, trụ sở công ty

2.1. Tên Công ty

- (a) Tên tiếng Việt của Công ty là:

**CÔNG TY CỔ PHẦN QUẢN LÝ QUỸ
NGÂN HÀNG THƯƠNG MẠI CỔ PHẦN ĐẠI CHỨNG VIỆT NAM**

(b) Tên giao dịch tiếng Anh của Công ty là:

PVCOMBANK FUND MANAGEMENT JSC

(c) Tên viết tắt của Công ty là: **PVCB Capital**

2.2. Trụ sở Công ty

(a) Trụ sở đăng ký ban đầu của Công ty đặt tại Tầng 4, Tòa nhà Trung Tâm Thương Mại Vân Hồ, số 51 Lê Đại Hành, quận Hai Bà Trưng, thành Phố Hà Nội.

(b) Trụ sở hiện nay của Công ty đặt tại Tầng 9, Tòa nhà Hapro Building, số 11B Cát Linh, phường Ô Chợ Dừa, thành Phố Hà Nội, Việt Nam.

(c) Hội đồng Quản trị của Công ty có quyền chuyển trụ sở hoặc mở/đóng chi nhánh hoặc văn phòng đại diện hoặc các địa điểm kinh doanh của Công ty trong lãnh thổ Việt Nam hoặc nơi khác. Trường hợp pháp luật có quy định việc chuyển trụ sở, mở/đóng chi nhánh hoặc văn phòng đại diện của Công ty cần có sự chấp thuận của Cơ quan Nhà nước, việc thực hiện sẽ có hiệu lực sau khi Công ty nhận được sự chấp thuận này.

(d) Điện thoại : +84-24-39747088

Fax : +84-24-39747014

Điều 3. Thời hạn hoạt động của Công ty

Trừ khi bị chấm dứt theo quy định tại Khoản 64.1 Điều 64 Điều lệ này, thời hạn hoạt động của Công ty là vô thời hạn.

Điều 4. Tư cách pháp nhân

4.1. Công ty cổ phần

Công ty được thành lập là một công ty cổ phần có tư cách pháp nhân độc lập và chịu trách nhiệm hữu hạn, tồn tại và hoạt động theo Pháp luật và theo Điều lệ này.

4.2. Trách nhiệm hữu hạn

(a) Công ty sẽ chỉ có trách nhiệm trong phạm vi Vốn Điều lệ của Công ty. Trừ khi được quy định khác căn cứ theo văn bản chấp thuận được các Cổ đông ký, các chủ nợ của Công ty chỉ có quyền đòi nợ trên tài sản của Công ty và không có quyền đòi nợ đối với bất kỳ Cổ đông nào. Không một bên thứ ba nào, kể cả Cơ quan Nhà nước nào, có thể yêu cầu các Cổ đông phải thanh toán các khoản nợ của Công ty.

(b) Trừ trường hợp pháp luật có quy định khác, nếu một Cổ đông không thanh toán đầy đủ cho số Cổ phần mà Cổ đông này có quyền mua, các Cổ đông khác sẽ không có nghĩa vụ

phải cấp thêm vốn cho Công ty hoặc phải thay mặt Công ty cấp thêm vốn thay cho Cổ đông đó dưới bất kỳ hình thức nào.

- (c) Công ty, với tư cách là một pháp nhân độc lập, sẽ không có bất kỳ nghĩa vụ nào đối với các khoản nợ hay bất kỳ trách nhiệm nào khác của bất kỳ Cổ đông nào.

Điều 5. Mục tiêu và ngành nghề kinh doanh

5.1. Mục tiêu

Công ty được thành lập với mục tiêu tiến hành các hoạt động kinh doanh theo quy định của Pháp luật nhằm thu lợi nhuận cho các Cổ đông, tạo việc làm và thu nhập cho người lao động trong Công ty.

5.2. Ngành nghề kinh doanh

Trong phạm vi mà Pháp luật cho phép, Công ty sẽ có ngành, nghề kinh doanh chính như sau:

- (a) Quản lý quỹ đầu tư chứng khoán (quỹ đại chúng, quỹ thành viên và các loại quỹ khác theo quy định của Pháp luật), bao gồm cả quỹ trong nước và quỹ nước ngoài có mục tiêu đầu tư vào Việt Nam; quản lý công ty đầu tư chứng khoán;
- (b) Quản lý danh mục đầu tư chứng khoán;
- (c) Tư vấn đầu tư chứng khoán;
- (d) Thực hiện các hoạt động khác mà pháp luật cho phép.

Điều 6. Người đại diện theo pháp luật của Công ty

6.1. Công ty có 01 (một) người đại diện theo pháp luật là: Giám đốc Công ty.

6.2. Quyền của Người đại diện theo pháp luật của Công ty:

- (a) Người đại diện theo pháp luật là cá nhân đại diện cho công ty thực hiện các quyền và nghĩa vụ phát sinh từ giao dịch của công ty, đại diện cho công ty với tư cách nguyên đơn, bị đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trước Trọng tài, Tòa án và các quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật.
- (b) Người đại diện theo pháp luật của Công ty có quyền hạn và trách nhiệm theo quy định của Pháp luật và Điều lệ này.

6.3. Trách nhiệm của Người đại diện theo pháp luật của Công ty:

- (a) Thực hiện các quyền và nghĩa vụ được giao một cách trung thực, cẩn trọng, tốt nhất nhằm bảo đảm lợi ích hợp pháp của Công ty.

- (b) Trung thành với lợi ích của Công ty; không lạm dụng địa vị, chức vụ và sử dụng thông tin, bí quyết, cơ hội kinh doanh, tài sản khác của Công ty để tư lợi hoặc phục vụ lợi ích của tổ chức, cá nhân khác.
- (c) Thông báo kịp thời, đầy đủ, chính xác cho công ty về doanh nghiệp mà mình, người có liên quan của mình làm chủ hoặc có cổ phần, phần vốn góp theo quy định của Luật Doanh nghiệp.
- (d) Người đại diện theo pháp luật của Công ty chịu trách nhiệm cá nhân đối với những thiệt hại cho Công ty do vi phạm nghĩa vụ quy định nêu trên.

CHƯƠNG II. NGHĨA VỤ VÀ HẠN CHẾ TRONG HOẠT ĐỘNG

NGHIỆP VỤ CỦA CÔNG TY

Điều 7. Nghĩa vụ của Công ty

- 7.1. Tuân thủ các quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty.
- 7.2. Công ty là đại diện theo ủy quyền của khách hàng ủy thác, thay mặt cho khách hàng ủy thác để thực hiện quyền sở hữu đối với tài sản của khách hàng ủy thác một cách trung thực và cẩn trọng.
- 7.3. Khi quản lý tài sản ủy thác, Công ty phải đảm bảo:
 - (a) Thực hiện việc đầu tư tài sản ủy thác theo các quy định của pháp luật, quy định tại điều lệ quỹ, điều lệ công ty đầu tư chứng khoán và hợp đồng quản lý đầu tư.
 - (b) Ký hợp đồng lưu ký hoặc hợp đồng giám sát với ngân hàng lưu ký đối với quỹ thành viên, công ty đầu tư chứng khoán riêng lẻ, danh mục đầu tư ủy thác; ký hợp đồng giám sát với ngân hàng giám sát đối với quỹ đại chúng, công ty đầu tư chứng khoán đại chúng.
 - (c) Thực hiện lưu ký toàn bộ tài sản phát sinh trên lãnh thổ Việt Nam và lưu trữ đầy đủ, kịp thời, chính xác thông tin dữ liệu về sở hữu, bản gốc các tài liệu pháp lý xác minh quyền sở hữu tài sản tại ngân hàng lưu ký, ngân hàng giám sát.
 - Trường hợp đầu tư tiền gửi, chứng chỉ tiền gửi cho khách hàng ủy thác: Công ty chỉ được gửi tại các tổ chức tín dụng trong danh sách được khách hàng ủy thác phê duyệt; phải cung cấp đầy đủ thông tin về các hợp đồng tiền gửi, các tài khoản tiền gửi cho ngân hàng lưu ký, ngân hàng giám sát để các tổ chức này đối soát số dư tài khoản tiền gửi, giá trị các hợp đồng tiền gửi với tổ chức tín dụng nhận tiền gửi, lưu trữ bản gốc các hợp đồng tiền gửi và cung cấp các hợp đồng đó theo yêu cầu của ngân hàng lưu ký, ngân hàng giám sát;
 - Trường hợp đầu tư vào phần vốn góp tại công ty trách nhiệm hữu hạn, cổ phiếu chưa niêm yết, chưa đăng ký giao dịch, trái phiếu chưa niêm yết cho khách hàng ủy thác:

Công ty phải lưu ký bản gốc hoặc bản sao hợp lệ các hợp đồng giao dịch, chứng từ giao dịch, hoặc bản gốc sổ đăng ký Cổ đông hoặc sổ đăng ký thành viên hoặc tài liệu xác nhận quyền sở hữu tài sản tại ngân hàng lưu ký, ngân hàng giám sát để các tổ chức này định kỳ đối soát với tổ chức tiếp nhận vốn đầu tư;

- (d) Xây dựng hệ thống thông tin quản lý các tài khoản của khách hàng ủy thác tại công ty bảo đảm nguyên tắc quản lý độc lập và tách biệt tài sản tới từng khách hàng ủy thác, tách biệt tài sản ủy thác và tài sản của chính công ty; lưu trữ đầy đủ, kịp thời sổ sách kế toán, chứng từ giao dịch và các tài liệu liên quan tới giao dịch và sở hữu tài sản của khách hàng ủy thác; tổng hợp đầy đủ, chính xác, kịp thời thông tin về tài sản của từng khách hàng ủy thác và nơi lưu ký các tài sản đó;
- (e) Thiết lập cơ chế kiểm tra, thường xuyên đối soát ba bên bảo đảm có sự thống nhất về dữ liệu tài sản ủy thác của khách hàng ủy thác trên hệ thống tài khoản khách hàng ủy thác quản lý tại Công ty, hệ thống lưu ký tài sản của khách hàng ủy thác tại ngân hàng lưu ký, ngân hàng giám sát với các tổ chức phát hành, Tổng công ty lưu ký và bù trừ chứng khoán Việt Nam, tổ chức quản lý sổ đăng ký cổ đông, chủ dự án, tổ chức tiếp nhận vốn đầu tư, tổ chức nhận tiền gửi. Công ty có trách nhiệm thiết lập cơ chế để ngân hàng lưu ký, ngân hàng giám sát chủ động, trực tiếp đối soát với các tổ chức nêu trên nhằm kiểm tra, giám sát, tổng hợp đầy đủ và chính xác thông tin về việc lưu ký, đăng ký sở hữu và quản lý tài sản ủy thác. Phân công tối thiểu hai (02) người điều hành quỹ để quản lý, điều hành hoạt động đầu tư của mỗi quỹ đầu tư chứng khoán, mỗi công ty đầu tư chứng khoán. Những người điều hành quỹ nêu trên phải có chứng chỉ hành nghề quản lý quỹ, có tối thiểu 02 năm kinh nghiệm trong hoạt động quản lý tài sản và chưa bị xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực chứng khoán và thị trường chứng khoán. Trường hợp quỹ đầu tư chứng khoán, công ty đầu tư chứng khoán do công ty quản lý đầu tư vào chứng khoán phái sinh chỉ nhằm mục đích phòng ngừa rủi ro, người điều hành quỹ phải có thêm chứng chỉ chuyên môn về chứng khoán phái sinh và thị trường chứng khoán phái sinh. Thông tin về trình độ, chuyên môn, nghiệp vụ, kinh nghiệm quản lý tài sản của người điều hành quỹ phải được công khai tại bản cáo bạch.

- 7.4. Công ty phải ban hành quy trình phân bổ lệnh giao dịch, phân bổ tài sản một cách hợp lý, công bằng khi thực hiện giao dịch cho khách hàng ủy thác và cho bản thân công ty. Quy trình phân bổ tài sản phải nêu rõ nguyên tắc thực hiện, phương pháp xác định giá, khối lượng tài sản phân bổ cho từng đối tượng khách hàng ủy thác, bảo đảm phù hợp với mục tiêu đầu tư, mức chấp nhận rủi ro hoặc các tiêu chí khác theo quy định nội bộ của công ty và đã thông báo cho khách hàng ủy thác. Quy trình này phải được cung cấp cho khách hàng ủy thác, ngân hàng lưu ký, ngân hàng giám sát và được áp dụng thống nhất. Trường hợp trong cùng ngày Công ty mua hoặc bán cùng một loại tài sản tại cho

nhiều khách hàng ủy thác và cho bản thân Công ty, việc phân bổ tài sản, giao dịch được thực hiện theo thứ tự ưu tiên sau:

- (a) Ưu tiên phân bổ tài sản giao dịch cho khách hàng ủy thác. Việc phân bổ tài sản giữa các khách hàng ủy thác phải công bằng, theo đúng quy trình phân bổ tài sản áp dụng thống nhất của công ty. Trong hoạt động quản lý danh mục đầu tư, trường hợp khách hàng ủy thác không chỉ định giá giao dịch, tài sản được mua hoặc bán tại các mức giá khác nhau, công ty phải sử dụng mức giá bình quân gia quyền để phân bổ tài sản; trường hợp khách hàng ủy thác chỉ định giá giao dịch, công ty quản lý quỹ phân bổ theo mức giá khách hàng chỉ định;
- (b) Việc phân bổ giao dịch cho bản thân Công ty chỉ được thực hiện sau khi đáp ứng đầy đủ các lệnh giao dịch cho khách hàng ủy thác. Trường hợp công ty biết thông tin nội bộ hoặc biết lệnh giao dịch tài sản ủy thác có thể ảnh hưởng lớn tới giá của một loại tài sản, công ty không được giao dịch cùng loại tài sản đó hoặc tiết lộ cho bên thứ ba giao dịch tài sản đó;
- (c) Việc phân bổ tài sản phải được thông báo cho ngân hàng lưu ký, ngân hàng giám sát để thực hiện ngay trong ngày giao dịch.

7.5. Trong hoạt động quản trị quỹ và hoạt động đại lý chuyên nhượng, công ty có trách nhiệm bảo đảm:

- (a) Thực hiện việc xác định giá trị tài sản ròng của danh mục đầu tư của khách hàng ủy thác, giá trị tài sản ròng của quỹ, công ty đầu tư chứng khoán, giá trị tài sản ròng trên một chứng chỉ quỹ, cổ phiếu của công ty đầu tư chứng khoán và các hoạt động quản trị quỹ khác theo quy định của pháp luật về quỹ đầu tư chứng khoán, Điều lệ quỹ, Điều lệ công ty đầu tư chứng khoán, hợp đồng ủy thác đầu tư;
- (b) Lập, lưu trữ, cập nhật kịp thời, đầy đủ, chính xác sổ đăng ký nhà đầu tư, sổ đăng ký cổ đông. Nội dung sổ đăng ký nhà đầu tư, sổ đăng ký Cổ đông thực hiện theo quy định có liên quan của pháp luật về quỹ đầu tư chứng khoán, Điều lệ quỹ, Điều lệ công ty đầu tư chứng khoán;
- (c) Công ty được ủy quyền hoạt động quản trị quỹ và hoạt động đại lý chuyên nhượng. Việc ủy quyền hoạt động tuân thủ quy định tại Điều 9 Điều lệ này và các quy định tại Điều lệ quỹ, Điều lệ công ty đầu tư chứng khoán.

7.6. Công ty có nghĩa vụ cung cấp kịp thời, đầy đủ các thông tin về: khách hàng ủy thác, danh mục tài sản ủy thác, giao dịch tài sản ủy thác, tổ chức tiếp nhận vốn đầu tư, người có liên quan của công ty quản lý quỹ, các thông tin liên quan khác cho ngân hàng lưu ký, ngân hàng giám sát. Công ty phải cung cấp thông tin theo yêu cầu bằng văn bản của ngân hàng lưu ký, ngân hàng giám sát và tạo điều kiện thuận lợi để các tổ chức này thực

- hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ theo quy định của pháp luật. Tối thiểu 01 tháng một lần, công ty có nghĩa vụ đối chiếu danh mục tài sản của từng khách hàng Ủy thác với ngân hàng lưu ký, ngân hàng giám sát.
- 7.7. Trong thời hạn mười lăm (15) ngày, kể từ ngày ngân hàng giám sát phát hiện và thông báo cho công ty về các giao dịch tài sản ủy thác trái với quy định hoặc vượt quá thẩm quyền của công ty theo quy định của pháp luật, quy định tại điều lệ quỹ, điều lệ công ty đầu tư chứng khoán, hợp đồng ủy thác đầu tư thì công ty phải hủy bỏ giao dịch, hoặc thực hiện các giao dịch nhằm khôi phục lại danh mục cho khách hàng ủy thác. Công ty phải chịu toàn bộ chi phí phát sinh liên quan đến các giao dịch này và các tổn thất (nếu có). Trường hợp các giao dịch này phát sinh lợi nhuận, toàn bộ khoản lợi nhuận phải hạch toán cho khách hàng ủy thác.
- 7.8. Công ty phải ban hành quy trình quản lý quỹ đầu tư chứng khoán, quy trình quản lý danh mục đầu tư chứng khoán, quy trình tư vấn đầu tư chứng khoán và các quy trình nghiệp vụ khác phù hợp với nghiệp vụ kinh doanh chứng khoán của công ty; quy trình kiểm soát nội bộ; sổ tay định giá; quy trình về điều kiện, trình tự, thủ tục triệu tập, thể thức tiến hành họp và thông qua quyết định tại Đại hội nhà đầu tư áp dụng chung cho các quỹ, Đại hội đồng Cổ đông công ty đầu tư chứng khoán; quy tắc đạo đức nghề nghiệp chi tiết tới từng vị trí công tác. Trường hợp khách hàng ủy thác đầu tư chứng khoán phái sinh để phòng ngừa rủi ro, quy trình quản lý quỹ đầu tư chứng khoán phải có quy định cụ thể về nguyên tắc, phương pháp sử dụng chứng khoán phái sinh để phòng ngừa rủi ro cho quỹ, công ty đầu tư chứng khoán; quy trình quản lý danh mục đầu tư chứng khoán phải có quy định cụ thể về nguyên tắc, phương pháp sử dụng chứng khoán phái sinh để phòng ngừa rủi ro cho chứng khoán cơ sở mà khách hàng ủy thác đang nắm giữ. Các quy trình được triển khai áp dụng thống nhất trong hoạt động công ty.
- 7.9. Công ty phải tuân thủ các quy tắc về đạo đức nghề nghiệp, tự nguyện, công bằng, trung thực và vì lợi ích cao nhất của khách hàng ủy thác. Quy định về việc tuân thủ quy tắc đạo đức nghề nghiệp là điều khoản bắt buộc của hợp đồng lao động giữa công ty và nhân viên.
- 7.10. Công ty phải thiết lập hệ thống quản trị rủi ro và ban hành chiến lược, chính sách và quy trình quản trị rủi ro phù hợp với mô hình tổ chức, quy mô hoạt động của công ty, các loại hình quỹ đầu tư chứng khoán, công ty đầu tư chứng khoán và khách hàng ủy thác do Công ty quản lý. Hệ thống quản trị rủi ro, chiến lược, chính sách, quy trình quản trị rủi ro xây dựng dựa theo thông lệ quốc tế phù hợp với điều kiện thị trường Việt Nam và theo hướng dẫn của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước.
- 7.11. Công ty chịu trách nhiệm đền bù các tổn thất gây ra cho khách hàng ủy thác do lỗi của nhân viên, sự cố hoặc lỗi của hệ thống kỹ thuật và quy trình nghiệp vụ của công ty hoặc

do công ty không thực hiện đúng nghĩa vụ theo quy định của pháp luật, quy định tại điều lệ quỹ, điều lệ công ty đầu tư chứng khoán và hợp đồng ủy thác đầu tư. Việc bồi thường cho quỹ mở, nhà đầu tư vào quỹ mở thực hiện theo quy định của pháp luật về quỹ đầu tư chứng khoán và thỏa thuận giữa các bên liên quan. Việc bồi thường cho quỹ đóng, quỹ thành viên, công ty đầu tư chứng khoán, khách hàng ủy thác khác thực hiện theo thỏa thuận giữa các bên liên quan.

- 7.12.** Công ty phải mua bảo hiểm trách nhiệm nghề nghiệp cho nhân viên làm việc tại bộ phận nghiệp vụ kinh doanh chứng khoán (nếu xét là cần thiết), hoặc trích lập quỹ dự phòng rủi ro nghiệp vụ theo quy định của pháp luật để bồi thường thiệt hại cho khách hàng ủy thác trong các trường hợp quy định tại Khoản 7.12 Điều này.
- 7.13.** Công ty phải tuân thủ các quy định về phòng chống rửa tiền theo quy định của pháp luật hiện hành. Công ty có trách nhiệm thực hiện, yêu cầu đại lý phân phối xây dựng, ban hành và tổ chức thực hiện quy định nội bộ về phòng, chống rửa tiền.
- 7.14.** Công ty có trách nhiệm thực hiện, yêu cầu các đại lý phân phối xây dựng, ban hành và tổ chức thực hiện quy trình, thủ tục nhận biết khách hàng, xác minh và cập nhật thông tin khách hàng theo quy định của pháp luật về chứng khoán, pháp luật về phòng chống rửa tiền và các quy định pháp luật có liên quan. Khi thực hiện nhận biết khách hàng, Công ty, đại lý phân phối được quyết định gặp mặt trực tiếp hoặc không gặp mặt trực tiếp khách hàng.
- (a) Trường hợp không gặp mặt trực tiếp khách hàng, Công ty, đại lý phân phối phải đảm bảo có các biện pháp, hình thức, công nghệ để nhận biết, thu thập đầy đủ thông tin khách hàng và xác minh chính xác khách hàng theo quy định của pháp luật về chứng khoán, pháp luật về phòng chống rửa tiền, pháp luật về giao dịch điện tử, các quy định pháp luật có liên quan về đảm bảo an toàn, bảo mật thông tin khách hàng;
- (b) Công ty, đại lý phân phối phải lưu trữ đầy đủ thông tin, dữ liệu nhận biết khách hàng theo quy định của pháp luật về chứng khoán, pháp luật về phòng chống rửa tiền và quy định pháp luật có liên quan. Các thông tin nhận biết khách hàng phải được lưu trữ dự phòng, bảo mật và cung cấp theo yêu cầu của cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền;
- (c) Trước khi triển khai hoạt động nhận biết khách hàng bằng phương pháp không gặp mặt trực tiếp, Công ty, đại lý phân phối thông qua Công ty phải thông báo tới Ủy ban Chứng khoán Nhà nước.
- 7.15.** Công ty bảo đảm việc đầu tư tài sản của khách hàng ủy thác là cá nhân, tổ chức nước ngoài tuân thủ đúng các quy định pháp luật về quản lý ngoại hối, tỷ lệ sở hữu tại các doanh nghiệp Việt Nam tại thời điểm đầu tư.
- 7.16.** Công ty khi sử dụng tài sản ủy thác huy động tại Việt Nam để đầu tư gián tiếp ra nước

ngoài phải tuân thủ quy định của pháp luật về đầu tư gián tiếp ra nước ngoài, về quản lý ngoại hối và các quy định pháp luật có liên quan khác. Hoạt động đầu tư gián tiếp ra nước ngoài chỉ được thực hiện nếu Điều lệ quỹ, Điều lệ công ty đầu tư chứng khoán, hợp đồng ủy thác đầu tư có điều khoản cho phép thực hiện.

7.17. Khi thực hiện giao dịch tài sản cho khách hàng ủy thác, công ty bảo đảm:

(a) Đối với quỹ đại chúng, công ty đầu tư chứng khoán đại chúng:

- Giá trị giao dịch chứng khoán trong năm thông qua môi giới của một công ty chứng khoán không được vượt quá 50% tổng giá trị giao dịch chứng khoán trong năm của quỹ đại chúng, công ty đầu tư chứng khoán đại chúng đó;
- Giá trị giao dịch chứng khoán trong năm thông qua môi giới của một công ty chứng khoán là người có liên quan của Công ty không được vượt quá 20% tổng giá trị giao dịch chứng khoán trong năm của quỹ đại chúng, công ty đầu tư chứng khoán đại chúng đó.

Quy định tại điểm này không áp dụng đối với: quỹ đại chúng, công ty đầu tư chứng khoán đại chúng có thời gian hoạt động chưa đủ 06 tháng tính từ ngày được cấp Giấy chứng nhận đăng ký lập quỹ, Giấy phép thành lập và hoạt động đến hết năm mà quỹ, công ty đầu tư chứng khoán đó được thành lập; Quỹ mở trái phiếu có tổng giá trị giao dịch trong năm thấp hơn 300 tỷ đồng;

(b) Đối với các khách hàng ủy thác khác, Công ty phải tuân thủ quy định tại điểm a khoản này, trừ trường hợp Công ty đã cung cấp đầy đủ thông tin về lợi ích của Công ty với công ty chứng khoán liên quan và khách hàng ủy thác có văn bản chấp thuận cho phép không cần áp dụng quy định nêu trên.

7.18. Công ty có trách nhiệm bảo mật thông tin của khách hàng, thông tin về giao dịch tài sản, danh mục đầu tư của khách hàng và các thông tin khác liên quan, trừ trường hợp cung cấp thông tin cho Ủy ban Chứng khoán Nhà nước và các cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền theo yêu cầu.

7.19. Công ty phải bảo đảm:

- (a) Tách biệt về trụ sở, hạ tầng công nghệ thông tin với các tổ chức khác. Trường hợp công ty sử dụng hạ tầng công nghệ thông tin của công ty mẹ, công ty con hoặc tổ chức là người có liên quan thì phải sử dụng cơ chế phân quyền và bảo mật, bảo đảm các bộ phận của công ty mẹ, công ty con hoặc tổ chức là người có liên quan không truy cập được vào hệ thống máy tính, cơ sở dữ liệu của Công ty;
- (b) Tách biệt về cơ sở vật chất, nhân sự, cơ sở dữ liệu giữa các hoạt động nghiệp vụ tiềm ẩn xung đột lợi ích trong Công ty, trong đó có sự tách biệt giữa hoạt động quản lý tài sản ủy thác; hoạt động nghiên cứu, phân tích đầu tư; thực hiện đầu tư; hoạt động tư vấn đầu

tư chứng khoán. Hệ thống máy tính và cơ sở dữ liệu được phân quyền tới từng cá nhân, bộ phận, phù hợp với vị trí công tác theo quy định về kiểm soát nội bộ;

- (c) Tách biệt về cơ sở vật chất, nhân sự, cơ sở dữ liệu giữa hoạt động đầu tư tài chính của Công ty với các hoạt động quản lý quỹ đầu tư chứng khoán, quản lý danh mục đầu tư chứng khoán, tư vấn đầu tư chứng khoán.

7.20. Trong hoạt động đầu tư tài chính từ vốn chủ sở hữu, công ty bảo đảm:

- (a) Hoạt động đầu tư tài chính phải từ nguồn vốn chủ sở hữu, không phải là vốn vay dưới mọi hình thức;
- (b) Không được đầu tư chứng khoán phái sinh từ nguồn vốn của mình, từ nguồn vốn vay và các nguồn vốn huy động hợp pháp khác;
- (c) Không được cho vay, hoặc giao vốn của công ty cho các tổ chức, cá nhân dưới mọi hình thức, ngoại trừ trường hợp gửi tiền tại tổ chức tín dụng theo quy định của pháp luật ngân hàng, đầu tư vào chứng chỉ tiền gửi, tín phiếu kho bạc, trái phiếu niêm yết được phát hành theo quy định của pháp luật;
- (d) Hợp đồng kinh tế, giao dịch (nếu có) giữa công ty với những người có liên quan của công ty chỉ được thực hiện sau khi được Đại hội đồng Cổ đông hoặc Hội đồng Quản trị thông qua theo quy định tại Điều lệ này và quy định của pháp luật về doanh nghiệp;
- (e) Được sử dụng các nguồn vốn huy động hợp pháp, kể cả vốn vay, để đầu tư làm trụ sở Công ty. Trường hợp không sử dụng hết trụ sở, công ty được cho thuê lại;
- (f) Công ty có trách nhiệm báo cáo cho Ủy ban Chứng khoán Nhà nước về các khoản đầu tư vào các công ty con, công ty liên doanh, công ty liên kết và tình hình tăng, giảm giá trị các khoản đầu tư này trong thời hạn ba mươi (30) ngày kể từ ngày hoàn tất việc đầu tư, thay đổi giá trị khoản đầu tư, thoái vốn đầu tư theo quy định.
- (g) Không được góp vốn thành lập, mua cổ phần hoặc phần vốn góp tại công ty quản lý quỹ khác tại Việt Nam, ngoại trừ các trường hợp sau:
- Hoạt động hợp nhất, sáp nhập; hoặc
 - Mua để sở hữu hoặc cùng với người có liên quan sở hữu không quá 5% số cổ phiếu đang lưu hành của công ty quản lý quỹ đã đăng ký giao dịch, niêm yết trên Sở giao dịch chứng khoán.
- (h) Công ty và người có liên quan (ngoại trừ người có liên quan là các quỹ, công ty đầu tư chứng khoán do Công ty quản lý) chỉ được đầu tư không quá 5% số cổ phiếu có quyền biểu quyết đang lưu hành của công ty chứng khoán đã đăng ký giao dịch, niêm yết trên Sở giao dịch chứng khoán.

7.21. Khi thực hiện quản lý vốn đầu tư của công ty đầu tư chứng khoán, công ty phải bảo đảm:

ĐIỀU LỆ CÔNG TY CP QUẢN LÝ QUỸ NGÂN HÀNG TMCP ĐẠI CHỨNG VIỆT NAM

- (a) Chịu sự giám sát của đại hội đồng cổ đông, Hội đồng Quản trị công ty đầu tư chứng khoán, ngân hàng giám sát và chịu trách nhiệm trước Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng Quản trị của công ty đầu tư chứng khoán về việc thực hiện các quyền và nhiệm vụ được giao, các quy định tại điều lệ công ty đầu tư chứng khoán, hợp đồng ủy thác đầu tư;
- (b) Thiết lập hệ thống, xây dựng quy trình và thực hiện việc quản trị rủi ro phù hợp với chính sách đầu tư, loại tài sản đầu tư và báo cáo Đại hội đồng Cổ đông và Hội đồng Quản trị về công tác quản trị rủi ro;
- (c) Chỉ đưa ra các quyết định đầu tư, thoái vốn đầu tư hàng ngày của công ty đầu tư chứng khoán mà không cần phải có quyết định của Đại hội đồng Cổ đông, Hội đồng Quản trị của công ty đầu tư chứng khoán theo quy định tại điều lệ công ty đầu tư chứng khoán và hợp đồng ủy thác đầu tư;
- (d) Thực hiện các chính sách đầu tư, quyết định của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng Quản trị của công ty đầu tư chứng khoán theo quy định tại điều lệ công ty đầu tư chứng khoán; thực hiện các giao dịch tài sản trong phạm vi hạn mức đầu tư, loại tài sản được phép đầu tư, khối lượng giao dịch và đối tượng giao dịch đã được quy định tại điều lệ công ty đầu tư chứng khoán, hợp đồng ủy thác đầu tư;
- đ) Kiến nghị phương án chi trả cổ tức, phương án điều chỉnh tăng, giảm vốn điều lệ; phương án tái cấu trúc công ty đầu tư chứng khoán;
- (e) Ký các hợp đồng nhân danh công ty đầu tư chứng khoán theo thẩm quyền quy định tại điều lệ công ty đầu tư chứng khoán và hợp đồng ủy thác đầu tư;
- g) Thực hiện các quyền và nhiệm vụ khác theo quy định của pháp luật, điều lệ công ty đầu tư chứng khoán, hợp đồng ủy thác đầu tư và quyết định của đại hội đồng cổ đông, Hội đồng Quản trị công ty đầu tư chứng khoán.

7.22. Trong hoạt động báo cáo sở hữu, công bố thông tin về giao dịch trên thị trường chứng khoán, công ty có trách nhiệm:

- (a) Công ty cùng với các khách hàng ủy thác phải tuân thủ các quy định của pháp luật về báo cáo sở hữu và công bố thông tin trên thị trường chứng khoán áp dụng đối với Cổ đông lớn của công ty đại chúng, nhà đầu tư sở hữu từ 5% trở lên chứng chỉ quỹ của quỹ đóng, người nội bộ, người có liên quan của người nội bộ;
- (b) Nghĩa vụ báo cáo sở hữu, công bố thông tin phát sinh kể từ thời điểm:
 - Số cổ phiếu, chứng chỉ quỹ do Công ty và các khách hàng ủy thác sở hữu đạt từ 5% trở lên tổng số cổ phiếu có quyền biểu quyết của một công ty đại chúng hoặc đạt từ 5% trở lên tổng số chứng chỉ quỹ của một quỹ đóng, ngoại trừ khách hàng ủy thác là quỹ hoán đổi danh mục;

- Công ty là người có liên quan của người nội bộ theo quy định của pháp luật, ngoại trừ giao dịch hoán đổi của quỹ hoán đổi danh mục và hoạt động tái cơ cấu danh mục theo định kỳ của chỉ số tham chiếu;
 - Nghĩa vụ báo cáo sở hữu, công bố thông tin, phương thức, thời điểm công bố thông tin, mẫu báo cáo sở hữu, công bố thông tin thực hiện theo quy định pháp luật về công bố thông tin trên thị trường chứng khoán;
- (c) Thực hiện các nghĩa vụ khác về báo cáo sở hữu và công bố thông tin theo quy định của pháp luật về công bố thông tin trên thị trường chứng khoán. Trường hợp khách hàng ủy thác danh mục đầu tư đứng tên chủ sở hữu tài sản ủy thác, khách hàng ủy thác có trách nhiệm thực hiện nghĩa vụ báo cáo sở hữu, công bố thông tin theo quy định của pháp luật.

7.23. Công ty có trách nhiệm hàng năm tổ chức đào tạo, tập huấn cho nhân viên hoặc cử các nhân viên hành nghề chứng khoán tham gia các khóa tập huấn do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước tổ chức (nếu có), bảo đảm đội ngũ nhân viên được cập nhật kỹ năng, chuyên môn, nghiệp vụ, kiến thức về pháp luật. Thông tin về các hoạt động này của công ty phải được gửi kèm trong báo cáo tình hình hoạt động hàng năm gửi Ủy ban Chứng khoán Nhà nước.

7.24. Công ty quản lý quỹ phải được Ủy ban Chứng khoán Nhà nước chấp thuận và phải được Ngân hàng Nhà nước Việt Nam cấp hạn mức trước khi thực hiện đầu tư gián tiếp ra nước ngoài. Hoạt động đầu tư gián tiếp ra nước ngoài phải bảo đảm tuân thủ quy định tại điểm a khoản 6.19 Điều này, quy định của pháp luật về đầu tư, pháp luật ngân hàng và các nguyên tắc sau:

- (a) Công ty được phép đầu tư tối đa 20% vốn chủ sở hữu tại Báo cáo Tài chính năm gần nhất đã được kiểm toán hoặc Báo cáo Tài chính 06 tháng gần nhất đã được soát xét và Báo cáo Tài chính quý gần nhất; đảm bảo không vượt quá hạn mức đã được Ngân hàng Nhà nước Việt Nam xác nhận. Công ty chỉ đầu tư gián tiếp ra nước ngoài vào công cụ đầu tư do Ngân hàng Nhà nước Việt Nam quy định;
- (b) Trường hợp danh mục đầu tư của công ty vượt quá hạn mức quy định do biến động giá trên thị trường của tài sản đang nắm giữ hoặc do được hưởng các quyền có liên quan đến tài sản nắm giữ, công ty phải thực hiện các biện pháp điều chỉnh cần thiết để tuân thủ hạn mức đầu tư theo quy định tại điểm a khoản này trong thời hạn 03 tháng kể từ ngày đầu tư vượt quá hạn mức.

7.25. Khi quản lý quỹ hưu trí bổ sung tự nguyện, công ty phải đảm bảo tuân thủ quy định của pháp luật về chương trình hưu trí bổ sung tự nguyện.

7.26. Khi cung cấp dịch vụ giao dịch chứng khoán trực tuyến, Công ty, đại lý phân phối chứng

chỉ quỹ phải tuân thủ quy định của pháp luật về giao dịch chứng khoán điện tử.

7.27. Công ty phải cập nhật đầy đủ, kịp thời các thay đổi về tổ chức và hoạt động của công ty vào cơ sở dữ liệu công ty quản lý quỹ của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước.

Điều 8. Hạn chế đối với hoạt động của Công ty và nhân viên công ty

8.1. Công ty không được là người có liên quan hoặc có quan hệ sở hữu, vay hoặc cho vay của ngân hàng giám sát, ngân hàng lưu ký của quỹ đầu tư chứng khoán, công ty đầu tư chứng khoán mà Công ty đang quản lý. Thành viên Hội đồng quản trị, nhân viên Bộ phận kiểm toán nội bộ, Ban Kiểm soát, Ban Điều hành, nhân viên của Công ty không được làm việc ở các bộ phận cung cấp dịch vụ lưu ký, giám sát, quản trị quỹ tại các ngân hàng này và ngược lại.

8.2. Công ty, người có liên quan của Công ty được tham gia góp vốn thành lập, đầu tư vào quỹ, công ty đầu tư chứng khoán mà Công ty đang quản lý nếu Điều lệ quỹ, Điều lệ công ty đầu tư chứng khoán cho phép, ngoại trừ những hoạt động không được phép thực hiện quy định tại Khoản 8.6.2 Điều này.

8.3. Công ty, công ty mẹ, công ty con, công ty liên doanh, công ty liên kết, thành viên Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát, Ban Điều hành, nhân viên của Công ty chỉ được mua, bán tài sản trong danh mục tài sản ủy thác mà Công ty đang quản lý theo nguyên tắc sau:

- (a) Giao dịch được thực hiện theo phương thức khớp lệnh tập trung tại Sở Giao dịch Chứng khoán;
- (b) Trường hợp giao dịch không theo phương thức khớp lệnh tập trung, giao dịch được thực hiện khi có văn bản chấp thuận của khách hàng ủy thác hoặc đại diện của khách hàng ủy thác. Văn bản chấp thuận của khách hàng ủy thác phải thể hiện: loại tài sản giao dịch, đối tác giao dịch hoặc tiêu chí xác định đối tác giao dịch, giá giao dịch hoặc nguyên tắc xác định giá giao dịch, thời điểm thực hiện giao dịch.

8.4. Tất cả các giao dịch chứng khoán của thành viên Ban Điều hành, nhân viên của Công ty phải báo cáo Bộ phận kiểm soát nội bộ trước và ngay sau khi giao dịch. Báo cáo giao dịch của các cá nhân trên phải bao gồm: tên chứng khoán giao dịch, số lượng, giá giao dịch, tổng giá trị giao dịch, thời gian thực hiện, phương thức thực hiện, số tài khoản giao dịch, công ty chứng khoán nơi mở tài khoản giao dịch. Báo cáo giao dịch của các cá nhân phải được lưu trữ và quản lý tại bộ phận kiểm soát nội bộ và cung cấp cho Ủy ban Chứng khoán Nhà nước khi có yêu cầu.

8.5. Thành viên Hội đồng quản trị, Ban điều hành, nhân viên của công ty không được phép yêu cầu, đòi hỏi hoặc tiếp nhận, dưới danh nghĩa cá nhân hoặc danh nghĩa công ty, bất kỳ khoản thù lao, lợi nhuận hay lợi ích nào, ngoài các loại giá dịch vụ, thưởng theo quy

định tại khoản 8.9 Điều này được quy định tại điều lệ quỹ, điều lệ công ty đầu tư chứng khoán, hợp đồng ủy thác đầu tư.

8.6. Trong hoạt động quản lý tài sản ủy thác, công ty bảo đảm:

- (a) Không được sử dụng tài sản của quỹ, công ty đầu tư chứng khoán để đầu tư vào chính quỹ, công ty đầu tư chứng khoán đó;
- (b) Không được sử dụng tài sản của khách hàng ủy thác quản lý danh mục, quỹ, công ty đầu tư chứng khoán do mình quản lý, ngoại trừ khách hàng ủy thác quản lý danh mục chỉ định đầu tư, khách hàng ủy thác là cá nhân nước ngoài, tổ chức được thành lập theo pháp luật nước ngoài, doanh nghiệp 100% vốn nước ngoài, quỹ hưu trí bổ sung tự nguyện và các khách hàng này đã chấp thuận cho phép thực hiện các giao dịch nêu trên;
- (c) Không được sử dụng tài sản của quỹ đại chúng, công ty đầu tư chứng khoán đại chúng để đầu tư vào chính Công ty; không đầu tư vào tổ chức là người có liên quan của Công ty trừ trường hợp sử dụng tài sản của quỹ hoán đổi danh mục để đầu tư vào chứng khoán nằm trong danh mục chứng khoán cơ cấu của chỉ số tham chiếu; không đầu tư vào tổ chức mà thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban điều hành, nhân viên của công ty là Cổ đông sở hữu trên mười phần trăm (10%) vốn điều lệ.

Công ty có thể sử dụng vốn của quỹ thành viên, công ty đầu tư chứng khoán riêng lẻ, tài sản của khách hàng ủy thác quản lý danh mục để đầu tư vào các tổ chức nêu trên trong trường hợp điều lệ quỹ, điều lệ công ty đầu tư chứng khoán riêng lẻ, hợp đồng ủy thác đầu tư, biên bản thỏa thuận góp vốn có quy định cho phép Công ty thực hiện việc đầu tư này với mức phí quản lý phù hợp và đảm bảo tuân thủ quy định tại điểm b khoản này;

- (d) Không được sử dụng tài sản ủy thác để cho vay dưới mọi hình thức, bảo lãnh cho các khoản vay dưới mọi hình thức hoặc thanh toán các nghĩa vụ nợ của công ty, người có liên quan của công ty, tổ chức, cá nhân khác.

Quy định này không áp dụng trong trường hợp: khách hàng ủy thác là cá nhân nước ngoài, tổ chức thành lập theo pháp luật nước ngoài và đã chấp thuận cho phép thực hiện các giao dịch nêu trên; hoặc trong trường hợp khách hàng ủy thác quản lý danh mục đứng tên chủ sở hữu tài sản ủy thác.

- (e) Chỉ sử dụng tài sản của khách hàng ủy thác quản lý danh mục để đầu tư vào chứng khoán phái sinh niêm yết tại Sở giao dịch chứng khoán với mục đích phòng ngừa rủi ro cho chứng khoán cơ sở mà khách hàng ủy thác đang nắm giữ. Việc đầu tư tài sản của quỹ, công ty đầu tư chứng khoán vào chứng khoán phái sinh phải tuân thủ quy định của pháp luật về quỹ đầu tư chứng khoán.

- (f) Không được đưa ra nhận định hoặc bảo đảm với khách hàng ủy thác về mức thu nhập hoặc lợi nhuận đạt được trên khoản đầu tư hoặc bảo đảm khách hàng ủy thác không bị thua lỗ, trừ trường hợp đầu tư vào chứng khoán có thu nhập cố định; không được ký các hợp đồng nhận ủy thác đầu tư vào trái phiếu với lãi suất không phù hợp với thực tế thị trường và kết quả phân tích đầu tư của Công ty; không trực tiếp hay gián tiếp, bù đắp một phần hoặc toàn bộ các khoản thua lỗ của khách hàng ủy thác do hoạt động đầu tư.
- (g) Không được thực hiện các giao dịch nhằm làm giảm lợi nhuận của một khách hàng ủy thác để làm tăng lợi nhuận của một khách hàng ủy thác khác; không được giao kết hợp đồng, thực hiện giao dịch với các điều khoản bất lợi cho khách hàng ủy thác.
- 8.7.** Công ty chỉ được sử dụng vốn chủ sở hữu và vốn của các khách hàng ủy thác để mua và sở hữu (không tính số cổ phiếu trong danh mục của khách hàng ủy thác là quỹ hoán đổi danh mục) từ 25% trở lên số cổ phiếu có quyền biểu quyết của một công ty đại chúng, chứng chỉ quỹ đóng đang lưu hành của một quỹ đóng khi đảm bảo:
- (a) Được sự chấp thuận bằng văn bản của các khách hàng ủy thác hoặc đại diện của khách hàng ủy thác về việc chào mua công khai, mức giá chào mua, khối lượng tài sản dự kiến chào mua, phương thức phân phối tài sản sau khi thực hiện chào mua;
- (b) Công ty thực hiện chào mua công khai theo quy định chào mua công khai của pháp luật về chứng khoán.
- 8.8.** Công ty không được ủy quyền, thuê ngoài các tổ chức tại Việt Nam để cung cấp dịch vụ quản lý quỹ đầu tư chứng khoán, quản lý danh mục đầu tư chứng khoán, tư vấn đầu tư chứng khoán.
- 8.9.** Ngoài trừ quỹ mở, công ty được nhận thưởng hoạt động theo quy định tại Điều lệ quỹ, Điều lệ công ty đầu tư chứng khoán, hợp đồng ủy thác đầu tư. Mức thưởng bảo đảm tuân thủ nguyên tắc sau:
- (a) Được tính trên cơ sở phần lợi nhuận hằng năm của quỹ đầu tư chứng khoán, công ty đầu tư chứng khoán vượt trội so với lợi nhuận tham chiếu được xác định dựa vào tỷ lệ tăng trưởng chỉ số thị trường, cơ cấu danh mục đầu tư và các chỉ tiêu khác quy định tại Điều lệ quỹ, Điều lệ công ty đầu tư chứng khoán, hợp đồng ủy thác đầu tư;
- (b) Phải tính giảm trừ, hoặc không được thanh toán nếu hoạt động đầu tư tại các năm liền trước bị thua lỗ và mức lỗ này chưa được bù đắp.

Điều 9. Ủy quyền hoạt động

9.1. Trong quá trình thực hiện nghiệp vụ kinh doanh, Công ty được:

- (a) Ủy quyền cho ngân hàng lưu ký, ngân hàng giám sát, Tổng công ty lưu ký và bù trừ chứng khoán Việt Nam thực hiện các dịch vụ quản trị quỹ, đại lý chuyển nhượng cho quỹ đầu tư chứng khoán, công ty đầu tư chứng khoán;
- (b) Ủy quyền cho tổ chức nước ngoài cung cấp dịch vụ tư vấn, quản lý tài sản đối với tài sản của khách hàng ủy thác đầu tư ở nước ngoài.

9.2. Khi thực hiện ủy quyền các hoạt động quy định tại Khoản 9.1 Điều này, Công ty bảo đảm:

- (a) Điều lệ quỹ, Điều lệ công ty đầu tư chứng khoán, hợp đồng ủy thác đầu tư có quy định cho phép Công ty được ủy quyền các hoạt động này. Trường hợp ủy quyền hoạt động theo quy định tại Điểm b Khoản 9.1 Điều này, tổ chức nước ngoài phải được cơ quan quản lý trong lĩnh vực chứng khoán nước ngoài cấp phép hoạt động nhận ủy quyền và chịu sự quản lý, thanh tra, giám sát của cơ quan này;
- (b) Các thông tin cơ bản của bên nhận ủy quyền, phạm vi hoạt động, chức năng, nhiệm vụ của bên nhận ủy quyền phải được công bố tại Bản cáo bạch, cung cấp cho khách hàng ủy thác. Đại hội nhà đầu tư của quỹ đầu tư chứng khoán, Đại hội đồng Cổ đông công ty đầu tư chứng khoán, khách hàng ủy thác có quyền yêu cầu Công ty thay đổi tổ chức nhận ủy quyền nếu xét thấy cần thiết;
- (c) Bên nhận ủy quyền phải có đủ năng lực, hệ thống, nhân sự, kinh nghiệm để thực hiện hoạt động được ủy quyền;
- (d) Bộ phận cung cấp dịch vụ của bên nhận ủy quyền phải tách biệt với các bộ phận còn lại của bên nhận ủy quyền về tổ chức nhân sự, hệ thống quy trình nghiệp vụ, hệ thống báo cáo và phê duyệt báo cáo;
- (e) Bên nhận ủy quyền có trách nhiệm cung cấp cho Công ty báo cáo kiểm toán độc lập đối với hoạt động ủy quyền, các tài liệu phục vụ cho hoạt động kiểm tra, giám sát của Công ty theo quy định;
- (f) Việc ủy quyền hoạt động và bên nhận ủy quyền hoạt động theo quy định tại Điểm a Khoản 9.1 Điều này phải được nêu rõ tại Điều lệ quỹ, Điều lệ công ty đầu tư chứng khoán. Việc ủy quyền hoạt động và bên nhận ủy quyền theo quy định tại Điểm b Khoản 9.1 Điều này phải được Đại hội nhà đầu tư, Đại hội đồng Cổ đông công ty đầu tư chứng khoán, khách hàng ủy thác chấp thuận bằng văn bản.

9.3. Trong hoạt động ủy quyền, Công ty phải có trách nhiệm:

- (a) Trước khi ký kết hợp đồng sử dụng dịch vụ của bên nhận ủy quyền, Công ty phải thẩm định và lập biên bản đánh giá năng lực và cơ sở vật chất, bảo đảm bên nhận ủy quyền có đủ trang thiết bị cơ sở vật chất, giải pháp kỹ thuật, quy trình nghiệp vụ, nhân sự có kinh nghiệm và trình độ chuyên môn phù hợp để thực hiện các hoạt động được ủy quyền;

ĐIỀU LỆ CÔNG TY CP QUẢN LÝ QUỸ NGÂN HÀNG TMCP ĐẠI CHỨNG VIỆT NAM

- (b) Ký hợp đồng ủy quyền với bên nhận ủy quyền. Hợp đồng ủy quyền bao gồm các nội dung tối thiểu theo quy định;
- (c) Thường xuyên kiểm tra, giám sát bảo đảm hoạt động đã ủy quyền được thực hiện thận trọng, an toàn, phù hợp với quy định của pháp luật, quy định tại Điều lệ quỹ, Điều lệ công ty đầu tư chứng khoán, hợp đồng ủy thác đầu tư, bảo đảm chất lượng dịch vụ cung cấp phù hợp với tiêu chí và yêu cầu của công ty và của khách hàng ủy thác (nếu có). Công ty được sử dụng tư vấn độc lập, dịch vụ cung cấp bởi các tổ chức chuyên nghiệp, hoạt động hợp pháp khác để thực hiện trách nhiệm quy định tại điểm này. Định kỳ hằng tháng, Công ty phải lập báo cáo tổng hợp về kết quả kiểm tra, giám sát các hoạt động đã ủy quyền;
- (d) Duy trì nhân sự có kinh nghiệm, chuyên môn, nghiệp vụ phù hợp để giám sát, nhận diện và quản lý hiệu quả các rủi ro phát sinh từ hoạt động đã ủy quyền;
- (e) Thiết lập hệ thống, xây dựng quy trình bảo đảm tại mọi thời điểm Công ty, tổ chức kiểm toán độc lập, Ủy ban Chứng khoán Nhà nước có thể tiếp cận các thông tin cần thiết để kiểm tra, giám sát các hoạt động ủy quyền, đánh giá và quản lý các rủi ro phát sinh từ hoạt động ủy quyền;
- (f) Việc ủy quyền không làm giảm trách nhiệm hoặc thay đổi trách nhiệm của Công ty đối với khách hàng ủy thác. Công ty chịu hoàn toàn trách nhiệm về tài chính và pháp lý phát sinh từ việc ủy quyền, trừ các nghĩa vụ pháp lý, các khoản phí, giá dịch vụ mà khách hàng trực tiếp thỏa thuận, thanh toán cho bên nhận ủy quyền trên cơ sở hợp đồng ủy thác đầu tư, hợp đồng giám sát, hợp đồng lưu ký, quy định tại Điều lệ quỹ, Điều lệ công ty đầu tư chứng khoán và phù hợp với quy định của pháp luật liên quan. Công ty bảo đảm tính liên tục đối với các hoạt động đã ủy quyền, không gián đoạn và gây ảnh hưởng tới hoạt động đầu tư và dịch vụ cung cấp cho khách hàng ủy thác;
- (g) Cung cấp đầy đủ, kịp thời, chính xác các thông tin liên quan cho bên nhận ủy quyền có thể thực thi đầy đủ, kịp thời mọi quyền, nghĩa vụ trong hoạt động ủy quyền;
- (h) Lưu trữ đầy đủ, kịp thời, chính xác các chỉ thị, yêu cầu, văn bản gửi cho bên nhận ủy quyền để thực hiện các hoạt động ủy quyền; hợp đồng ủy quyền, biên bản đánh giá năng lực và cơ sở vật chất. Các tài liệu này phải được cung cấp cho Ủy ban Chứng khoán Nhà nước theo yêu cầu;
- (i) Trong thời hạn 10 (mười) ngày, kể từ ngày ký hợp đồng với bên nhận ủy quyền đối với các hoạt động ủy quyền quy định tại Điểm b Khoản 9.1 Điều này, công ty thực hiện thông báo cho Ủy ban Chứng khoán Nhà nước về việc ủy quyền này và gửi kèm theo các tài liệu xác nhận bên nhận ủy quyền đáp ứng quy định tại Khoản 9.2 Điều này.

Điều 10. Chấm dứt quyền và nghĩa vụ đối với khách hàng ủy thác và thay thế công ty quản lý quỹ khác

10.1. Công ty chấm dứt quyền và nghĩa vụ của mình đối với khách hàng ủy thác trong các trường hợp sau:

- (a) Công ty tự nguyện đề nghị chấm dứt quyền, nghĩa vụ của mình đối với khách hàng ủy thác theo các quy định của điều lệ quỹ, điều lệ công ty đầu tư chứng khoán, hợp đồng quản lý danh mục đầu tư;
- (b) Theo yêu cầu của Đại hội nhà đầu tư, Đại hội đồng Cổ đông công ty đầu tư chứng khoán, khách hàng ủy thác;
- (c) Bị thu hồi giấy phép thành lập và hoạt động theo quy định tại Điều 95 Luật Chứng khoán;
- (d) Tổ chức lại công ty quản lý quỹ;
- (e) Quỹ, công ty đầu tư chứng khoán, hết thời gian hoạt động, hợp đồng quản lý đầu tư hết hiệu lực.

10.2. Công ty phải tổ chức họp Đại hội nhà đầu tư quỹ đầu tư chứng khoán, Đại hội Cổ đông công ty đầu tư chứng khoán, khách hàng ủy thác để lấy ý kiến về phương án xử lý tài sản và công ty quản lý quỹ thay thế trong trường hợp quy định tại điểm a, c, d Khoản 10.1 Điều này.

10.3. Quyền và nghĩa vụ đối với khách hàng ủy thác của Công ty chỉ chấm dứt từ thời điểm hoàn tất việc đăng ký, chuyển quyền sở hữu đối với tài sản ủy thác, bàn giao đầy đủ tài sản, tài liệu chứng minh quyền sở hữu, chứng từ, sổ sách, thông tin về tài sản ủy thác, quyền và nghĩa vụ đối với khách hàng ủy thác cho công ty quản lý quỹ thay thế. Việc chuyển giao tài sản phải được hoàn tất trong thời hạn 06 (sáu) tháng kể từ ngày khách hàng ủy thác thông qua quyết định thay thế công ty quản lý quỹ.

10.4. Công ty phải hoàn toàn chịu trách nhiệm đối với các nghĩa vụ nợ, tài sản đối với khách hàng ủy thác mà chưa bàn giao đầy đủ cho công ty quản lý quỹ thay thế. Trong trường hợp này, Công ty chịu trách nhiệm giải quyết và khắc phục những hệ quả phát sinh trong thời hạn 05 (năm) năm kể từ khi hoàn tất việc bàn giao tài sản cho công ty quản lý quỹ thay thế.

CHƯƠNG III. VỐN ĐIỀU LỆ, CỔ PHẦN, CỔ PHIẾU, CỔ ĐÔNG

Điều 11. Vốn Điều lệ

11.1. Vốn Điều lệ

Vốn Điều lệ của Công ty là 100.000.000.000 (một trăm tỷ đồng).

11.2. Công ty có thể tăng/giảm Vốn điều lệ khi được Đại hội đồng cổ đông thông qua và phù hợp với quy định Pháp luật hiện hành.

11.3. Công ty có thể tăng vốn điều lệ dưới các hình thức sau:

- Chào bán cổ phần;
- Tăng vốn từ nguồn thặng dư vốn cổ phần; quỹ dự trữ bổ sung vốn điều lệ; quỹ dự phòng tài chính; lợi nhuận sau thuế chưa phân phối; quỹ khác (nếu có) được sử dụng để bổ sung vốn điều lệ theo quy định của pháp luật.

11.4. Công ty có thể giảm vốn điều lệ dưới các hình thức sau:

- Mua lại cổ phần.

11.5. Sử dụng Vốn Điều lệ

Vốn Điều lệ sẽ được sử dụng vì mục đích kinh doanh của Công ty và vì các mục đích khác nếu được phê duyệt bởi Đại hội đồng Cổ đông, hoặc trong một số trường hợp thích hợp, bởi Hội đồng Quản trị của Công ty theo Điều lệ này, các quy chế quản trị nội bộ của Công ty hoặc quy định của Pháp luật khi Điều lệ này hay các quy chế quản trị nội bộ của Công ty không điều chỉnh.

Điều 12. Cổ phần và Cổ phiếu

12.1. Mệnh giá Cổ phần

Mệnh giá của mỗi Cổ phần sẽ là 10.000 đồng (mười nghìn) đồng chẵn. Trong trường hợp Công ty được niêm yết trên thị trường chứng khoán, mệnh giá của mỗi cổ phần sẽ tuân theo quy định của pháp luật về chứng khoán và/hoặc của Sở giao dịch chứng khoán có liên quan.

12.2. Các loại Cổ phần và số lượng Cổ phần

Công ty có tổng cộng 10.000.000 (mười triệu) Cổ phần Phổ thông. Đại hội đồng Cổ đông có thể quyết định phát hành các loại cổ phần ưu đãi khác vào từng thời điểm theo quy định của Pháp luật.

12.3. Cổ phiếu

Cổ phiếu là chứng chỉ xác nhận quyền sở hữu một hoặc một số cổ phần của Công ty và do Công ty phát hành, theo hình thức và bao gồm các nội dung theo quy định của Pháp luật.

12.4. Quyền Biểu quyết của người sở hữu Cổ phần

Mỗi Cổ phần Phổ thông cho phép Cổ đông nắm giữ có một lá phiếu biểu quyết tại các cuộc họp Đại hội đồng Cổ đông.

Điều 13. Chào bán và chuyển nhượng cổ phần

13.1. Hội đồng quản trị quyết định thời điểm, phương thức và giá bán cổ phần. Giá bán cổ phần không được thấp hơn giá thị trường tại thời điểm bán hoặc giá trị được ghi trong sổ sách của cổ phần tại thời điểm gần nhất, trừ những trường hợp sau đây:

- (a) Cổ phần bán lần đầu tiên cho những người không phải là cổ đông sáng lập;
- (b) Cổ phần bán cho tất cả cổ đông theo tỷ lệ cổ phần hiện có của họ ở Công ty;
- (c) Cổ phần chào bán cho người môi giới hoặc người bảo lãnh. Trong trường hợp này, số chiết khấu hoặc tỷ lệ chiết khấu cụ thể phải được sự chấp thuận của Đại hội đồng cổ đông, trừ trường hợp Điều lệ công ty quy định khác;
- (d) Trường hợp khác và mức chiết khấu trong các trường hợp đó do Điều lệ công ty quy định hoặc nghị quyết Đại hội đồng cổ đông quy định.

13.2. Trường hợp Công ty phát hành thêm cổ phần và chào bán số cổ phần đó cho tất cả cổ đông theo tỷ lệ cổ phần hiện có của họ tại Công ty thì phải thực hiện theo quy định sau đây:

- (a). Công ty phải thông báo bằng văn bản đến các cổ đông theo phương thức bảo đảm đến được địa chỉ liên lạc của họ trong sổ đăng ký cổ đông chậm nhất 15 ngày trước ngày kết thúc thời hạn đăng ký mua cổ phần;
- (b). Thông báo phải gồm họ, tên, địa chỉ liên lạc, quốc tịch, số giấy chứng minh nhân dân hoặc thẻ căn cước công dân hoặc hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác của cá nhân đối với cổ đông là cá nhân; tên, số giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp hoặc quyết định thành lập hoặc tài liệu tương đương khác của tổ chức, địa chỉ trụ sở chính đối với cổ đông là tổ chức; số cổ phần và tỷ lệ cổ phần hiện có của cổ đông tại Công ty; tổng số cổ phần dự kiến chào bán và số cổ phần cổ đông được quyền mua; giá chào bán cổ phần; thời hạn đăng ký mua; họ, tên, chữ ký của người đại diện theo pháp luật của Công ty. Thời hạn xác định trong thông báo phải hợp lý đủ để cổ đông đăng ký mua được cổ phần. Kèm theo thông báo phải có mẫu phiếu đăng ký mua cổ phần do Công ty phát hành. Trường hợp phiếu đăng ký mua cổ phần không được gửi về Công ty đúng hạn như thông báo thì cổ đông có liên quan coi như đã không nhận quyền ưu tiên mua;
- (c). Cổ đông có quyền chuyển quyền ưu tiên mua cổ phần của mình cho người khác;
- (d). Trường hợp số lượng cổ phần dự kiến chào bán không được cổ đông và người nhận chuyển quyền ưu tiên mua đăng ký mua hết thì Hội đồng quản trị có quyền bán số cổ phần được quyền chào bán còn lại cho cổ đông của Công ty hoặc người khác với điều kiện không thuận lợi hơn so với những điều kiện đã chào bán cho các cổ đông, trừ trường hợp Đại hội đồng cổ đông có chấp thuận khác hoặc pháp luật về chứng khoán có quy định khác.

- 13.3. Cổ phần được coi là đã bán khi được thanh toán đủ và những thông tin về người mua được ghi đầy đủ vào sổ đăng ký cổ đông; kể từ thời điểm đó, người mua cổ phần trở thành cổ đông của Công ty.
- 13.4. Sau khi cổ phần được thanh toán đầy đủ, các thông tin về cổ đông được ghi vào sổ đăng ký cổ đông để chứng thực quyền sở hữu cổ phần của cổ đông đó trong Công ty.
- 13.5. Các cổ phần được tự do chuyển nhượng. Trường hợp Điều lệ công ty có quy định hạn chế về chuyển nhượng cổ phần thì các quy định này chỉ có hiệu lực khi được nêu rõ trong phương án phát hành cổ phần tương ứng. Việc chuyển nhượng được thực hiện bằng hợp đồng theo cách thông thường hoặc thông qua giao dịch trên thị trường chứng khoán. Trường hợp chuyển nhượng bằng hợp đồng thì giấy tờ chuyển nhượng phải được bên chuyển nhượng và bên nhận chuyển nhượng hoặc người đại diện theo ủy quyền của họ ký. Trường hợp chuyển nhượng giao dịch trên thị trường chứng khoán thì trình tự, thủ tục chuyển nhượng được thực hiện theo quy định của pháp luật về chứng khoán.

Trường hợp chỉ chuyển nhượng một số cổ phần của một cổ đông thì Công ty ghi nhận số cổ phần đã chuyển nhượng và số cổ phần còn lại.

- 13.6. Điều kiện, phương thức và thủ tục chào bán cổ phần ra công chúng thực hiện theo quy định của pháp luật về chứng khoán.

Điều 14. Mua lại cổ phần

14.1. Công ty mua lại cổ phần theo yêu cầu của cổ đông

- (a). Cổ đông đã biểu quyết không thông qua việc tổ chức lại công ty hoặc thay đổi quyền, nghĩa vụ của cổ đông quy định tại Điều lệ công ty có quyền yêu cầu Công ty mua lại cổ phần của mình. Yêu cầu phải bằng văn bản, trong đó nêu rõ tên, địa chỉ của cổ đông, số lượng cổ phần từng loại, giá dự định bán, lý do yêu cầu Công ty mua lại. Yêu cầu phải được gửi đến Công ty trong thời hạn 10 ngày, kể từ ngày Đại hội đồng cổ đông thông qua quyết định về các vấn đề quy định tại khoản này.
- (b). Công ty phải mua lại cổ phần theo yêu cầu của cổ đông quy định tại điểm a khoản này với giá thị trường tại thời điểm mua lại hoặc giá được tính theo nguyên tắc quy định tại Điều lệ công ty trong thời hạn 90 ngày, kể từ ngày nhận được yêu cầu, Trường hợp không thỏa thuận được về giá thì các bên có thể yêu cầu một tổ chức thẩm định giá định giá. Công ty giới thiệu ít nhất 03 tổ chức thẩm định giá để cổ đông lựa chọn và lựa chọn đó là quyết định cuối cùng.

14.2. Công ty mua lại cổ phần theo quyết định của Công ty

Công ty có quyền mua lại không quá 30% tổng số cổ phần phổ thông đã bán, một phần hoặc toàn bộ cổ phần ưu đãi cổ tức đã bán theo quy định sau đây:

- (a). Hội đồng quản trị có quyền quyết định mua lại không quá 10% tổng số cổ phần của từng loại đã bán trong thời hạn 12 tháng. Trường hợp khác, việc mua lại cổ phần do Đại hội đồng cổ đông quyết định;
- (b). Hội đồng quản trị quyết định giá mua lại cổ phần. Đối với cổ phần phổ thông, giá mua lại không được cao hơn giá thị trường tại thời điểm mua lại, trừ trường hợp quy định tại điểm c khoản này. Đối với cổ phần loại khác, nếu Điều lệ công ty không quy định hoặc Công ty và cổ đông có liên quan không có thỏa thuận khác thì giá mua lại không được thấp hơn giá thị trường;
- (c). Công ty có thể mua lại cổ phần của từng cổ đông tương ứng với tỷ lệ sở hữu cổ phần của họ trong Công ty theo trình tự, thủ tục sau đây:
- Quyết định mua lại cổ phần của Công ty phải được thông báo bằng phương thức để bảo đảm đến được tất cả cổ đông trong thời hạn 30 ngày, kể từ ngày quyết định đó được thông qua. Thông báo phải gồm tên, địa chỉ trụ sở chính của Công ty, tổng số cổ phần và loại cổ phần được mua lại, giá mua lại hoặc nguyên tắc định giá mua lại, thủ tục và thời hạn thanh toán, thủ tục và thời hạn để cổ đông bán cổ phần của họ cho Công ty.
 - Cổ đông đồng ý bán lại cổ phần phải gửi văn bản đồng ý bán cổ phần của mình bằng phương thức để bảo đảm đến được Công ty trong thời hạn 30 ngày, kể từ ngày thông báo. Văn bản đồng ý bán cổ phần phải có họ, tên, địa chỉ liên lạc, số giấy chứng minh nhân dân hoặc thẻ căn cước công dân hoặc hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác của cá nhân đối với cổ đông là cá nhân; tên, số giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp hoặc quyết định thành lập hoặc tài liệu tương đương khác của tổ chức, địa chỉ trụ sở chính đối với cổ đông là tổ chức; số cổ phần sở hữu và số cổ phần đồng ý bán; phương thức thanh toán; chữ ký của cổ đông hoặc người đại diện theo pháp luật của cổ đông. Công ty chỉ mua lại cổ phần được chào bán trong thời hạn nêu trên.

Điều 15. Điều kiện thanh toán và xử lý các cổ phần được mua lại

- 15.1.** Công ty chỉ được thanh toán cổ phần được mua lại cho cổ đông theo quy định tại Điều 14 Điều lệ này nếu ngay sau khi thanh toán hết số cổ phần được mua lại, Công ty vẫn bảo đảm thanh toán đủ các khoản nợ và nghĩa vụ tài sản khác.
- 15.2.** Cổ phần được mua lại theo quy định tại Điều 14 Điều lệ này được coi là cổ phần chưa bán theo quy định tại Luật Doanh nghiệp. Công ty phải đăng ký giảm vốn điều lệ tương ứng với tổng giá trị mệnh giá các cổ phần được công ty mua lại trong thời hạn 10 ngày, kể từ ngày hoàn thành việc thanh toán mua lại cổ phần, trừ trường hợp pháp luật về chứng khoán có quy định khác.

15.3. Sau khi thanh toán hết số cổ phần mua lại, nếu tổng giá trị tài sản được ghi trong sổ kế toán của Công ty giảm hơn 10% thì Công ty phải thông báo cho tất cả các chủ nợ biết trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày thanh toán hết số cổ phần được mua lại.

Điều 16. Trả cổ tức

16.1. Cổ tức trả cho cổ phần phổ thông được xác định căn cứ vào số lợi nhuận ròng đã thực hiện và khoản chi trả cổ tức được trích từ nguồn lợi nhuận giữ lại của Công ty. Công ty chỉ được trả cổ tức cho cổ đông khi có đủ các điều kiện sau đây: Công ty đã hoàn thành nghĩa vụ thuế và các nghĩa vụ tài chính khác theo quy định của pháp luật; trích lập các quỹ Công ty và bù đắp lỗ trước đó theo quy định của pháp luật và Điều lệ công ty; ngay sau khi trả hết số cổ tức, Công ty vẫn phải bảo đảm thanh toán đủ các khoản nợ và nghĩa vụ tài sản khác đến hạn.

16.2. Cổ tức có thể được chi trả bằng tiền mặt, bằng cổ phần của Công ty hoặc bằng tài sản khác quy định tại Điều lệ công ty. Nếu chi trả bằng tiền mặt thì phải được thực hiện bằng đồng Việt Nam và theo phương thức thanh toán theo quy định của pháp luật.

16.3. Cổ tức phải được thanh toán đầy đủ trong thời hạn 06 tháng kể từ ngày kết thúc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên. Hội đồng quản trị lập danh sách cổ đông được nhận cổ tức, xác định mức cổ tức được trả đối với từng cổ phần, thời hạn và hình thức trả chậm nhất là 30 ngày trước mỗi lần tra cổ tức. Thông báo về trả cổ tức được gửi bằng phương thức để bảo đảm đến cổ đông theo địa chỉ đăng ký trong sổ đăng ký cổ đông chậm nhất là 15 ngày trước khi thực hiện trả cổ tức. Thông báo phải có các nội dung sau đây:

- (a). Tên công ty và địa chỉ trụ sở chính của công ty;
- (b). Họ, tên, địa chỉ liên lạc, quốc tịch, số giấy chứng minh nhân dân hoặc thẻ căn cước công dân hoặc hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác của cá nhân đối với cổ đông là cá nhân;
- (c). Tên, số giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp hoặc quyết định thành lập hoặc tài liệu tương đương khác của tổ chức, địa chỉ trụ sở chính đối với cổ đông là tổ chức;
- (d). Số lượng cổ phần từng loại của cổ đông; mức cổ tức đối với từng cổ phần và tổng số cổ tức mà cổ đông đó được nhận;
- (e). Thời điểm và phương thức trả cổ tức;
- (f). Họ, tên, chữ ký của Chủ tịch Hội đồng quản trị và người đại diện theo pháp luật của Công ty.

16.4. Trường hợp cổ đông chuyển nhượng cổ phần của mình trong thời gian giữa thời điểm kết thúc lập danh sách cổ đông và thời điểm trả cổ tức thì người chuyển nhượng là người nhận cổ tức từ Công ty.

16.5. Trường hợp chi trả cổ tức bằng cổ phần, Công ty không phải làm thủ tục chào bán cổ phần theo quy định tại Điều 14 Điều lệ này. Công ty phải đăng ký tăng vốn điều lệ tương ứng với tổng giá trị mệnh giá các cổ phần dùng để chi trả cổ tức trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày hoàn thành việc thanh toán cổ tức.

16.6. Công ty không phải trả tiền lãi đối với các cổ tức chưa thanh toán. Tất cả các cổ tức mà Cổ đông không yêu cầu thanh toán sẽ được Công ty giữ lại cho đến khi được yêu cầu thanh toán.

Điều 17. Thừa kế cổ phần

Việc thừa kế cổ phần của công ty được thực hiện theo quy định pháp luật hiện hành.

Điều 18. Chào bán trái phiếu

Việc chào bán trái phiếu của công ty thực hiện theo quy định của pháp luật về chứng khoán.

Điều 19. Thu hồi tiền thanh toán cổ phần mua lại hoặc cổ tức

Trường hợp việc thanh toán cổ phần mua lại trái với quy định tại khoản 14.1 Điều lệ này hoặc trả cổ tức trái với quy định tại Điều 16 Điều lệ này thì các cổ đông phải hoàn trả cho công ty số tiền, tài sản khác đã nhận; trường hợp cổ đông không hoàn trả được cho Công ty thì cổ đông đó và tất cả thành viên Hội đồng quản trị phải cùng liên đới chịu trách nhiệm về các khoản nợ và nghĩa vụ tài sản khác của Công ty trong phạm vi giá trị số tiền, tài sản đã trả cho cổ đông mà chưa được hoàn lại.

Điều 20. Sổ đăng ký cổ đông

20.1. Công ty cổ phần phải lập và lưu giữ sổ đăng ký cổ đông từ khi được cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp. Sổ đăng ký cổ đông có thể là văn bản giấy, tập dữ liệu điện tử ghi nhận thông tin về sở hữu cổ phần của các cổ đông công ty.

20.2. Sổ đăng ký cổ đông phải bao gồm các nội dung chủ yếu sau đây:

- (a) Tên, địa chỉ trụ sở chính của công ty;
- (b) Tổng số cổ phần được quyền chào bán, loại cổ phần được quyền chào bán và số cổ phần được, quyền chào bán của từng loại;
- (c) Tổng số cổ phần đã bán của từng loại và giá trị vốn cổ phần đã góp;
- (d) Họ, tên, địa chỉ liên lạc, quốc tịch, số giấy tờ pháp lý của cá nhân đối với cổ đông là cá nhân; tên, mã số doanh nghiệp hoặc số giấy tờ pháp lý của tổ chức, địa chỉ trụ sở chính đối với cổ đông là tổ chức;
- (e) Số lượng cổ phần từng loại của mỗi cổ đông, ngày đăng ký cổ phần.

- 20.3.** Sổ đăng ký cổ đông được lưu giữ tại trụ sở chính của Công ty, cổ đông có quyền kiểm tra, tra cứu, trích lục, sao chép tên và địa chỉ liên lạc của cổ đông công ty trong sổ đăng ký cổ đông.
- 20.4.** Trường hợp cổ đông thay đổi địa chỉ liên lạc thì phải thông báo kịp thời với Công ty để cập nhật vào sổ đăng ký cổ đông. Công ty không chịu trách nhiệm về việc không liên lạc được với cổ đông do không được thông báo thay đổi địa chỉ liên lạc của cổ đông.
- 20.5.** Công ty phải cập nhật kịp thời thay đổi cổ đông trong sổ đăng ký cổ đông theo yêu cầu của cổ đông có liên quan theo quy định tại Điều lệ công ty.

Điều 21. Cổ đông

21.1. Cổ đông của Công ty là tổ chức hoặc cá nhân, sở hữu ít nhất một cổ phần đã phát hành của Công ty.

21.2. Quyền của Cổ đông

(a) Cổ đông Phổ thông có các quyền sau:

- Tham dự, phát biểu trong cuộc họp Đại hội đồng cổ đông và thực hiện quyền biểu quyết trực tiếp hoặc thông qua người đại diện theo ủy quyền hoặc hình thức khác do pháp luật quy định. Mọi cổ phần phổ thông có một phiếu biểu quyết;
- Nhận cổ tức với mức theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông;
- Ưu tiên mua cổ phần mới tương ứng với tỷ lệ sở hữu cổ phần phổ thông của từng cổ đông trong công ty;
- Tự do chuyển nhượng cổ phần của mình cho người khác, trừ trường hợp quy định khác của pháp luật có liên quan;
- Xem xét, tra cứu và trích lục thông tin về tên và địa chỉ liên lạc trong danh sách cổ đông có quyền biểu quyết; yêu cầu sửa đổi thông tin không chính xác của mình;
- Xem xét, tra cứu, trích lục hoặc sao chụp Điều lệ công ty, biên bản họp Đại hội đồng cổ đông và nghị quyết Đại hội đồng cổ đông;
- Khi công ty giải thể hoặc phá sản, được nhận một phần tài sản còn lại tương ứng với tỷ lệ sở hữu cổ phần tại công ty.
- Có các quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của Pháp luật và của Điều lệ này.

21.3. Nghĩa vụ của Cổ đông

- Thanh toán đủ và đúng thời hạn số cổ phần cam kết mua.

- Không được rút vốn đã góp bằng cổ phần phổ thông ra khỏi công ty dưới mọi hình thức, trừ trường hợp được công ty hoặc người khác mua lại cổ phần. Trường hợp có cổ đông rút một phần hoặc toàn bộ vốn cổ phần đã góp trái với quy định tại khoản này thì cổ đông đó và người có lợi ích liên quan trong công ty phải cùng liên đới chịu trách nhiệm về các khoản nợ và nghĩa vụ tài sản khác của công ty trong phạm vi giá trị cổ phần đã bị rút và các thiệt hại xảy ra.
- Tuân thủ Điều lệ công ty và quy chế quản trị nội bộ của công ty.
- Chấp hành nghị quyết, quyết định của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị.
- Bảo mật các thông tin được công ty cung cấp theo quy định tại Điều lệ công ty và pháp luật; chỉ sử dụng thông tin được cung cấp để thực hiện và bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của mình; nghiêm cấm phát tán hoặc sao, gửi thông tin được công ty cung cấp cho tổ chức, cá nhân khác.
- Nghĩa vụ khác theo quy định của Luật này và Điều lệ công ty.

21.4. Cổ đông hoặc nhóm Cổ đông sở hữu từ 5% tổng số cổ phần phổ thông trở lên có các quyền sau đây:

- (a) Xem xét, tra cứu, trích lục sổ biên bản và nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị, Báo cáo Tài chính giữa năm và hằng năm, báo cáo của Ban kiểm soát, hợp đồng, giao dịch phải thông qua Hội đồng Quản trị và tài liệu khác, trừ tài liệu liên quan đến bí mật thương mại, bí mật kinh doanh của Công ty;
- (b) Yêu cầu triệu tập họp Đại hội đồng Cổ đông trong trường hợp quy định tại khoản 21.5 Điều này;
- (c) Yêu cầu Ban Kiểm soát kiểm tra từng vấn đề cụ thể liên quan đến quản lý, điều hành hoạt động của công ty khi xét thấy cần thiết. Yêu cầu phải bằng văn bản; phải bao gồm các nội dung sau đây: họ, tên, địa chỉ liên lạc, quốc tịch, số giấy chứng minh nhân dân hoặc thẻ căn cước công dân hoặc hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác của cá nhân đối với Cổ đông là cá nhân; tên, số giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp hoặc quyết định thành lập hoặc tài liệu tương đương khác của tổ chức, địa chủ trụ sở chính đối với Cổ đông là tổ chức; số lượng cổ phần và thời điểm đăng ký cổ phần của từng cổ đông, tổng số cổ phần của cả nhóm Cổ đông và tỷ lệ sở hữu trong tổng số cổ phần của công ty; vấn đề cần kiểm tra, mục đích kiểm tra;
- (d) Các quyền khác theo quy định Pháp luật và Điều lệ này.

21.5. Cổ đông hoặc nhóm Cổ đông quy định tại khoản 21.4 Điều này có quyền yêu cầu triệu tập họp Đại hội đồng Cổ đông trong các trường hợp sau đây:

- (a) Hội đồng Quản trị vi phạm nghiêm trọng quyền của cổ đông, nghĩa vụ của người quản lý hoặc ra quyết định vượt quá thẩm quyền được giao;
- (b) Các trường hợp khác theo quy định của Điều lệ công ty (nếu có) và quy định của Pháp luật.

21.6. Yêu cầu triệu tập họp Đại hội đồng Cổ đông quy định tại khoản 21.5 Điều này phải được lập bằng văn bản và phải bao gồm các nội dung sau đây: họ, tên, địa chỉ liên lạc, quốc tịch, số giấy chứng minh nhân dân hoặc thẻ căn cước công dân hoặc hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác đối với Cổ đông là cá nhân; tên, số giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp hoặc quyết định thành lập hoặc tài liệu tương đương khác của tổ chức, địa chỉ trụ sở chính đối với Cổ đông là tổ chức; số cổ phần và thời điểm đăng ký cổ phần của từng cổ đông, tổng số cổ phần của cả nhóm Cổ đông và tỷ lệ sở hữu trong tổng số cổ phần của công ty, căn cứ và lý do yêu cầu triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông. Kèm theo yêu cầu phải có các tài liệu, chứng cứ về các vi phạm của Hội đồng quản trị, mức độ vi phạm hoặc về quyết định vượt quá thẩm quyền.

21.7. Cổ đông hoặc nhóm Cổ đông sở hữu từ 10% tổng số cổ phần phổ thông trở lên có quyền đề cử người vào Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát.

Việc đề cử người vào Hội đồng Quản trị và Ban Kiểm soát được thực hiện như sau:

- (a) Các Cổ đông phổ thông họp thành nhóm để đề cử người vào Hội đồng Quản trị và Ban Kiểm soát phải thông báo về việc họp nhóm cho các Cổ đông dự họp biết trước khi khai mạc Đại hội đồng cổ đông;
- (b) Căn cứ số lượng thành viên Hội đồng Quản trị và Ban kiểm soát, Cổ đông hoặc nhóm Cổ đông quy định tại khoản này được quyền đề cử một hoặc một số người theo quyết định của Đại hội đồng Cổ đông làm ứng cử viên Hội đồng Quản trị và Ban kiểm soát. Trường hợp số ứng cử viên được Cổ đông hoặc nhóm Cổ đông đề cử thấp hơn số ứng cử viên mà họ được quyền đề cử theo quyết định của Đại hội đồng Cổ đông thì số ứng cử viên còn lại do Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát và các Cổ đông khác đề cử.

CHƯƠNG V. QUY ĐỊNH CHUNG VỀ CƠ CẤU TỔ CHỨC VÀ ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG

Điều 22. Cơ cấu tổ chức, quản lý và kiểm soát

Trừ khi được Đại hội đồng Cổ đông thông qua quyết định sửa đổi, cơ cấu tổ chức quản lý của Công ty bao gồm:

- (a) Đại hội đồng Cổ đông;

- (b) Hội đồng Quản trị;
- (c) Ban Kiểm soát.
- (d) Giám đốc.

Điều 23. Quyền hạn của Đại hội đồng cổ đông

- (a) Đại hội đồng Cổ đông là cơ quan có thẩm quyền cao nhất của Công ty. Đại hội đồng Cổ đông thực thi tất cả các quyền hạn của Công ty nhưng không làm giảm hoặc giới hạn các quyền của Hội đồng Quản trị được quy định theo Điều lệ này. Ngoài các quyền hạn nêu dưới đây, Đại hội đồng Cổ đông còn có thể ủy quyền một số quyền hạn của mình cho Hội đồng Quản trị vào từng thời điểm.
- (b) Đại hội đồng Cổ đông bao gồm tất cả các Cổ đông có quyền biểu quyết theo quy định của Điều lệ này.
- (c) Bên cạnh các quyền đã được quy định trong Điều lệ này hoặc theo Pháp luật và không làm ảnh hưởng đến các quyền của Cổ đông trong Điều lệ này và Pháp luật, Đại hội đồng Cổ đông có quyền và nghĩa vụ sau:
 - Quyết định loại cổ phần và tổng số cổ phần của từng loại được quyền chào bán;
 - Quyết định mức Cổ tức mà Công ty chi trả hàng năm của từng loại cổ phần;
 - Bầu, miễn nhiệm và bãi nhiệm thành viên của Hội đồng Quản trị và Ban kiểm soát; trong trường hợp cần thiết, có thể yêu cầu Hội đồng Quản trị đệ trình việc bổ nhiệm hoặc miễn nhiệm Giám đốc, Phó Giám đốc, Kế toán trưởng để Đại hội đồng Cổ đông xem xét và phê duyệt;
 - Xem xét, xử lý vi phạm của thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên gây thiệt hại cho công ty và cổ đông công ty;
 - Quyết định tổ chức lại, giải thể công ty;
 - Quyết định bổ sung hoặc sửa đổi Điều lệ này;
 - Thông qua báo cáo tài chính hằng năm;
 - Quyết định phê chuẩn hoặc không phê chuẩn kế hoạch phát triển dài hạn của Công ty; Thông qua định hướng phát triển của công ty;
 - Quyết định đầu tư hoặc bán số tài sản có giá trị bằng hoặc lớn hơn 35% tổng giá trị tài sản được ghi trong Báo cáo Tài chính gần nhất của Công ty (không bao gồm tài sản của khách hàng ủy thác quản lý danh mục và các quỹ, công ty đầu tư chứng khoán do Công ty quản lý);

ĐIỀU LỆ CÔNG TY CP QUẢN LÝ QUỸ NGÂN HÀNG TMCP ĐẠI CHỨNG VIỆT NAM

- Phê duyệt danh sách công ty kiểm toán độc lập; quyết định công ty kiểm toán độc lập thực hiện kiểm tra hoạt động của Công ty, bãi miễn kiểm toán viên độc lập khi xét thấy cần thiết;
- Quyết định ngân sách hoặc tổng mức thù lao, thưởng và lợi ích khác cho Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát;
- Quyết định mua lại trên 10% tổng số cổ phần đã bán của mỗi loại;
- Phê duyệt quy chế quản trị nội bộ, quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát;
- Quyết định phê chuẩn hoặc không phê chuẩn Giao dịch với người có liên quan được đề cập tại Khoản 51.1 Điều 51 Điều lệ này; và
- Các quyền hạn và trách nhiệm khác theo quy định của Pháp luật và của Điều lệ này.

Điều 24. Cuộc họp đại hội đồng cổ đông

24.1. Cuộc họp Đại hội đồng Cổ đông thường niên được tổ chức ít nhất mỗi năm một lần tại thời điểm và địa điểm do Hội đồng Quản trị quyết định, với điều kiện Báo cáo Tài chính của Công ty cho năm tài chính liền trước đã được hoàn tất. Giám đốc chịu trách nhiệm chuẩn bị chương trình nghị sự của mỗi Cuộc họp Thường niên cho Chủ tịch Hội đồng Quản trị. Đại hội đồng Cổ đông Thường niên quyết định những vấn đề được pháp luật và Điều lệ này quy định. Các Cổ đông sẽ thông qua các Báo cáo Tài chính hàng năm của Công ty và ngân sách tài chính cho năm tài chính tiếp theo. Các kiểm toán viên độc lập, trong trường hợp cần thiết và theo nghị quyết của Đại hội đồng Cổ đông, được tham dự Cuộc họp để tư vấn cho việc thông qua các Báo cáo Tài chính hàng năm.

Đại hội đồng Cổ đông phải họp thường niên trong thời hạn 04 tháng kể từ ngày kết thúc năm tài chính. Hội đồng Quản trị quyết định gia hạn họp Đại hội đồng Cổ đông thường niên trong trường hợp cần thiết, nhưng không quá 06 tháng, kể từ ngày kết thúc năm tài chính. Đại hội đồng Cổ đông thường niên thảo luận và thông qua các vấn đề sau đây:

- Kế hoạch kinh doanh hằng năm của công ty;
- Báo cáo Tài chính hằng năm;
- Báo cáo của Hội đồng Quản trị về quản trị và kết quả hoạt động của Hội đồng Quản trị và từng thành viên Hội đồng quản trị;
- Báo cáo của Ban Kiểm soát về kết quả hoạt động kinh doanh của công ty, kết quả hoạt động của Hội đồng quản trị, Giám đốc;
- Báo cáo tự đánh giá kết quả hoạt động của Ban Kiểm soát và Thành viên Ban Kiểm soát;

- Mức cổ tức đối với mỗi cổ phần của từng loại;
- Vấn đề khác thuộc thẩm quyền.

24.2. Cuộc họp Đại hội đồng Cổ đông Bất thường sẽ được Hội đồng Quản trị triệu tập trong các trường hợp sau:

- (a) Hội đồng Quản trị xét thấy cần thiết vì lợi ích của Công ty;
- (b) Theo đề nghị của các kiểm toán viên độc lập (nếu xét thấy cần thiết);
- (c) Bảng cân đối kế toán hàng năm, các báo cáo quý, nửa năm hoặc báo cáo kiểm toán của năm tài chính cho thấy Vốn Điều lệ đã bị mất từ 15% trở lên;
- (d) Khi số thành viên của Hội đồng Quản trị, Ban kiểm soát còn lại ít hơn số thành viên tối thiểu mà pháp luật quy định hoặc ít hơn một nửa số thành viên quy định trong Điều lệ;
- (e) Một Cổ đông hoặc một nhóm Cổ đông sở hữu từ 5% tổng số phần phổ thông trở lên đề nghị triệu tập họp bằng văn bản;
- (f) Ban Kiểm soát yêu cầu triệu tập cuộc họp nếu Ban Kiểm soát có căn cứ tin tưởng rằng các thành viên Hội đồng Quản trị hoặc bộ máy quản lý cao cấp vi phạm nghiêm trọng các nghĩa vụ của họ theo quy định của Điều lệ và Pháp luật hoặc Hội đồng Quản trị hành động hoặc có ý định hành động ngoài phạm vi quyền hạn của mình.

Cá nhân hoặc đơn vị yêu cầu triệu tập Cuộc họp Đại hội đồng Cổ đông bất thường phải nêu trong yêu cầu của mình gửi Hội đồng Quản trị, lý do, mục đích và các vấn đề sẽ được thảo luận và các giải pháp kiến nghị lên Cuộc họp Đại hội đồng Cổ đông bất thường.

Hội đồng Quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng Cổ đông trong thời hạn 30 (ba mươi) ngày kể từ ngày xảy ra trường hợp quy định tại điểm (d) Khoản 24.2 Điều này hoặc nhận được yêu cầu quy định tại điểm (e) và điểm (f) Khoản 24.2 Điều này. Trường hợp Hội đồng Quản trị không triệu tập họp Đại hội đồng Cổ đông theo quy định thì Chủ tịch Hội đồng Quản trị và các thành viên Hội đồng Quản trị phải bồi thường thiệt hại phát sinh cho công ty.

Trường hợp Hội đồng Quản trị không triệu tập họp Đại hội đồng Cổ đông theo quy định nêu trên thì trong thời hạn 30 ngày tiếp theo, Ban Kiểm soát thay thế Hội đồng Quản trị triệu tập họp Đại hội đồng Cổ đông theo quy định. Trường hợp Ban Kiểm soát không triệu tập họp Đại hội đồng Cổ đông theo quy định thì Ban Kiểm soát phải bồi thường thiệt hại phát sinh cho công ty.

Trường hợp Ban Kiểm soát không triệu tập họp Đại hội đồng Cổ đông theo quy định nêu trên thì Cổ đông hoặc nhóm Cổ đông sở hữu từ 5% tổng số phần phổ thông trở lên có quyền đại diện công ty triệu tập họp Đại hội đồng Cổ đông theo quy định.

24.3. Người triệu tập phải thực hiện các công việc sau đây:

- (a) Lập danh sách Cổ đông có quyền dự họp;
- (b) Cung cấp thông tin và giải quyết khiếu nại liên quan đến danh sách cổ đông;
- (c) Lập chương trình và nội dung cuộc họp;
- (d) Chuẩn bị tài liệu cho cuộc họp;
- (e) Dự thảo nghị quyết của Đại hội đồng Cổ đông theo nội dung dự kiến của cuộc họp; danh sách và thông tin chi tiết của các ứng cử viên trong trường hợp bầu thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban Kiểm soát;
- (f) Xác định thời gian và địa điểm họp;
- (g) Gửi thông báo mời họp đến từng Cổ đông có quyền dự họp theo quy định của Điều lệ này;
- (h) Các công việc khác phục vụ cuộc họp.

Chi phí triệu tập và tiến hành họp Đại hội đồng Cổ đông theo quy tại các Khoản 24.2 Điều này sẽ được công ty hoàn lại.

24.4. Trừ trường hợp Pháp luật quy định khác đi, Đại hội đồng Cổ đông phải được triệu tập bằng văn bản thông báo (fax, email hoặc thư) gửi đến từng Cổ đông theo địa chỉ đăng ký trong Sổ Đăng ký Cổ đông chậm nhất 21 (hai mươi một) ngày trước ngày khai mạc bởi Chủ tịch Hội đồng Quản trị. Thông báo phải được lập thành văn bản và quy định rõ thời gian và địa điểm tiến hành Đại hội, chương trình dự kiến và kèm theo tất cả các tài liệu cần thiết cho việc thảo luận trong Đại hội. Thông báo về Cuộc họp Đại hội đồng Cổ đông phải được công bố trên website của Công ty đồng thời với việc gửi thông báo cho các Cổ đông.

24.5. Việc ngẫu nhiên không gửi được thông báo triệu tập Đại hội đồng Cổ đông đến bất kỳ người nào có quyền nhận thông báo này hoặc việc bất kỳ ai trong số những người này không nhận được thông báo này sẽ không làm vô hiệu các tiến trình của Đại hội đồng Cổ đông đó. Tuy nhiên, việc Công ty không thực hiện được việc giao thông báo triệu tập Đại hội đồng Cổ đông đến địa chỉ ghi trong Sổ Đăng ký Cổ đông không được coi là sự cố bất ngờ trong mọi trường hợp, và, trong trường hợp có tranh chấp về vấn đề này, Công ty có trách nhiệm phải chứng minh là thông báo đã được gửi đi một cách đúng đắn. Ngoài ra, nếu Đại hội đồng Cổ đông bị hoãn lại vì không đủ số đại biểu tối thiểu, ngay lập tức Công ty sẽ phải cố gắng để xác nhận bằng fax, thư điện tử, điện thoại hoặc các phương tiện thông tin tương tự để thông báo cho Cổ đông việc hoãn Đại hội đồng Cổ đông và thời gian và địa điểm được dời lại của phiên họp.

- 24.6. Với sự chấp thuận của Chủ tịch Hội đồng Quản trị, các Cổ đông có thể tham dự Đại hội đồng Cổ đông bằng điện thoại với điều kiện mỗi Cổ đông này phải nghe được những Cổ đông khác có mặt tại Đại hội và các Cổ đông có mặt phải nghe rõ những gì Cổ đông này nói. Hình thức tham dự này được xem như tương đương với việc đích thân tham dự. Trong trường hợp đó, việc bỏ phiếu sẽ được tiến hành theo cách thức phù hợp với phương tiện trao đổi thông tin.
- 24.7. Thành viên Hội đồng Quản trị, cho dù người này không là Cổ đông, đều có quyền tham dự và có ý kiến trong các cuộc họp Đại hội đồng Cổ đông.

Điều 25. Số đại biểu tối thiểu cần có cho cuộc họp đại hội đồng cổ đông

- 25.1. Cuộc họp Đại hội đồng Cổ đông chỉ được tiến hành khi có sự hiện diện của số Cổ đông hoặc người đại diện của Cổ đông nắm giữ trên 50% (năm mươi phần trăm) tổng số phiếu biểu quyết.
- 25.2. Trường hợp cuộc họp lần thứ nhất không đủ điều kiện tiến hành theo qui định tại Khoản 25.1, Cuộc họp Đại hội đồng Cổ đông sẽ được hoãn lại, và được tổ chức lại trong vòng 30 (ba mươi) ngày kể từ ngày tổ chức Cuộc họp lần thứ nhất và số đại biểu dự họp tối thiểu cần có tại cuộc họp này (Cổ đông hoặc đại diện được ủy quyền của họ) sẽ được giảm xuống ở mức nắm giữ từ 33% (ba mươi ba phần trăm) tổng số phiếu biểu quyết.
- 25.3. Trường hợp cuộc họp lần thứ hai không đủ điều kiện tiến hành theo qui định tại Khoản 25.2, cuộc họp Đại hội đồng Cổ đông sẽ được hoãn lại lần thứ hai, và được tổ chức lại trong vòng 20 (hai mươi) ngày kể từ tổ chức Cuộc họp lần thứ hai và trong trường hợp này Cuộc họp Đại hội đồng Cổ đông được tiến hành không phụ thuộc vào số Cổ đông dự họp và tổng số phiếu biểu quyết của các Cổ đông dự họp.

Điều 26. Thay đổi nội dung chương trình Đại hội đồng Cổ đông

- 26.1. Cổ đông hoặc nhóm Cổ đông sở hữu từ 5% tổng số cổ phần phổ thông trở lên có quyền kiến nghị thay đổi hoặc bổ sung chương trình họp của Đại hội đồng Cổ đông. Kiến nghị thay đổi hoặc thêm vào nội dung chương trình họp phải bằng văn bản và phải được gửi đến Công ty chậm nhất là 05 (năm) ngày làm việc trước ngày khai mạc phiên họp. Kiến nghị phải ghi rõ tên của Cổ đông hoặc các Cổ đông kiến nghị, số lượng Cổ phần của mỗi Cổ đông này đang nắm giữ, chữ ký, và những vấn đề kiến nghị thay đổi hoặc bổ sung vào nội dung chương trình họp Đại hội đồng Cổ đông.
- 26.2. Người triệu tập họp Đại hội đồng Cổ đông chỉ có quyền từ chối kiến nghị thay đổi hoặc bổ sung trong một trong các trường hợp sau đây:
- Kiến nghị được gửi đến Công ty không đúng thời hạn hoặc không đáp ứng đủ các thông tin; hoặc
 - Vấn đề kiến nghị không thuộc thẩm quyền quyết định của Đại hội đồng Cổ đông; hoặc

- Vào thời điểm đề xuất, Cổ đông hoặc nhóm Cổ đông sở hữu không đủ 5% tổng số cổ phần phổ thông trở lên.

Điều 27. Nghị quyết Đại hội đồng Cổ đông

- 27.1.** Đại hội đồng Cổ đông sẽ quyết định các vấn đề của công ty bằng nghị quyết. Ngoại trừ trường hợp nêu tại Khoản 27.2, 27.3, 27.4 Điều này và Khoản 28.1 Điều 28, một nghị quyết sẽ được thông qua nếu được số Cổ đông sở hữu trên 50% tổng số phiếu biểu quyết của tất cả Cổ đông tham dự và biểu quyết tại cuộc họp tán thành.
- 27.2.** Ngoại trừ trường hợp nêu tại Khoản 27.1, 27.3, 27.4 Điều này và Khoản 28.1 Điều 28, trong các trường hợp dưới đây, nghị quyết của Đại hội đồng Cổ đông sẽ chỉ được thông qua nếu được số Cổ đông đại diện từ 65% tổng số phiếu biểu quyết trở lên của tất cả Cổ đông tham dự và biểu quyết tại cuộc họp tán thành.
- Loại cổ phần và tổng số cổ phần của từng loại;
 - Mọi sự sửa đổi hoặc bổ sung Điều lệ này;
 - Tổ chức lại, giải thể công ty;
 - Giao dịch với Bên có liên quan được đề cập tại Điều 51.1; và
 - Dự án đầu tư hoặc bán tài sản có giá trị từ 35% tổng giá trị tài sản trở lên được ghi trong Báo cáo Tài chính gần nhất của công ty.
 - Thay đổi ngành nghề, lĩnh vực kinh doanh.
 - Thay đổi cơ cấu tổ chức quản lý Công ty.
- 27.3.** Nghị quyết Đại hội đồng Cổ đông về nội dung làm thay đổi bất lợi quyền và nghĩa vụ của Cổ đông sở hữu cổ phần ưu đãi chỉ được thông qua nếu được số Cổ đông ưu đãi cùng loại dự họp sở hữu từ 75% tổng số cổ phần ưu đãi loại đó trở lên tán thành hoặc được các Cổ đông ưu đãi cùng loại sở hữu từ 75% tổng số cổ phần ưu đãi loại đó trở lên tán thành trong trường hợp thông qua nghị quyết dưới hình thức lấy ý kiến bằng văn bản.
- 27.4.** Việc biểu quyết bầu thành viên Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát phải thực hiện theo phương thức bầu dồn phiếu, theo đó mỗi cổ đông có tổng số phiếu biểu quyết tương ứng với tổng số cổ phần sở hữu nhân với số thành viên được bầu của Hội đồng quản trị hoặc Ban kiểm soát và cổ đông có quyền dồn hết hoặc một phần tổng số phiếu bầu của mình cho một hoặc một số ứng cử viên. Người trúng cử thành viên Hội đồng quản trị hoặc Thành viên Ban Kiểm soát được xác định theo số phiếu bầu tính từ cao xuống thấp, bắt đầu từ ứng cử viên có số phiếu bầu cao nhất cho đến khi đủ số thành viên quy định tại Điều lệ công ty. Trường hợp có từ 02 ứng cử viên trở lên đạt cùng số phiếu bầu như

nhau cho thành viên cuối cùng của Hội đồng quản trị hoặc Ban kiểm soát thì sẽ tiến hành bầu lại trong số các ứng cử viên có số phiếu bầu ngang nhau hoặc lựa chọn theo tiêu chí quy định tại quy chế bầu cử hoặc Điều lệ công ty.

27.5. Khi Cổ đông tiến hành đăng ký tham dự Cuộc họp Đại hội đồng Cổ đông, Công ty sẽ cấp cho mỗi Cổ đông hoặc đại diện được ủy quyền có quyền biểu quyết một thẻ biểu quyết, trên đó có ghi số đăng ký, họ và tên của Cổ đông, họ và tên đại diện được ủy quyền và số phiếu biểu quyết của Cổ đông đó. Đối với mỗi vấn đề cần lấy ý kiến, việc biểu quyết tại Đại hội sẽ được tiến hành bằng cách đếm số thẻ ủng hộ trước, đếm số thẻ phản đối sau, cuối cùng đếm tổng số thẻ tán thành hay phản đối để quyết định. Tổng số phiếu tán thành, phản đối một vấn đề hoặc bỏ phiếu trắng, sẽ được Chủ tọa thông báo ngay khi việc biểu quyết được tiến hành.

27.6. Bầu chủ tọa, thư ký và ban kiểm phiếu được quy định như sau:

- (a). Chủ tịch Hội đồng quản trị làm chủ tọa hoặc ủy quyền cho thành viên Hội đồng quản trị khác làm chủ tọa cuộc họp Đại hội đồng cổ đông do Hội đồng quản trị triệu tập; trường hợp Chủ tịch vắng mặt hoặc tạm thời mất khả năng làm việc thì các thành viên Hội đồng quản trị còn lại bầu một người trong số họ làm chủ tọa cuộc họp theo nguyên tắc đa số; trường hợp không bầu được người làm chủ tọa thì Trường Ban kiểm soát điều hành để Đại hội đồng cổ đông bầu chủ tọa cuộc họp và người có số phiếu bầu cao nhất làm chủ tọa cuộc họp;
- (b). Trừ trường hợp quy định tại điểm a khoản này, người ký tên triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông điều hành để Đại hội đồng cổ đông bầu chủ tọa cuộc họp và người có số phiếu bầu cao nhất làm chủ tọa cuộc họp;
- (c). Chủ tọa cử một hoặc một số người làm thư ký cuộc họp;
- (d). Đại hội đồng cổ đông bầu một hoặc một số người vào Ban kiểm phiếu theo đề nghị của chủ tọa cuộc họp.

27.7. Cổ đông có quyền trực tiếp hoặc ủy quyền tham dự cuộc họp Đại hội đồng Cổ đông. Cổ đông hoặc người được ủy quyền dự họp đến tham dự Đại hội đồng Cổ đông muộn có quyền đăng ký ngay và sau đó có quyền tham gia và biểu quyết ngay tại Đại hội, nhưng Chủ tọa không phải dừng Đại hội để cho họ đăng ký và hiệu lực của các đợt biểu quyết đã tiến hành sẽ không bị ảnh hưởng.

27.8. Nghị quyết Đại hội đồng Cổ đông được thông qua bằng 100% (một trăm phần trăm) tổng số cổ phần có quyền biểu quyết là hợp pháp và có hiệu lực ngay cả khi trình tự, thủ tục triệu tập họp và thông qua nghị quyết đó vi phạm quy định của Pháp luật và Điều lệ công ty.

27.9. Tất cả các Cổ đông có quyền tham dự Đại hội đồng Cổ đông phải được gửi hoặc có thể xem các tài liệu của cuộc họp Đại hội đồng cổ đông trên website của công ty theo hướng dẫn tại Thông báo mời họp.

Điều 28. Lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông

28.1. ĐHCĐ có thể thông qua nghị quyết thuộc thẩm quyền của mình bằng hình thức lấy ý kiến bằng văn bản. Trường hợp thông qua nghị quyết dưới hình thức lấy ý kiến bằng văn bản thì nghị quyết Đại hội đồng cổ đông được thông qua nếu được số cổ đông sở hữu trên 65% tổng số phiếu biểu quyết của tất cả cổ đông có quyền biểu quyết tán thành. Nghị quyết được thông qua theo hình thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản có giá trị như nghị quyết được thông qua tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông.

Cổ đông có thể gửi phiếu lấy ý kiến đã trả lời đến công ty bằng hình thức gửi thư, fax hoặc thư điện tử theo quy định sau đây:

- (a). Trường hợp gửi thư, phiếu lấy ý kiến đã được trả lời phải có chữ ký của cổ đông là cá nhân, của người đại diện theo ủy quyền hoặc người đại diện theo pháp luật của cổ đông là tổ chức. Phiếu lấy ý kiến gửi về công ty phải được đựng trong phong bì dán kín và không ai được quyền mở trước khi kiểm phiếu;
- (b). Trường hợp gửi fax hoặc thư điện tử, phiếu lấy ý kiến gửi về công ty phải được giữ bí mật đến thời điểm kiểm phiếu;
- (c). Các phiếu lấy ý kiến gửi về công ty sau thời hạn đã xác định tại nội dung phiếu lấy ý kiến hoặc đã bị mở trong trường hợp gửi thư và bị tiết lộ trong trường hợp gửi fax, thư điện tử là không hợp lệ. Phiếu lấy ý kiến không được gửi về được coi là phiếu không tham gia biểu quyết;

28.2. Tất cả các Cổ đông có quyền tham dự Đại hội đồng Cổ đông phải được gửi tất cả các văn bản cần thiết và đầy đủ thông tin để đưa ra các quyết định chính xác.

28.3. Thẩm quyền và thể thức lấy ý kiến Cổ đông bằng văn bản không cần tổ chức Cuộc họp Đại hội đồng Cổ đông phải tuân thủ quy định của Pháp luật và Điều lệ này.

Điều 29. Biên bản họp, Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông

29.1. Các Cuộc họp Đại hội đồng Cổ đông phải được ghi chép biên bản bằng tiếng Việt theo yêu cầu của Pháp luật. Biên bản phải được lưu trữ trong Sổ Biên bản giữ tại trụ sở Công ty và phải sẵn sàng cung cấp cho các Cổ đông khi có nhu cầu kiểm tra.

29.2. Nghị quyết của Đại hội đồng Cổ đông phải được thông báo đến các Cổ đông chậm nhất là 15 ngày kể từ ngày nghị quyết được thông qua hoặc công bố trên trang thông tin điện tử của Công ty.

Điều 30. Yêu cầu hủy bỏ quyết định của Đại hội đồng Cổ đông

Trong thời gian 90 (chín mươi) ngày kể từ ngày quyết định được thông qua, Cổ đông hoặc nhóm Cổ đông sở hữu từ 5% tổng số cổ phần phổ thông trở lên, có quyền yêu cầu Tòa án hoặc Trọng tài xem xét và hủy bỏ quyết định của Đại hội đồng Cổ đông trong các trường hợp sau:

- 30.1. Trình tự và thủ tục triệu tập họp và ra quyết định của Đại hội đồng Cổ đông không thực hiện đúng theo quy định của Pháp luật và Điều lệ trừ trường hợp Nghị quyết Đại hội đồng Cổ đông được thông qua bằng 100% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết là hợp pháp và có hiệu lực ngay cả khi trình tự, thủ tục triệu tập họp và thông qua nghị quyết đó vi phạm quy định của pháp luật và Điều lệ công ty; hoặc
- 30.2. Nội dung của quyết định vi phạm quy định của Pháp luật hoặc Điều lệ.

Điều 31. Người đại diện theo ủy quyền của cổ đông

- 31.1. Người đại diện theo ủy quyền của cổ đông là tổ chức phải là cá nhân được ủy quyền bằng văn bản nhân danh cổ đông đó thực hiện quyền và nghĩa vụ theo quy định của Điều lệ này và Pháp luật. Người đại diện theo ủy quyền phải có các tiêu chuẩn và điều kiện theo quy định Pháp luật và Điều lệ này (nếu có). Cổ đông cá nhân, người đại diện theo ủy quyền của cổ đông là tổ chức có thể trực tiếp tham dự họp, ủy quyền bằng văn bản cho một hoặc một số cá nhân, tổ chức khác dự họp hoặc dự họp thông qua một trong các hình thức quy định tại khoản 3 Điều 144 Luật Doanh nghiệp.
- 31.2. Cổ đông là tổ chức sở hữu từ 10% tổng số cổ phần phổ thông trở lên có thể ủy quyền tối đa 03 người đại diện theo ủy quyền. Việc cử hoặc thôi cử người đại diện theo ủy quyền phải được lập thành văn bản gửi đến Công ty, và sẽ có hiệu lực khi Công ty nhận được văn bản này. Người đại diện theo ủy quyền không nhất thiết phải là một Cổ đông.
- 31.3. Văn bản cử người đại diện theo ủy quyền không nhất thiết phải tuân thủ theo một mẫu nhất định nào, miễn là nội dung của văn bản được trình bày rõ ràng và đảm bảo các nội dung chủ yếu sau đây đối với ủy quyền của cổ đông là tổ chức:
 - Tên, mã số doanh nghiệp, địa chỉ trụ sở chính của cổ đông;
 - Số lượng người đại diện theo ủy quyền và tỷ lệ sở hữu cổ phần tương ứng của mỗi người đại diện theo ủy quyền;
 - Họ, tên, địa chỉ liên lạc, quốc tịch, căn cước công dân hoặc hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác của cá nhân từng người đại diện theo ủy quyền;

- Thời hạn ủy quyền tương ứng của từng người đại diện theo ủy quyền; trong đó ghi rõ ngày bắt đầu được đại diện;
- Họ, tên, chữ ký của người đại diện theo pháp luật của Cổ đông và của người đại diện theo ủy quyền.

Văn bản ủy quyền của cổ đông cá nhân được lập theo quy định của pháp luật về dân sự và phải nêu rõ tên cá nhân, tổ chức được ủy quyền và số lượng cổ phần được ủy quyền. Cá nhân, tổ chức được ủy quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông phải xuất trình văn bản ủy quyền khi đăng ký dự họp trước khi vào phòng họp.

- 31.4.** Trong trường hợp Hội đồng Quản trị thấy cần thiết, Hội đồng Quản trị có thể ban hành mẫu văn bản ủy quyền để sử dụng trong các Cuộc họp Đại hội đồng Cổ đông.

CHƯƠNG VI. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Điều 32. Quyền hạn và trách nhiệm của Hội đồng quản trị

- 32.1.** Hội đồng quản trị là cơ quan quản lý Công ty, có toàn quyền nhân danh công ty để quyết định, thực hiện các quyền và nghĩa vụ của Công ty, trừ các quyền và nghĩa vụ thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông.
- 32.2.** Hội đồng Quản trị có các quyền và nghĩa vụ sau đây:
- Quyết định chiến lược, kế hoạch phát triển trung hạn và kế hoạch kinh doanh hằng năm của công ty;
 - Kiến nghị loại cổ phần và tổng số cổ phần được quyền chào bán của từng loại;
 - Quyết định bán cổ phần chưa bán trong phạm vi số cổ phần được quyền chào bán của từng loại; quyết định huy động thêm vốn theo hình thức khác;
 - Quyết định giá bán cổ phần và trái phiếu của công ty;
 - Quyết định mua lại không quá 10% tổng số cổ phần của từng loại đã bán trong thời hạn 12 tháng;
 - Quyết định phương án đầu tư và dự án đầu tư trong thẩm quyền và giới hạn theo quy định của pháp luật;
 - Quyết định giải pháp phát triển thị trường, tiếp thị và công nghệ;
 - Thông qua hợp đồng mua, bán, vay, cho vay và hợp đồng, giao dịch khác có giá trị từ 35% tổng giá trị tài sản trở lên được ghi trong Báo cáo Tài chính gần nhất của công ty (không bao gồm tài sản của khách hàng ủy thác quản lý danh mục và các quỹ, công ty đầu tư chứng khoán do công ty quản lý) trừ trường hợp thuộc thẩm quyền quyết định của Đại hội đồng Cổ đông theo quy định tại Điều lệ này;

- Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm Chủ tịch Hội đồng quản trị, bổ nhiệm, miễn nhiệm, ký hợp đồng, chấm dứt hợp đồng đối với Giám đốc và người quản lý quan trọng khác do Điều lệ công ty quy định; quyết định tiền lương, thù lao, thưởng và lợi ích khác của những người quản lý đó; bổ nhiệm, miễn nhiệm, thay đổi nhân viên bộ phận kiểm toán nội bộ; cử người đại diện theo ủy quyền tham gia Hội đồng thành viên hoặc Đại hội đồng Cổ đông ở công ty khác, quyết định mức thù lao và quyền lợi khác của những người đó;
- Giám sát, chỉ đạo Giám đốc và người quản lý khác trong điều hành công việc kinh doanh hằng ngày của công ty;
- Duyệt chương trình, nội dung tài liệu phục vụ họp Đại hội đồng cổ đông, triệu tập họp Đại hội đồng Cổ đông hoặc lấy ý kiến đề Đại hội đồng Cổ đông thông qua nghị quyết;
- Trình Báo cáo Tài chính hằng năm lên Đại hội đồng cổ đông;
- Kiến nghị mức cổ tức được trả; quyết định thời hạn và thủ tục trả cổ tức hoặc xử lý lỗ phát sinh trong quá trình kinh doanh;
- Kiến nghị việc tổ chức lại, giải thể, yêu cầu phá sản công ty;
- Có các quyền hạn khác theo như quy định tại Điều lệ này, trong phạm vi tối đa được Pháp luật cho phép, cũng như những quyền hạn và trách nhiệm khác được Pháp luật quy định.

Điều 33. Thành viên Hội đồng quản trị

- 33.1.** Trừ khi được Đại hội đồng Cổ đông quyết định khác, Hội đồng Quản trị của Công ty sẽ có từ ba (03) đến năm (05) Thành viên. Tối thiểu 1/3 (một phần ba) tổng số thành viên Hội đồng quản trị là thành viên không điều hành.
- 33.2.** Phụ thuộc vào số lượng ứng cử viên do Đại hội đồng Cổ đông quyết định và tỷ lệ sở hữu cổ phần của cổ đông/nhóm cổ đông, số lượng ứng cử viên mà mỗi cổ đông/nhóm cổ đông được quyền đề cử làm thành viên Hội đồng Quản trị thực hiện theo nguyên tắc sau:
- (a). Cổ đông hoặc nhóm Cổ đông sở hữu từ 10% đến dưới 30% tổng số cổ phần phổ thông được đề cử tối đa một (01) ứng cử viên;
 - (b). Cổ đông hoặc nhóm Cổ đông sở hữu từ 30% đến dưới 50% tổng số cổ phần phổ thông được đề cử tối đa hai (02) ứng cử viên;
 - (c). Cổ đông hoặc nhóm Cổ đông sở hữu từ 50% đến dưới 70% tổng số cổ phần phổ thông được đề cử tối đa ba (03) ứng cử viên;
 - (d). Cổ đông hoặc nhóm Cổ đông sở hữu từ 70% đến dưới 90% tổng số cổ phần phổ thông được đề cử tối đa bốn (04) ứng cử viên;

ĐIỀU LỆ CÔNG TY CP QUẢN LÝ QUỸ NGÂN HÀNG TMCP ĐẠI CHỨNG VIỆT NAM

- (e). Cổ đông hoặc nhóm Cổ đông sở hữu từ 90% đến dưới 100% tổng số cổ phần phổ thông được đề cử tối đa năm (05) ứng cử viên;
- (f). Trường hợp số lượng ứng cử viên được cổ đông/nhóm Cổ đông đề cử thấp hơn so với số ứng cử viên mà họ được quyền đề cử, Hội đồng quản trị đương nhiệm giới thiệu thêm ứng cử viên hoặc tổ chức đề cử theo quy định tại Điều lệ công ty và Quy chế nội bộ về quản trị công ty của công ty. Việc Hội đồng quản trị giới thiệu thêm ứng cử viên phải được công bố rõ ràng trước khi Đại hội đồng cổ đông biểu quyết bầu thành viên Hội đồng quản trị theo quy định của pháp luật.

33.3. Mỗi Thành viên Hội đồng Quản trị cần đáp ứng được những điều kiện sau:

- (a) Không thuộc đối tượng không được phép thành lập và quản lý doanh nghiệp tại Việt Nam theo quy định của Luật Doanh nghiệp;
- (b) Có trình độ chuyên môn, kinh nghiệm trong quản trị kinh doanh hoặc trong lĩnh vực, ngành, nghề kinh doanh của công ty và không nhất thiết phải là cổ đông của công ty;
- (c) Có sức khoẻ và đạo đức tốt;
- (d) Chủ tịch Hội đồng quản trị không được kiêm nhiệm chức danh Tổng giám đốc (Giám đốc) của 01 công ty đại chúng;
- (e) Thành viên Hội đồng quản trị của Công ty chỉ được đồng thời là thành viên Hội đồng quản trị tại tối đa 05 công ty khác;
- (f) Các điều kiện khác do Đại hội đồng Cổ đông quy định đối với Thành viên Hội đồng Quản trị vào từng thời điểm và các điều kiện khác theo quy định của Pháp luật.

33.4. Miễn nhiệm, bãi nhiệm, thay thế thành viên Hội đồng quản trị:

- (a) Thành viên Hội đồng quản trị bị miễn nhiệm nếu:
 - (i). Thành viên này không còn đáp ứng các điều kiện quy định trong khoản 33.3 nêu trên hoặc bị Pháp luật cấm không cho phép giữ vị trí Thành viên Hội đồng Quản trị;
 - (ii). Cổ đông hoặc nhóm Cổ đông đề cử Thành viên này không còn sở hữu đủ số Cổ phần cần thiết để có thể đề cử Thành viên đó hoặc số lượng Thành viên như quy định tại khoản 33.2;
 - (iii). Thành viên này thông báo từ chức đến Công ty và được chấp thuận;
 - (iv). Thành viên này đến tuổi nghỉ hưu theo quy định của pháp luật;
 - (v). Thành viên này bị cơ quan điều tra ra quyết định khởi tố bị can;
 - (vi). Thành viên này bị mất năng lực hành vi dân sự, chết hoặc bị tuyên bố chết, tuyên bố mất tích;
 - (vii). Trường hợp khác theo quy định của pháp luật.

- (b) Thành viên Hội đồng Quản trị bị bãi nhiệm nếu:
- (i) Thành viên đó không tham gia các hoạt động của Hội đồng Quản trị trong 06 tháng liên tục, trừ trường hợp bất khả kháng; hoặc
 - (ii) Trường hợp khác theo quy định của pháp luật.
- 33.5.** Khi xét thấy cần thiết, Đại hội đồng cổ đông quyết định miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị và bầu người thay thế ngoài các trường hợp được quy định tại điểm a, b khoản 33.4 Điều này.
- 33.6.** Mỗi Thành viên Hội đồng Quản trị sẽ được hoàn lại các chi phí hợp lý bao gồm tiền đi lại, lưu trú khách sạn, và các khoản chi tiêu hợp lý khác phát sinh do việc tham dự họp Hội đồng Quản trị hoặc Đại hội đồng Cổ đông. Hội đồng Quản trị đề nghị định mức các khoản chi phí như các khoản phụ cấp, công tác phí, đi lại, lưu trú khách sạn, và các khoản chi tiêu hợp lý khác và trình Đại hội đồng Cổ đông quyết định.
- 33.7.** Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông để bầu bổ sung thành viên Hội đồng quản trị trong trường hợp sau đây:
- (a). Số thành viên Hội đồng quản trị bị giảm quá một phần ba so với số quy định tại Điều lệ công ty. Trường hợp này, Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông trong thời hạn 60 ngày kể từ ngày số thành viên bị giảm quá một phần ba;
 - (b). Trừ trường hợp quy định tại điểm a khoản này, Đại hội đồng cổ đông bầu thành viên mới thay thế thành viên Hội đồng quản trị đã bị miễn nhiệm, bãi nhiệm tại cuộc họp gần nhất.
- 33.8.** Các Thành viên Hội đồng Quản trị có thể được nhận thù lao cho công việc của họ với tư cách là Thành viên Hội đồng Quản trị nếu được Đại hội đồng Cổ đông chấp thuận. Mức thù lao cho Hội đồng Quản trị sẽ do Đại hội đồng Cổ đông quyết định. Tổng số tiền trả thù lao cho các Thành viên Hội đồng Quản trị và số tiền mà mỗi Thành viên được nhận phải được ghi chi tiết trong báo cáo thường niên của Công ty.
- 33.9.** Không một Thành viên Hội đồng Quản trị nào được quyền đại diện, đảm bảo, cam kết thay mặt Công ty hoặc ràng buộc Công ty vào bất kỳ nghĩa vụ nào trừ trường hợp được quy định rõ trong Điều lệ này hoặc bởi nghị quyết của Hội đồng Quản trị được thông qua hợp lệ.
- 33.10.** Mỗi Thành viên Hội đồng Quản trị phải tuân thủ tất cả các nghị quyết của Hội đồng Quản trị.
- 33.11.** Mỗi Thành viên Hội đồng Quản trị phải luôn hành động trung thực vì lợi ích của Công ty và thực hiện các nghĩa vụ của mình một cách trung thực nhân danh Công ty.

Điều 34. Nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng quản trị

- 34.1.** Nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng quản trị không quá 05 (năm) năm và có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế.
- 34.2.** Trường hợp tất cả thành viên Hội đồng Quản trị cùng kết thúc nhiệm kỳ thì các thành viên đó tiếp tục là thành viên Hội đồng Quản trị cho đến khi có thành viên mới được bầu thay thế và tiếp quản công việc.

Điều 35. Chủ tịch Hội đồng quản trị

- 35.1.** Chủ tịch Hội đồng Quản trị do Hội đồng Quản trị bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm trong số các Thành viên Hội đồng quản trị.
- 35.2.** Chủ tịch Hội đồng Quản trị chủ tọa tất cả các cuộc họp của Hội đồng Quản trị và cuộc họp Đại hội đồng cổ đông.
- 35.3.** Trường hợp Chủ tịch Hội đồng quản trị vắng mặt hoặc không thể thực hiện được nhiệm vụ của mình thì phải ủy quyền bằng văn bản cho một thành viên khác thực hiện quyền và nghĩa vụ của Chủ tịch Hội đồng quản trị. Trường hợp không có người được ủy quyền hoặc Chủ tịch Hội đồng quản trị chết, mất tích, bị tạm giam, bị khởi tố hình sự, đang chấp hành hình phạt tù, đang chấp hành biện pháp xử lý hành chính tại cơ sở cai nghiện bắt buộc, cơ sở giáo dục bắt buộc, trốn khỏi nơi cư trú, bị hạn chế hoặc mất năng lực hành vi dân sự, có khó khăn trong nhận thức, làm chủ hành vi, bị Tòa án cấm đảm nhiệm chức vụ, cấm hành nghề hoặc làm công việc nhất định thì các thành viên còn lại bầu một người trong số các thành viên giữ chức Chủ tịch Hội đồng quản trị theo nguyên tắc đa số thành viên còn lại tán thành cho đến khi có quyết định mới của Hội đồng quản trị.
- 35.4.** Chủ tịch Hội đồng Quản trị có những quyền và nghĩa vụ quy định trong Điều lệ này và quy định bởi Pháp luật.

Điều 36. Cuộc họp Hội đồng quản trị

- 36.1.** Các cuộc họp Hội đồng Quản trị sẽ được tổ chức tùy theo nhu cầu của hoạt động kinh doanh, nhưng mỗi quý phải họp tối thiểu là một lần. Chủ tịch có thể triệu tập các Cuộc họp Hội đồng Quản trị bất thường theo yêu cầu của những người sau đây:
- Hai Thành viên Hội đồng Quản trị trở lên;
 - Giám đốc hoặc ít nhất năm người quản lý khác;
 - Chủ tịch Hội đồng Quản trị;
 - Trưởng ban hoặc đa số Thành viên Ban Kiểm soát; và
 - Cổ đông hoặc nhóm Cổ đông sở hữu từ 10% tổng số cổ phần phổ thông trở lên.

- 36.2.** Theo yêu cầu của kiểm toán viên độc lập, Chủ tịch Hội đồng Quản trị phải triệu tập họp Hội đồng Quản trị thảo luận về báo cáo kiểm toán và tình hình Công ty.
- 36.3.** Cuộc họp Hội đồng Quản trị phải được tiến hành trong vòng 07 (bảy) ngày làm việc kể từ ngày nhận được đề nghị họp. Nếu Chủ tịch không chấp nhận triệu tập cuộc họp, người đề nghị họp quy định tại Khoản 36.1 có quyền thay thế Chủ tịch Hội đồng quản trị triệu tập họp Hội đồng Quản trị.
- 36.4.** Thông báo triệu tập phải được gửi tới mỗi Thành viên tham dự Cuộc họp Hội đồng Quản trị chậm nhất ba (03) ngày làm việc trước ngày họp. Tuy nhiên nếu quá nửa số Thành viên Hội đồng Quản trị đồng ý không cần thời gian thông báo trước, cuộc họp có thể được tiến hành sớm hơn vào thời gian mà các Thành viên trên đã nhất trí. Thông báo họp Hội đồng Quản trị phải xác định rõ chương trình họp, thời gian và địa điểm họp, và phải có đính kèm các tài liệu cần thiết. Giám đốc phải cung cấp cho Chủ tịch Hội đồng Quản trị chương trình dự thảo cho mỗi cuộc họp thường kỳ của Hội đồng Quản trị. Chương trình họp Hội đồng Quản trị bất thường sẽ do người yêu cầu triệu tập Cuộc họp Hội đồng Quản trị cung cấp.
- 36.5.** Khi được yêu cầu, Giám đốc hoặc Phó giám đốc phải cung cấp cho các Thành viên Hội đồng Quản trị tất cả các thông tin và/hoặc tài liệu khác có liên quan đến hoạt động của Công ty và liên quan đến Cuộc họp Hội đồng Quản trị.
- 36.6.** Thông thường các Cuộc họp Hội đồng Quản trị sẽ được tiến hành tại trụ sở Công ty nhưng cũng có thể được tiến hành tại địa điểm khác do Hội đồng Quản trị quyết định tùy từng thời điểm.
- 36.7.** Số thành viên tham dự để tiến hành họp Hội đồng Quản trị là ba phần tư (3/4) tổng số Thành viên có mặt trực tiếp hoặc thông qua đại diện theo ủy quyền theo quy định tại Khoản 36.9 Điều lệ này. Trường hợp cuộc họp được triệu tập theo quy định khoản này không đủ số thành viên dự họp theo quy định thì được triệu tập lần thứ hai trong thời hạn 07 ngày, kể từ ngày dự định họp lần thứ nhất. Trường hợp này, cuộc họp được tiến hành nếu có hơn một nửa số thành viên Hội đồng Quản trị dự họp.
- 36.8.** Thành viên Hội đồng Quản trị có thể tham dự Cuộc họp Hội đồng Quản trị qua điện thoại hoặc các phương tiện thông tin điện tử khác với điều kiện mỗi Thành viên này có thể nghe rõ các Thành viên khác có mặt trong cuộc họp và các Thành viên có mặt cũng nghe rõ Thành viên này nói. Hình thức tham dự này được xem như tương đương với việc đích thân tham dự cuộc họp Hội đồng Quản trị.
- 36.9.** Nếu một Thành viên Hội đồng Quản trị không thể tham dự một cuộc họp Hội đồng Quản trị, thành viên này có thể ủy quyền bằng văn bản một người đại diện cho mình (có thể là một Thành viên Hội đồng Quản trị khác hoặc không) để tham dự họp và đại diện thay cho mình trong cuộc họp, nếu được đa số các thành viên Hội đồng Quản trị chấp thuận.

Người đại diện có thể được ủy quyền tham dự một Cuộc họp Hội đồng Quản trị nhất định hoặc bất kỳ cuộc họp Hội đồng Quản trị nào cho đến khi có thông báo khác của Thành viên ủy quyền. Mỗi văn bản chỉ định đại diện phải được gửi hoặc giao đến Chủ tịch Hội đồng Quản trị tại Trụ sở Công ty trước khi bắt đầu Cuộc họp Hội đồng Quản trị. Mỗi người đại diện sẽ có một phiếu bầu tương ứng với mỗi Thành viên mà người này đại diện và một phiếu bầu của mình nếu người đại diện cũng đồng thời là một Thành viên Hội đồng Quản trị.

36.10. Bất kỳ Thành viên Hội đồng Quản trị nào cũng có thể yêu cầu Giám đốc, Phó giám đốc, Kế toán trưởng tham dự họp Hội đồng Quản trị để báo cáo trực tiếp với Hội đồng Quản trị về tất cả các vấn đề liên quan đến Công ty hoặc hoạt động kinh doanh của Công ty nằm trong phạm vi trách nhiệm hoặc kiến thức, chuyên môn của họ.

36.11. Trong trường hợp cần thiết, Hội đồng Quản trị có thể cho phép người khác tham dự Cuộc họp để cố vấn và hỗ trợ tư vấn tại các cuộc họp Hội đồng Quản trị.

36.12. Tiến trình và các quyết định của các Cuộc họp Hội đồng Quản trị phải được ghi chép vào biên bản bằng tiếng Việt. Chủ tọa và người ghi Biên bản họp phải ký vào Biên bản họp. Trường hợp Chủ tọa, người ghi Biên bản họp từ chối ký Biên bản họp nhưng nếu được tất cả thành viên khác của Hội đồng Quản trị tham dự và đồng ý thông qua Biên bản họp ký và có đầy đủ nội dung quy định tại điểm a, b, c, d, đ, e, g, h Khoản 1 Điều 158 Luật Doanh nghiệp thì Biên bản vẫn có hiệu lực. Biên bản họp ghi rõ việc chủ tọa, người ghi biên bản họp từ chối ký biên bản họp. Người ký biên bản họp chịu trách nhiệm liên đới về tính chính xác và trung thực của nội dung biên bản họp Hội đồng quản trị. Chủ tọa, người ghi biên bản họp chịu trách nhiệm cá nhân về thiệt hại xảy ra đối với doanh nghiệp do từ chối ký biên bản họp theo quy định của Luật Doanh nghiệp, Điều lệ công ty và pháp luật có liên quan.

Điều 37. Biểu quyết tại Hội đồng quản trị

Trong mỗi Cuộc họp Hội đồng Quản trị, mỗi Thành viên sẽ có một phiếu biểu quyết. Hội đồng Quản trị biểu quyết thông qua các vấn đề thuộc phạm vi quyền hạn và trách nhiệm của Hội đồng Quản trị được quy định tại Điều 32 và các vấn đề khác không thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng Cổ đông, hoặc của Giám đốc theo Điều lệ này hoặc các vấn đề khác mà Đại hội đồng Cổ đông có thể ủy quyền hoặc trao cho Hội đồng Quản trị theo từng thời điểm. Quyết định của Hội đồng Quản trị được thông qua nếu được đa số thành viên dự họp chấp thuận; trường hợp số phiếu ngang nhau thì quyết định cuối cùng thuộc về phía có ý kiến của Chủ tịch Hội đồng Quản trị.

Điều 38. Lấy ý kiến thành viên Hội đồng quản trị bằng văn bản để thông qua Nghị quyết, Quyết định của Hội đồng quản trị.

- 38.1. Khi cần quyết định những vấn đề mà điều kiện thực tế không thuận tiện cho việc tổ chức họp Hội đồng quản trị, hoặc những vấn đề không nhất thiết phải tổ chức họp Hội đồng quản trị, Chủ tịch Hội đồng quản trị sẽ tổ chức thông qua quyết định của Hội đồng quản trị bằng hình thức lấy ý kiến bằng văn bản (kể cả dưới dạng fax) của các thành viên Hội đồng quản trị mà không cần triệu tập phiên họp.
- 38.2. Thành viên Hội đồng quản trị có trách nhiệm nghiên cứu và gửi ý kiến bằng văn bản trong thời hạn yêu cầu, có thể gửi phiếu lấy ý kiến đã trả lời đến công ty bằng hình thức gửi thư, fax hoặc thư điện tử tuân thủ quy định Luật Doanh nghiệp.
- 38.3. Phiếu lấy ý kiến đã được trả lời, biên bản kiểm phiếu, nghị quyết đã được thông qua và tài liệu có liên quan gửi kèm theo phiếu lấy ý kiến được lưu giữ tại trụ sở chính của công ty và phải sẵn sàng cung cấp khi có cầu kiểm tra.
- 38.4. Nghị quyết được thông qua theo hình thức lấy ý kiến thành viên Hội đồng quản trị bằng văn bản có giá trị như nghị quyết được thông qua tại cuộc họp Hội đồng quản trị.

CHƯƠNG VII. BAN ĐIỀU HÀNH

Điều 39. Tổ chức Ban điều hành

Công ty áp dụng hệ thống Ban điều hành mà theo đó Ban điều hành chịu trách nhiệm trước Hội đồng Quản trị và do Hội đồng Quản trị lãnh đạo. Ban điều hành gồm có Giám đốc, các Phó Giám đốc.

Điều 40. Giám đốc

- 40.1. Giám đốc do Hội đồng Quản trị bổ nhiệm, miễn nhiệm. Nhiệm kỳ của Giám đốc không quá (năm) năm và có thể được bổ nhiệm lại với số nhiệm kỳ không hạn chế.
- 40.2. Giám đốc có thể không phải là Cổ đông của Công ty nhưng phải là người có kiến thức, có năng lực, hiểu biết pháp luật và có sức khỏe, phải có chứng chỉ hành nghề quản lý quỹ hoặc chứng chỉ tương đương theo quy định của pháp luật và đáp ứng các tiêu chuẩn, điều kiện khác mà pháp luật quy định vào từng thời điểm. Giám đốc không phải là người bị cấm giữ chức vụ này theo quy định của Pháp luật.
- 40.3. Trách nhiệm của Giám đốc tuân theo quy định của pháp luật. Hội đồng quản trị có thể giao một số quyền hạn và thẩm quyền mà Hội đồng Quản trị thấy cần thiết để Giám đốc có thể thực hiện các nghĩa vụ điều hành hoạt động kinh doanh của Công ty.

40.4. Giám đốc có các quyền và nghĩa vụ sau đây:

- Quyết định các vấn đề liên quan đến công việc kinh doanh hàng ngày của công ty mà không thuộc thẩm quyền của Hội đồng quản trị;
- Tổ chức thực hiện các nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị;
- Tổ chức thực hiện kế hoạch kinh doanh và phương án đầu tư của công ty;
- Kiến nghị phương án cơ cấu tổ chức, quy chế quản lý nội bộ của công ty;
- Kiến nghị phương án trả cổ tức hoặc xử lý lỗ trong kinh doanh;
- Quyết định, ký kết và thực hiện các hợp đồng, thỏa thuận và các văn bản khác của công ty với tư cách là Người đại diện theo pháp luật trên cơ sở sự phê duyệt của Đại hội Đồng Cổ đông, Hội đồng Quản trị (nếu có), theo quy định tại Điều lệ này;
- Tổ chức soạn thảo các kế hoạch kinh doanh và ngân sách với đầy đủ chi tiết để đệ trình lên Hội đồng Quản trị, hoặc trong trường hợp cần thiết, lên Đại hội đồng Cổ đông;
- Quản lý việc thực thi tất cả các quy tắc và quy định về quản lý và hoạt động đã được Hội đồng Quản trị phê duyệt;
- Thực thi các quyền và nghĩa vụ khác được Đại hội đồng Cổ đông hoặc Hội đồng Quản trị ủy quyền hoặc giao nhiệm vụ;
- Ngoài các chức danh trong Ban điều hành và Kế toán trưởng trở lên thuộc thẩm quyền quyết định của Hội đồng quản trị, Giám đốc quyết định việc tuyển dụng, bổ nhiệm, miễn nhiệm, bãi nhiệm, trả lương, thưởng và các quyền lợi khác cho các chức danh còn lại và người lao động trong Công ty;
- Phê duyệt và ban hành chính sách nội bộ của Công ty, các quy định liên quan đến hoạt động kinh doanh và công việc hàng ngày của Công ty, bao gồm nhưng không giới hạn bởi các quy định sau: Quy trình đầu tư; Định mức chi tiêu cho cán bộ, nhân viên trong Công ty; Quy định về chính sách nhân sự, bao gồm các quy định về việc tuyển dụng, đào tạo và các vấn đề quản lý và phát triển nhân lực của Công ty.
- Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật.

40.5. Giám đốc từ chức phải tuân thủ theo quy định của pháp luật và hợp đồng ký kết với Công ty.

40.6. Hội đồng Quản trị có thể bãi nhiệm Giám đốc với 2/3 (hai phần ba) số Thành viên Hội đồng Quản trị biểu quyết tán thành, nhưng điều này không ảnh hưởng đến yêu cầu đòi

bồi thường thiệt hại liên quan đến việc vi phạm bất kỳ hợp đồng nào ký kết giữa Giám đốc và Công ty. Giám đốc bị bãi nhiệm có quyền phản đối việc bãi nhiệm này tại kỳ họp Hội đồng quản trị tiếp theo.

40.7. Giám đốc chịu trách nhiệm trước Hội đồng Quản trị và Đại hội đồng Cổ đông về việc thực hiện nhiệm vụ và quyền hạn được giao và phải báo cáo cho Hội đồng Quản trị và các Cổ đông khi có yêu cầu.

40.8. Do tầm quan trọng của việc trao đổi thông tin chặt chẽ giữa Hội đồng Quản trị và Ban điều hành Công ty, Giám đốc sẽ tham dự các cuộc họp của Hội đồng Quản trị, nhưng không được biểu quyết trừ khi Giám đốc cũng đồng thời là Thành viên Hội đồng Quản trị.

Điều 41. Phó giám đốc

41.1. Phó Giám đốc Công ty do Hội đồng Quản trị bổ nhiệm, miễn nhiệm. Phó Giám đốc là người giúp việc cho Giám đốc Công ty. Phó Giám đốc chịu trách nhiệm về mọi hoạt động của mình trước Giám đốc Công ty và Hội đồng Quản trị. Trường hợp vi phạm pháp luật, Điều lệ hoặc kinh doanh thua lỗ, Phó Giám đốc có thể bị Hội đồng Quản trị miễn nhiệm/bãi nhiệm trước thời hạn.

41.2. Phó Giám đốc phụ trách nghiệp vụ của Công ty phải là người có chứng chỉ hành nghề Quản lý quỹ hoặc chứng chỉ tương đương theo quy định của pháp luật hiện hành, có kiến thức chuyên ngành liên quan tới lĩnh vực kinh doanh của Công ty hoặc các chuyên ngành khác cần thiết cho hoạt động kinh doanh hay quản trị Công ty và/hoặc quản lý quỹ, có kinh nghiệm quản lý, hiểu biết pháp luật, có sức khỏe và đáp ứng các tiêu chuẩn, điều kiện khác mà pháp luật quy định vào từng thời điểm. Phó Giám đốc không phải là người bị luật pháp cấm giữ chức vụ này theo quy định của pháp luật.

Phó Giám đốc phụ trách nghiệp vụ kinh doanh chứng khoán bị miễn nhiệm trong thời hạn 07 (bảy) ngày làm việc khi các cá nhân này vi phạm quy định Luật Chứng khoán hoặc pháp luật khác đến mức bị truy cứu trách nhiệm hình sự hoặc bị cấm hành nghề kinh doanh chứng khoán theo quy định của pháp luật.

41.3. Phó Giám đốc Công ty có quyền điều hành những hoạt động kinh doanh thuộc trách nhiệm của mình theo nội dung nêu trong quyết định bổ nhiệm và những nội dung khác theo sự phân công của Hội đồng Quản trị hoặc những hoạt động khác theo sự ủy quyền của Giám đốc.

41.4. Hội đồng Quản trị sẽ chỉ định một người trong số các Phó Giám đốc Công ty làm Phó Giám đốc thứ nhất.

Trong trường hợp Giám đốc vắng mặt hoặc không thể thực hiện các quyền và nghĩa vụ của mình thì phải ủy quyền bằng văn bản cho một Phó Giám đốc hoặc người khác thực

hiện các quyền và nghĩa vụ của Giám đốc. Trường hợp Giám đốc không ủy quyền hoặc bị chết, mất tích, bị tạm giam, bị khởi tố hình sự, đang chấp hành hình phạt tù, đang chấp hành biện pháp xử lý hành chính tại cơ sở cai nghiện bắt buộc, cơ sở giáo dục bắt buộc, trốn khỏi nơi cư trú, bị hạn chế hoặc mất năng lực hành vi dân sự, có khó khăn trong nhận thức, làm chủ hành vi, bị Tòa án cấm đảm nhiệm chức vụ, cấm hành nghề hoặc làm công việc nhất định thì Phó Giám đốc thứ nhất hoặc Phó Giám đốc (trong trường hợp không có Phó Giám đốc thứ nhất) tạm thời làm Giám đốc cho đến khi có Giám đốc mới, trừ trường hợp Hội đồng quản trị có ý kiến khác.

CHƯƠNG VIII. BAN KIỂM SOÁT, KẾ TOÁN TRƯỞNG

Điều 42. Ban Kiểm soát

Ban Kiểm soát là cơ quan có thẩm quyền thay mặt Đại hội đồng Cổ đông giám sát tất cả các hoạt động và công việc kinh doanh của Công ty. Ban Kiểm soát sẽ hoạt động độc lập với Hội đồng Quản trị và Ban điều hành và sẽ báo cáo với Đại hội đồng Cổ đông.

Điều 43. Quyền và nghĩa vụ của Ban Kiểm soát

43.1. Ban Kiểm soát sẽ có các quyền hạn và trách nhiệm được quy định theo Pháp luật và theo Điều lệ này hoặc, trong một số trường hợp, theo quyết định của Đại hội đồng Cổ đông vào từng thời điểm. Ngoài những quy định trên, Ban Kiểm soát còn có các quyền và nghĩa vụ sau đây:

- Kiểm tra tính hợp lý, hợp pháp, tính trung thực và mức độ cân trọng trong quản lý, điều hành hoạt động kinh doanh; tính hệ thống, nhất quán và phù hợp của công tác kế toán, thống kê và lập báo cáo tài chính.
- Thẩm định tính đầy đủ, hợp pháp và trung thực của báo cáo tình hình kinh doanh, báo cáo tài chính hằng năm và 06 tháng của công ty, báo cáo đánh giá công tác quản lý của Hội đồng quản trị và trình báo cáo thẩm định tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên. Rà soát hợp đồng, giao dịch với người có liên quan thuộc thẩm quyền phê duyệt của Hội đồng quản trị hoặc Đại hội đồng cổ đông và đưa ra khuyến nghị về hợp đồng, giao dịch cần có phê duyệt của Hội đồng quản trị hoặc Đại hội đồng cổ đông.
- Rà soát, kiểm tra và đánh giá hiệu lực và hiệu quả của hệ thống kiểm soát nội bộ, kiểm toán nội bộ, quản lý rủi ro và cảnh báo sớm của công ty.
- Xem xét sổ kế toán, ghi chép kế toán và tài liệu khác của công ty, công việc quản lý, điều hành hoạt động của công ty khi xét thấy cần thiết hoặc theo nghị quyết Đại hội đồng cổ đông hoặc theo yêu cầu của cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ 5% tổng số cổ phần phổ thông trở lên.

- Khi có yêu cầu của cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ 5% tổng số cổ phần phổ thông trở lên, Ban kiểm soát thực hiện kiểm tra trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ ngày nhận được yêu cầu. Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày kết thúc kiểm tra, Ban kiểm soát phải báo cáo về những vấn đề được yêu cầu kiểm tra đến Hội đồng quản trị và cổ đông hoặc nhóm cổ đông có yêu cầu. Việc kiểm tra của Ban kiểm soát quy định tại khoản này không được cản trở hoạt động bình thường của Hội đồng quản trị, không gây gián đoạn điều hành hoạt động kinh doanh của công ty.
 - Kiến nghị Hội đồng quản trị hoặc Đại hội đồng cổ đông biện pháp sửa đổi, bổ sung, cải tiến cơ cấu tổ chức quản lý, giám sát và điều hành hoạt động kinh doanh của công ty.
 - Khi phát hiện có thành viên Hội đồng quản trị, Giám đốc vi phạm quy định về trách nhiệm của người quản lý theo quy định của Luật Doanh nghiệp phải thông báo ngay bằng văn bản cho Hội đồng quản trị, yêu cầu người có hành vi vi phạm chấm dứt hành vi vi phạm và có giải pháp khắc phục hậu quả.
 - Tham dự và tham gia thảo luận tại các cuộc họp Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị và các cuộc họp khác của công ty.
 - Sử dụng tư vấn độc lập, bộ phận kiểm toán nội bộ của công ty để thực hiện nhiệm vụ được giao.
 - Ban kiểm soát có thể tham khảo ý kiến của Hội đồng quản trị trước khi trình báo cáo, kết luận và kiến nghị lên Đại hội đồng cổ đông.
- 43.2.** Các quyết định của Ban Kiểm soát được đưa ra trên cơ sở được sự chấp thuận của hai phần ba (2/3) số thành viên của Ban Kiểm soát. Tuy nhiên thành viên nào không đồng ý với quyết định của các thành viên khác có quyền bảo lưu ý kiến của mình và trình ý kiến của mình lên Đại hội đồng Cổ đông hoặc Hội đồng Quản trị trong phiên họp gần nhất của các cơ quan này để các cơ quan này xem xét và quyết định.

Điều 44. Thành viên Ban Kiểm soát

- 44.1.** Ban Kiểm soát sẽ có ba (03) đến năm (05) thành viên do Đại hội đồng Cổ đông bổ nhiệm, miễn nhiệm và bãi nhiệm. Thành viên Ban kiểm soát phải đáp ứng các tiêu chuẩn và điều kiện sau:
- (a) Không thuộc đối tượng bị cấm thành lập và quản lý doanh nghiệp theo quy định của Luật Doanh nghiệp;
 - (b) Có bằng tốt nghiệp đại học trở lên thuộc một trong các chuyên ngành về kinh tế, tài chính, kế toán, kiểm toán, luật, quản trị kinh doanh hoặc chuyên ngành phù hợp với hoạt động kinh doanh của Công ty;

- (c) Không phải là người quản lý Công ty; không nhất thiết phải là cổ đông hoặc người lao động của Công ty;
- (d) Không phải là người có quan hệ gia đình của thành viên Hội đồng quản trị, Giám đốc, Phó giám đốc của Công ty;
- (e) Không thuộc các trường hợp: Làm việc trong bộ phận kế toán, tài chính của Công ty; Là thành viên hay nhân viên của tổ chức kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm toán các báo cáo tài chính của Công ty trong 03 năm liền trước đó.
- (f) Điều kiện khác theo quy định của Pháp luật và Quy chế nội bộ của Công ty.

44.2. Thành viên Ban Kiểm soát sẽ được đề cử theo nguyên tắc Cổ đông hoặc nhóm Cổ đông sở hữu từ 10% tổng số cổ phần phổ thông trở lên có quyền đề cử một (01) thành viên Ban Kiểm soát.

Phụ thuộc vào số lượng ứng cử viên do Đại hội đồng Cổ đông quyết định và tỷ lệ sở hữu cổ phần của cổ đông/nhóm cổ đông, số lượng ứng cử viên mà mỗi cổ đông/nhóm cổ đông được quyền đề cử làm thành viên Ban kiểm soát thực hiện theo nguyên tắc sau:

- (a). Cổ đông hoặc nhóm Cổ đông sở hữu từ 10% đến dưới 30% tổng số cổ phần phổ thông được đề cử tối đa một (01) ứng cử viên;
- (b). Cổ đông hoặc nhóm Cổ đông sở hữu từ 30% đến dưới 50% tổng số cổ phần phổ thông được đề cử tối đa hai (02) ứng cử viên;
- (c). Cổ đông hoặc nhóm Cổ đông sở hữu từ 50% đến dưới 70% tổng số cổ phần phổ thông được đề cử tối đa ba (03) ứng cử viên;
- (d). Cổ đông hoặc nhóm Cổ đông sở hữu từ 70% đến dưới 90% tổng số cổ phần phổ thông được đề cử tối đa bốn (04) ứng cử viên;
- (e). Cổ đông hoặc nhóm Cổ đông sở hữu từ 90% đến dưới 100% tổng số cổ phần phổ thông được đề cử tối đa năm (05) ứng cử viên;
- (f). Trường hợp số lượng ứng cử viên được cổ đông/nhóm Cổ đông đề cử thấp hơn so với số ứng cử viên mà họ được quyền đề cử, Ban kiểm soát đương nhiệm giới thiệu thêm ứng cử viên hoặc tổ chức đề cử theo quy định tại Điều lệ công ty và Quy chế nội bộ về quản trị công ty của công ty. Việc Ban kiểm soát giới thiệu thêm ứng cử viên phải được công bố rõ ràng trước khi Đại hội đồng cổ đông biểu quyết bầu thành viên Ban kiểm soát theo quy định của pháp luật.

44.3. Thành viên Ban Kiểm soát có nhiệm kỳ không quá năm (05) năm và có thể được Đại hội đồng Cổ đông bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế. Khi bầu Ban Kiểm soát, yêu cầu cơ cấu thành phần cần có những người giỏi chuyên môn nghiệp vụ khác nhau như kinh tế, tài chính, kế toán, kiểm toán, luật, quản trị kinh doanh hoặc chuyên ngành phù

hợp với hoạt động kinh doanh của công ty. Ban Kiểm soát phải có hơn một nửa số Thành viên Ban Kiểm soát thường trú tại Việt Nam.

44.4. Đại hội đồng cổ đông miễn nhiệm thành viên Ban Kiểm soát trong trường hợp sau đây:

- (a) Không còn đủ tiêu chuẩn và điều kiện làm Thành viên Ban Kiểm soát theo quy định tại Điều lệ này;
- (b) Có đơn từ chức và được chấp thuận;
- (c) Thành viên này đến tuổi nghỉ hưu theo quy định của pháp luật;
- (d) Thành viên này bị cơ quan điều tra ra quyết định khởi tố bị can;
- (e) Thành viên này bị mất năng lực hành vi dân sự, chết hoặc bị tuyên bố chết, tuyên bố mất tích.

44.5. Đại hội đồng cổ đông bãi nhiệm Thành viên Ban Kiểm soát trong trường hợp sau đây:

- (a) Không hoàn thành nhiệm vụ, công việc được phân công;
- (b) Không thực hiện quyền và nghĩa vụ của mình trong 06 tháng liên tục, trừ trường hợp bất khả kháng;
- (c) Vi phạm nhiều lần, vi phạm nghiêm trọng nghĩa vụ của Thành viên Ban Kiểm soát theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ công ty;
- (d) Trường hợp khác theo nghị quyết Đại hội đồng cổ đông.

44.6. Ban Kiểm soát bầu một thành viên làm Trưởng Ban Kiểm soát; việc bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm theo nguyên tắc đa số. Trưởng Ban Kiểm soát phải là kế toán viên hoặc Kiểm toán viên chuyên nghiệp hoặc phải có bằng tốt nghiệp đại học trở lên thuộc một trong các chuyên ngành kinh tế, tài chính, kế toán, kiểm toán, luật, quản trị kinh doanh hoặc chuyên ngành có liên quan đến hoạt động kinh doanh của công ty. Trưởng Ban Kiểm soát có các quyền và trách nhiệm sau:

- Triệu tập cuộc họp Ban Kiểm soát và hoạt động với tư cách là Trưởng Ban kiểm soát;
- Yêu cầu Công ty cung cấp các thông tin có liên quan để báo cáo cho các thành viên của Ban Kiểm soát;
- Lập và ký báo cáo của Ban Kiểm soát sau khi đã tham khảo ý kiến của Hội đồng Quản trị để trình lên Đại hội đồng Cổ đông.

44.7. Mức thù lao cho các thành viên Ban Kiểm soát sẽ do Hội đồng Quản trị đề xuất, Đại hội đồng Cổ đông quyết định nhưng không vượt quá mức thù lao cho Thành viên Hội đồng Quản trị. Thành viên của Ban Kiểm soát cũng sẽ được thanh toán các khoản chi phí phát sinh một cách hợp lý khi họ tham gia cuộc họp của Ban Kiểm soát hoặc liên quan đến hoạt động kinh doanh của Công ty. Hội đồng Quản trị đề nghị định mức chi phí đi lại, ăn, ở... cho các thành viên Ban Kiểm soát và trình Đại hội đồng Cổ đông quyết định.

44.8. Ban Kiểm soát xây dựng quy chế hoạt động của Ban Kiểm soát (quy chế cần nêu rõ quyền hạn, chức năng nhiệm vụ cụ thể, chế độ làm việc, hội họp, báo cáo v.v...) và trình Đại hội đồng cổ đông thông qua; khi cần thiết Ban Kiểm soát có thể yêu cầu Hội đồng Quản trị cho phép trưng dụng một số nhân viên của Công ty làm nhiệm vụ kiểm tra, kiểm soát trong một thời gian nhất định.

Điều 45. Quyền được cung cấp thông tin của Ban kiểm soát

45.1. Tài liệu và thông tin phải được gửi đến Thành viên Ban Kiểm soát cùng thời điểm và theo phương thức như đối với thành viên Hội đồng quản trị, bao gồm:

- (a) Thông báo mời họp, phiếu lấy ý kiến thành viên Hội đồng Quản trị và tài liệu kèm theo;
- (b) Nghị quyết, quyết định và biên bản họp của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị;
- (c) Báo cáo của Giám đốc trình Hội đồng Quản trị hoặc tài liệu khác do công ty phát hành.

45.2. Thành viên Ban Kiểm soát có quyền tiếp cận hồ sơ, tài liệu của công ty lưu giữ tại trụ sở chính, chi nhánh và địa điểm khác; có quyền đến địa điểm làm việc của người quản lý và nhân viên của công ty trong giờ làm việc.

45.3. Hội đồng quản trị, thành viên Hội đồng quản trị, Giám đốc, người quản lý khác phải cung cấp đầy đủ, chính xác, kịp thời thông tin, tài liệu về công tác quản lý, điều hành và hoạt động kinh doanh của công ty theo yêu cầu của Thành viên Ban Kiểm soát hoặc Ban kiểm soát.

Điều 46. Kế toán trưởng

46.1. Kế toán trưởng do Hội đồng Quản trị Công ty bổ nhiệm, miễn nhiệm. Kế toán trưởng phải là người có kinh nghiệm, hiểu biết trong lĩnh vực tài chính kế toán, có sức khỏe và đạo đức tốt.

46.2. Kế toán trưởng có trách nhiệm lãnh đạo đội ngũ nhân viên phụ trách về các lĩnh vực gồm Kế toán và Quản lý Tài chính; phải giám sát các hoạt động Kế toán và Tài chính và quy định những chính sách liên quan đối với tất cả các vấn đề về quản lý tài chính, kế toán của Công ty, bảo đảm cho công tác tài chính – kế toán của Công ty được trôi chảy, lành mạnh, minh bạch, tuân thủ đúng các chuẩn mực kế toán được áp dụng và quy định của pháp luật có liên quan. Kế toán trưởng có quyền và trách nhiệm thực hiện những điều sau:

- Giám sát các hệ thống và công việc kế toán cần thiết cho việc duy trì sổ sách và giấy tờ kế toán của Công ty, việc thực hiện các khoản dự phòng và các quỹ hoạt động của Công ty theo quyết định của Đại hội đồng Cổ đông và/hoặc Hội đồng Quản trị;
- Quản lý và cho ý kiến về việc sử dụng và chi tiêu tiền mặt và ngân quỹ của Công ty;
- Chịu trách nhiệm quản lý toàn bộ các nguồn tiền mặt bằng ngoại tệ và tiền Đồng;

- Giám sát việc chuẩn bị các dữ liệu ngân sách cần thiết để lập ngân sách hàng năm;
- Giám sát hoạt động quản lý rủi ro;
- Bảo đảm việc lập và nộp các báo cáo hoạt động và tài chính một cách đúng hạn và chính xác;
- Đưa ra và giám sát quy trình kế toán cần thiết trong nội bộ Công ty, bao gồm cả các báo cáo tháng, quý và năm phải lập theo yêu cầu quản lý bao gồm các Báo cáo Tài chính truyền thống, các sổ sách ngân sách kèm theo phân tích các thay đổi, dự tính về luồng tiền mặt, báo cáo quản lý tiền mặt, các dự toán vãng lai được cập nhật của các kết quả hàng năm dự tính và bất kỳ báo cáo nào khác với bản chất đặc biệt phải lập theo yêu cầu quản lý hoặc theo yêu cầu của Công ty; và
- Giám sát việc tuyển dụng, đào tạo và khuyến khích phát triển đội ngũ nhân viên phòng Tài chính - Kế toán thông qua các chương trình đào tạo và phát triển; Phát triển và đưa vào áp dụng các hệ thống quản lý nguồn nhân lực; Đề xuất chế độ phúc lợi và lợi ích cho nhân viên.

Điều 47. Không kiêm nhiệm

Một cá nhân trong công ty không được đảm nhiệm nhiều vị trí mà có thể thực hiện các hoạt động, nghiệp vụ có mục đích, lợi ích mâu thuẫn với nhau hoặc chồng chéo.

CHƯƠNG IX. BỘ PHẬN KIỂM TOÁN NỘI BỘ, KIỂM SOÁT NỘI BỘ

Điều 48. Bộ phận kiểm toán nội bộ

48.1. Bộ phận kiểm toán nội bộ trực thuộc Hội đồng Quản trị Công ty.

48.2. Bộ phận kiểm toán nội bộ có trách nhiệm:

- (a) Kiểm tra, đánh giá cơ cấu tổ chức, hoạt động quản trị công ty, hoạt động điều hành, phối hợp của từng bộ phận, từng vị trí công tác nhằm ngăn ngừa các xung đột lợi ích, bảo vệ quyền lợi của khách hàng;
- (b) Kiểm tra, đánh giá mức độ đầy đủ, hiệu lực, hiệu quả, mức độ tuân thủ các quy định của pháp luật, quy định tại Điều lệ công ty; hệ thống kiểm soát nội bộ; các chính sách, quy trình nội bộ, bao gồm quy tắc về đạo đức nghề nghiệp, quy trình nghiệp vụ, quy trình và hệ thống quản trị rủi ro, hệ thống công nghệ thông tin, kế toán, quy trình và hệ thống báo cáo, công bố thông tin, quy trình tiếp nhận và xử lý tố cáo, khiếu kiện từ khách hàng, và các quy định nội bộ khác;
- (c) Kiểm tra tính hợp lệ, hợp pháp, tính trung thực, mức độ cân trọng, tuân thủ các quy trình nghiệp vụ và quản trị rủi ro;

ĐIỀU LỆ CÔNG TY CP QUẢN LÝ QUỸ NGÂN HÀNG TMCP ĐẠI CHỨNG VIỆT NAM

- (d) Thực hiện việc kiểm toán hoạt động theo kế hoạch kiểm toán nội bộ hằng năm. Kế hoạch kiểm toán nội bộ hằng năm phải được Hội đồng Quản trị phê duyệt trước khi triển khai thực hiện. Kế hoạch kiểm toán nội bộ hằng năm phải đảm bảo các nguyên tắc sau:
- Kiểm toán nội bộ được thực hiện hằng năm và đột xuất;
 - Các hoạt động, quy trình, bộ phận phải được đánh giá mức độ rủi ro theo quy định nội bộ của công ty. Các hoạt động, quy trình, bộ phận có mức độ rủi ro cao được tập trung nguồn lực, ưu tiên thực hiện kiểm toán trước và được kiểm toán tối thiểu mỗi năm một lần;
 - Kế hoạch kiểm toán định kỳ hằng năm phải được điều chỉnh khi có thay đổi về mức độ rủi ro của các hoạt động, quy trình, bộ phận.
- (e) Thực hiện kiểm toán toàn bộ hoạt động của tất cả các bộ phận trong công ty tối thiểu hai năm một lần;
- (f) Kiến nghị các giải pháp hoàn thiện nâng cao hiệu lực, hiệu quả hoạt động của công ty; theo dõi kết quả thực hiện các kiến nghị sau kiểm toán đã được Hội đồng Quản trị phê duyệt.

48.3. Hoạt động kiểm toán nội bộ phải bảo đảm các nguyên tắc sau:

- (a) Độc lập: bộ phận kiểm toán nội bộ và hoạt động của bộ phận này độc lập với các bộ phận và hoạt động khác của công ty, không chịu sự quản lý của Ban điều hành công ty. Nhân viên bộ phận kiểm toán nội bộ không được kiêm nhiệm làm việc tại các bộ phận khác của công ty;
- (b) Khách quan: kiểm toán nội bộ phải khách quan, công bằng, không định kiến, không tác động, không bị can thiệp khi thực hiện nhiệm vụ của mình;
- (c) Trung thực: công tác kiểm toán nội bộ phải được thực hiện một cách trung thực, cẩn trọng và có trách nhiệm;
- (d) Phối hợp: bộ phận kiểm toán nội bộ được toàn quyền tiếp cận không hạn chế các thông tin, tài liệu của công ty. Thành viên Ban điều hành và mọi nhân viên của công ty có trách nhiệm phối hợp, cung cấp đầy đủ, kịp thời, trung thực, chính xác mọi thông tin, tài liệu liên quan, theo yêu cầu của Bộ phận kiểm toán nội bộ. Các bộ phận trong công ty có trách nhiệm thông báo cho bộ phận kiểm toán nội bộ khi phát hiện những yếu kém, tồn tại, các sai phạm, rủi ro hoặc thất thoát lớn về tài sản của công ty hoặc của khách hàng;
- đ) Bảo mật: bộ phận kiểm toán nội bộ, nhân viên bộ phận kiểm toán nội bộ có trách nhiệm bảo mật các thông tin có được trong quá trình kiểm toán, trừ trường hợp cung cấp thông tin theo yêu cầu của cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền.

Điều 49. Bộ phận kiểm soát nội bộ

Công ty thành lập bộ phận kiểm soát nội bộ trực thuộc Ban điều hành.

Bộ phận kiểm soát nội bộ có trách nhiệm:

- (a) Giám sát bảo đảm hoạt động của từng vị trí, từng bộ phận và toàn bộ hoạt động công ty tuân thủ các quy định pháp luật, chính sách, quy trình nghiệp vụ, quy định nội bộ của công ty;
- (b) Giám sát việc thực thi trách nhiệm của toàn bộ nhân viên trong công ty đối với các hoạt động được giao, phân cấp, ủy quyền. Nguyên tắc phân cấp, ủy quyền trong công ty bảo đảm:
 - Cơ chế phân cấp, ủy quyền phải rõ ràng, cụ thể, minh bạch, bảo đảm tách bạch nhiệm vụ, quyền hạn của các cá nhân, các bộ phận trong công ty. Quy trình nghiệp vụ phải bảo đảm tách biệt được giữa các chức năng, nhiệm vụ của từng vị trí, bộ phận trong công ty, từ hoạt động phân tích, thẩm định, chấp thuận hoặc phê duyệt hoặc quyết định thực hiện, tổ chức thực hiện, báo cáo và giám sát sau khi đầu tư;
 - Một cá nhân không được đảm nhiệm nhiều vị trí mà có thể thực hiện các hoạt động có mục đích, lợi ích mâu thuẫn với nhau hoặc chồng chéo nhau. Nhân sự được bố trí, bảo đảm một cá nhân không thể độc lập, tự mình ra quyết định và thực hiện từ hai hoạt động trở lên trong toàn bộ quy trình nghiệp vụ mà không cần tham vấn các bộ phận, cá nhân khác;
- (c) Tham gia xây dựng, giám sát việc tổ chức thực hiện các chính sách, quy chế, quy trình, quy định nội bộ của công ty nhằm ngăn ngừa xung đột lợi ích; giám sát việc thực hiện quy tắc đạo đức nghề nghiệp; tổng hợp, lưu trữ, thống kê và giám sát hoạt động kinh doanh của công ty và các giao dịch cá nhân của nhân viên công ty;
- (d) Tham gia xây dựng quy trình, tổ chức thực hiện công tác quản trị rủi ro của công ty và cho từng khách hàng ủy thác; kịp thời nhận diện, đánh giá mức độ rủi ro, thiết lập hạn mức đầu tư và có biện pháp ngăn ngừa, quản lý các rủi ro tiềm ẩn trong hoạt động đầu tư của công ty và của khách hàng ủy thác;
- d) Giám sát bảo đảm giá trị tài sản ròng của danh mục ủy thác, quỹ đầu tư chứng khoán, công ty đầu tư chứng khoán được định giá phù hợp với quy định của pháp luật và quy định nội bộ; tài sản và các nguồn lực của công ty được quản lý an toàn, hiệu quả; tài sản khách hàng ủy thác được quản lý tách biệt, độc lập; Báo cáo Tài chính, báo cáo hoạt động, báo cáo về các chỉ tiêu an toàn tài chính và các báo cáo khác của công ty được lập trung thực, chính xác, kịp thời, cập nhật đầy đủ theo quy định của pháp luật;

- (e) Giám sát, bảo đảm hệ thống thông tin tài chính và quản lý trung thực, đầy đủ, kịp thời và chính xác; có hệ thống thông tin dự phòng để kịp thời xử lý những sự cố phát sinh như thiên tai, cháy, nổ, bảo đảm duy trì hoạt động liên tục của công ty;
- (f) Đề xuất phương án giải quyết, xử lý tranh chấp, xung đột lợi ích, khiếu kiện từ khách hàng, đối tác; các phương án dự phòng khắc phục hậu quả khi sự cố xảy ra.

CHƯƠNG X. TRÁCH NHIỆM CỦA CÁC CÁ NHÂN CHỦ CHỐT

Điều 50. Nghĩa vụ của các cá nhân chủ chốt

Ngoài các nghĩa vụ và trách nhiệm do Pháp luật hoặc Điều lệ này quy định, mỗi Thành viên Hội đồng Quản trị, Ban điều hành và thành viên Ban Kiểm soát phải:

- (a) Thực thi tất cả các quyền hạn và nghĩa vụ được giao một cách trung thực, với sự cẩn mẫn và cẩn trọng đúng mức và vì quyền lợi tốt nhất của Công ty;
- (b) Không lạm dụng cương vị và quyền hạn, không sử dụng tiền bạc và tài sản của Công ty sai mục đích vì lợi ích của bản thân hoặc của người khác;
- (c) Nếu Công ty không thanh toán đủ các khoản nợ và các nghĩa vụ nợ khác đến hạn phải trả, họ phải:
 - Thông báo tất cả các chủ nợ về tình hình tài chính của Công ty trong chừng mực cần thiết hoặc theo yêu cầu của Pháp luật;
 - Không được tăng lương hoặc trả các khoản tiền thưởng nào cho bất kỳ nhân viên nào của Công ty;
 - Kiến nghị các biện pháp khắc phục khó khăn về tài chính của Công ty; và
 - Thực hiện các nghĩa vụ khác theo quy định của Pháp luật và của Điều lệ này.

Điều 51. Hiệu lực của một số hợp đồng

51.1. Giao dịch với người có liên quan

- (a) Đại hội đồng Cổ đông hoặc Hội đồng Quản trị chấp thuận hợp đồng, giao dịch giữa công ty với người có liên quan sau đây (không bao gồm tài sản của khách hàng ủy thác quản lý danh mục và các quỹ, công ty đầu tư chứng khoán do Công ty quản lý):
 - (i). Cổ đông, người đại diện theo ủy quyền của Cổ đông là tổ chức sở hữu trên 10% tổng số cổ phần phổ thông của công ty và người có liên quan của họ;
 - (ii). Thành viên Hội đồng quản trị, Giám đốc và người có liên quan của họ;
 - (iii). Doanh nghiệp mà thành viên Hội đồng quản trị, Thành viên Ban Kiểm soát, Giám đốc và người quản lý khác của công ty phải kê khai theo quy định tại khoản 2 Điều 164 của Luật Doanh nghiệp.

- (b) Hội đồng Quản trị chấp thuận các hợp đồng, giao dịch theo quy định tại điểm a, khoản này và có giá trị nhỏ hơn 35% tổng giá trị tài sản của công ty ghi trong Báo cáo Tài chính gần nhất. Trường hợp này, người đại diện công ty ký hợp đồng, giao dịch phải thông báo cho thành viên Hội đồng quản trị, Thành viên Ban Kiểm soát về các đối tượng có liên quan đối với hợp đồng, giao dịch đó và gửi kèm theo dự thảo hợp đồng hoặc nội dung chủ yếu của giao dịch. Hội đồng Quản trị quyết định việc chấp thuận hợp đồng, giao dịch trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được thông báo; thành viên Hội đồng Quản trị có lợi ích liên quan đến các bên trong hợp đồng, giao dịch không có quyền biểu quyết.
- (c) Đại hội đồng Cổ đông chấp thuận hợp đồng, giao dịch sau đây:
- (i). Hợp đồng, giao dịch khác ngoài hợp đồng, giao dịch quy định tại điểm b khoản này;
 - (ii). Hợp đồng, giao dịch vay, cho vay, bán tài sản có giá trị lớn hơn 10% tổng giá trị tài sản của doanh nghiệp ghi trong Báo cáo Tài chính gần nhất giữa công ty và Cổ đông sở hữu từ 51% tổng số phiếu biểu quyết trở lên hoặc người có liên quan của Cổ đông đó.
- (d) Trường hợp chấp thuận hợp đồng, giao dịch theo quy định tại điểm c khoản này, người đại diện công ty ký hợp đồng, giao dịch phải thông báo cho Hội đồng Quản trị và Thành viên Ban Kiểm soát về đối tượng có liên quan đối với hợp đồng, giao dịch đó và gửi kèm theo dự thảo hợp đồng hoặc thông báo nội dung chủ yếu của giao dịch. Hội đồng Quản trị trình dự thảo hợp đồng, giao dịch hoặc giải trình về nội dung chủ yếu của hợp đồng, giao dịch tại cuộc họp Đại hội đồng Cổ đông hoặc lấy ý kiến Cổ đông bằng văn bản. Trường hợp này, Cổ đông có lợi ích liên quan đến các bên trong hợp đồng, giao dịch không có quyền biểu quyết.

51.2. Quyền biểu quyết của các bên có quyền lợi liên quan

Bất kỳ Người nào tham gia, hoặc có lợi ích liên quan đến các bên trong Hợp đồng, Giao dịch với người có liên quan, sẽ không có quyền biểu quyết đối với các vấn đề liên quan đến Giao dịch với người có liên quan này tại Cuộc họp Đại hội đồng Cổ đông hoặc Cuộc họp Hội đồng Quản trị.

51.3. Không Tuân thủ Quy định

Bất kỳ Người nào không tuân thủ các quy định của Điều 51 Điều lệ này sẽ phải bồi thường cho Công ty về những tổn thất, trách nhiệm, nghĩa vụ, phí tổn và chi phí gây ra cho Công ty.

Điều 52. Công khai các lợi ích liên quan

- 52.1.** Các Thành viên Hội đồng Quản trị, Ban điều hành, Thành viên Ban Kiểm soát, và các Cổ đông phải công khai với Hội đồng Quản trị cách thức và phạm vi mà các quyền lợi cá nhân đáng kể có thể ảnh hưởng đến ý kiến của họ về bất kỳ hợp đồng hoặc giao dịch nào của Công ty mà họ sẽ phải bỏ phiếu biểu quyết.
- 52.2.** Việc công khai hóa lợi ích và người có liên quan của công ty thực hiện theo quy định sau đây:
- (a) Công ty phải tập hợp và cập nhật danh sách những người có liên quan của công ty theo quy định pháp luật và các hợp đồng, giao dịch tương ứng của họ với công ty.
 - (b) Thành viên Hội đồng quản trị, Thành viên Ban Kiểm soát, Giám đốc và người quản lý khác của công ty phải kê khai cho công ty về các lợi ích liên quan của mình, bao gồm:
 - Tên, mã số doanh nghiệp, địa chỉ trụ sở chính, ngành, nghề kinh doanh của doanh nghiệp mà họ làm chủ hoặc sở hữu phần vốn góp hoặc cổ phần; tỷ lệ và thời điểm làm chủ, sở hữu phần vốn góp hoặc cổ phần đó;
 - Tên, mã số doanh nghiệp, địa chỉ trụ sở chính, ngành, nghề kinh doanh của doanh nghiệp mà những người có liên quan của họ làm chủ, cùng sở hữu hoặc sở hữu riêng cổ phần hoặc phần vốn góp trên 10% vốn điều lệ.
 - (c) Việc kê khai quy định tại điểm b khoản này phải được thực hiện trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ ngày phát sinh lợi ích liên quan; việc sửa đổi, bổ sung phải được thông báo với công ty trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ ngày có sửa đổi, bổ sung tương ứng.
 - (d) Việc lưu giữ, công khai, xem xét, trích lục, sao chép danh sách người có liên quan và lợi ích có liên quan được kê khai quy định tại điểm a và điểm b Khoản này được thực hiện như sau:
 - Công ty phải thông báo danh sách người có liên quan và lợi ích có liên quan cho Đại hội đồng Cổ đông tại cuộc họp thường niên;
 - Danh sách người có liên quan và lợi ích có liên quan được lưu giữ tại trụ sở chính của doanh nghiệp; trường hợp cần thiết có thể lưu giữ một phần hoặc toàn bộ nội dung danh sách nói trên tại các chi nhánh của công ty;
 - Cổ đông, đại diện theo ủy quyền của cổ đông, thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Giám đốc và người quản lý khác có quyền xem xét, trích lục và sao chép một phần hoặc toàn bộ nội dung kê khai;
 - Công ty phải tạo điều kiện để cổ đông, đại diện theo ủy quyền của cổ đông, thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Giám đốc và người quản lý khác tiếp cận, xem xét,

trích lục và sao chép danh sách người có liên quan của công ty và những nội dung khác một cách nhanh nhất, thuận lợi nhất; không được ngăn cản, gây khó khăn đối với họ trong thực hiện quyền này. Trình tự, thủ tục xem xét, trích lục, sao chép nội dung kê khai người có liên quan và lợi ích có liên quan được thực hiện theo quy định tại Điều lệ công ty.

- (e) Thành viên Hội đồng quản trị, Giám đốc nhân danh cá nhân hoặc nhân danh người khác để thực hiện công việc dưới mọi hình thức trong phạm vi công việc kinh doanh của công ty đều phải giải trình bản chất, nội dung của công việc đó trước Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát và chỉ được thực hiện khi được đa số thành viên còn lại của Hội đồng Quản trị chấp thuận; nếu thực hiện mà không khai báo hoặc không được sự chấp thuận của Hội đồng Quản trị thì tất cả thu nhập có được từ hoạt động đó thuộc về công ty.

Điều 53. Trách nhiệm cá nhân và trách nhiệm thanh toán các chi phí

Không một thành viên Hội đồng Quản trị, Thành viên Ban Kiểm soát, hoặc thành viên Ban điều hành nào phải chịu trách nhiệm cá nhân về những hành động của mình hoặc bất kỳ hành động nào được thực hiện một cách có thiện chí, trung thực, trong sạch, chí công, vô tư nhân danh Công ty, phù hợp với phạm vi quyền hạn được giao theo quy định, hoặc phù hợp với phạm vi quyền hạn được ủy nhiệm cho họ theo Điều lệ này hoặc phù hợp với các quyết định của Đại hội đồng Cổ đông hoặc của Hội đồng Quản trị và tuân thủ Pháp luật.

Điều 54. Quyền khởi kiện đối với thành viên Hội đồng quản trị, Giám đốc

54.1. Cổ đông, nhóm Cổ đông sở hữu ít nhất 01% tổng số cổ phần phổ thông có quyền tự mình hoặc nhân danh công ty khởi kiện trách nhiệm cá nhân, trách nhiệm liên đới đối với các thành viên Hội đồng quản trị, Giám đốc để yêu cầu hoàn trả lợi ích hoặc bồi thường thiệt hại cho công ty hoặc người khác trong trường hợp sau đây:

- (a) Vi phạm trách nhiệm của người quản lý công ty theo quy định tại Điều lệ này;
- (b) Không thực hiện, thực hiện không đầy đủ, thực hiện không kịp thời hoặc thực hiện trái với quy định của pháp luật hoặc Điều lệ công ty, nghị quyết, quyết định của Hội đồng Quản trị đối với quyền và nghĩa vụ được giao;
- (c) Lạm dụng địa vị, chức vụ và sử dụng thông tin, bí quyết, cơ hội kinh doanh, tài sản khác của công ty để tư lợi hoặc phục vụ lợi ích của tổ chức, cá nhân khác;
- (d) Trường hợp khác theo quy định pháp luật và Điều lệ công ty.

54.2. Trình tự, thủ tục khởi kiện thực hiện theo quy định của pháp luật về tố tụng dân sự. Chi phí khởi kiện trong trường hợp cổ đông, nhóm Cổ đông khởi kiện nhân danh công ty được tính vào chi phí của công ty, trừ trường hợp bị bác yêu cầu khởi kiện.

54.3. Cổ đông, nhóm Cổ đông theo quy định tại Điều này có quyền xem xét, tra cứu, trích lục thông tin cần thiết theo quyết định của Tòa án, Trọng tài trước hoặc trong quá trình khởi kiện.

CHƯƠNG XI. CON DẤU, LAO ĐỘNG, TÀI CHÍNH – KẾ TOÁN, PHÂN PHỐI LỢI NHUẬN

Điều 55. Con dấu

Công ty quyết định loại dấu, số lượng, hình thức và nội dung dấu của Công ty, chi nhánh, văn phòng đại diện và đơn vị khác của Công ty. Công ty chịu trách nhiệm quản lý con dấu và đảm bảo việc sử dụng con dấu theo đúng quy định của Pháp luật.

Điều 56. Lao động

56.1. Người lao động

- (a) Hàng năm, Giám đốc phải lập kế hoạch về tuyển dụng lao động, cho thôi việc, đào tạo, nâng bậc, mua bảo hiểm xã hội và bảo hiểm y tế cho người lao động. Giám đốc phải thực hiện đầy đủ các quyền lợi của người lao động như: chế độ nghỉ phép, chế độ khen thưởng được phân phối từ quỹ phúc lợi (nếu có) đối với người lao động để trình Hội đồng Quản trị thông qua và tổ chức thực hiện. Các nhân viên thực hiện nghiệp vụ kinh doanh chứng khoán được cấp phép của Công ty phải có chứng chỉ hành nghề chứng khoán.
- (b) Hội đồng Quản trị hàng năm phê duyệt tổng quỹ lương của Công ty. Căn cứ vào tổng quỹ lương, Giám đốc thông qua quyết định phương án trả lương và có quyền thuê lao động theo nhu cầu của Công ty.

56.2. Tổ chức chính trị, tổ chức chính trị - xã hội và tổ chức đại diện người lao động tại cơ sở trong Công ty

Nhân viên của Công ty có quyền thành lập tổ chức chính trị, tổ chức chính trị - xã hội và tổ chức đại diện người lao động tại cơ sở trong Công ty theo quy định của Pháp luật. Tổ chức chính trị, tổ chức chính trị - xã hội và tổ chức đại diện người lao động tại cơ sở trong Công ty phải hoạt động theo đúng quy định của Pháp luật.

Điều 57. Tài khoản ngân hàng

57.1. Phụ thuộc vào khoản 57.2, Công ty có thể mở bất kỳ loại tài khoản nào, là tài khoản tiền Đồng hoặc tài khoản ngoại tệ, là tài khoản vãng lai, tài khoản kỳ hạn hoặc tài khoản khác, tại chi nhánh của một ngân hàng nước ngoài tại Việt Nam, hoặc tại một ngân hàng liên doanh giữa một ngân hàng nước ngoài và ngân hàng Việt Nam, hoặc tại một ngân hàng Việt Nam, và (với sự cho phép của Ngân hàng Nhà Nước, nếu Pháp luật yêu cầu) tại một ngân hàng nước ngoài ngoài lãnh thổ Việt Nam.

57.2. Trong trường hợp mở tài khoản cho các quỹ mà Công ty quản lý, Công ty phải tuân thủ Điều lệ quỹ có liên quan và các văn bản pháp luật có liên quan đến hoạt động quản lý quỹ.

Điều 58. Báo cáo Tài chính và kế toán

58.1. Hệ thống Kế toán

Sổ tài khoản kế toán sẽ được Công ty lập theo đúng quy định của Pháp luật và sẽ được lập một cách trung thực và chính xác. Hệ thống kế toán Công ty sử dụng là Hệ thống Kế toán Việt Nam và/hoặc bất kỳ hệ thống kế toán khác được Pháp luật cho phép.

58.2. Năm Tài chính

Năm tài chính cũng như niên hạn thuế của Công ty sẽ bắt đầu vào ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 dương lịch.

58.3. Tài khoản và Chứng từ Kế toán

- (a) Công ty lập các sổ sách và tài khoản bằng tiền Đồng theo đúng quy định của pháp luật. Tất cả các chứng từ kế toán, hoá đơn, sổ sách và báo cáo của Công ty sẽ được lập và lưu giữ bằng tiếng Việt. Tất cả các chứng từ và báo cáo kế toán và tài chính phải được Giám đốc hoặc Phó Giám đốc và Kế toán trưởng phê chuẩn và ký tên theo phân định về thẩm quyền.
- (b) Trong hai tháng đầu tiên của mỗi năm tài chính, Công ty phải soạn thảo Báo cáo Tài chính hàng năm cho năm tài chính trước đó, bao gồm báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh phản ánh một cách trung thực và khách quan tình hình về lãi và lỗ của Công ty, bảng cân đối kế toán cho thấy được một cách trung thực và khách quan tình hình các hoạt động của Công ty, báo cáo lưu chuyển tiền tệ và thuyết minh Báo cáo Tài chính để lưu giữ và trình lên Đại hội đồng Cổ đông sau khi được Hội đồng Quản trị đồng ý (**Báo cáo Tài chính**).
- (c) Trong thời hạn 90 ngày, hoặc trong thời hạn mà Luật pháp cho phép, kể từ ngày kết thúc mỗi năm tài chính, Công ty phải gửi Báo cáo Tài chính đã được Đại hội đồng Cổ đông thông qua cho cơ quan thuế, Cơ quan Đăng ký Kinh doanh và các Cơ quan Nhà nước khác mà Luật pháp yêu cầu.
- (d) Vào cuối mỗi quý tài chính, Công ty phải soạn thảo các Báo cáo Tài chính chưa tổng hợp bao gồm bảng cân đối kế toán, bảng kết quả hoạt động kinh doanh, và báo cáo lưu chuyển tiền tệ. Các báo cáo này phải được cung cấp cho Hội đồng Quản trị trong vòng 30 (ba mươi) ngày kể từ ngày kết thúc của mỗi quý tài chính.
- (e) Đại hội đồng Cổ đông quyết định thuê một Công ty kiểm toán độc lập được phép hoạt động hợp pháp tại Việt Nam để tiến hành các hoạt động kiểm toán Công ty khi được số

cổ đông sở hữu trên 50% tổng số phiếu biểu quyết của tất cả cổ đông tham dự và biểu quyết tại cuộc họp tán thành.

- (f) Các Thành viên Hội đồng Quản trị có quyền gặp kiểm toán viên để thảo luận về các Báo cáo Tài chính của Công ty và các vấn đề có liên quan.
- (g) Trong trường hợp Hội đồng Quản trị yêu cầu, Công ty vào từng thời điểm sẽ tự mình hay thuê một tổ chức định giá chuyên nghiệp định giá lại tài sản của Công ty để làm căn cứ cho việc xác định giá trị cổ phiếu của Công ty hay phục vụ các mục đích khác do Hội đồng Quản trị đề ra.
- (h) Các Thành viên Hội đồng Quản trị và thành viên Ban Kiểm soát có quyền xem xét các tài khoản kế toán của Công ty vào bất kỳ lúc nào khi có nhu cầu, và Công ty phải hợp tác toàn diện trong quá trình xem xét này.

Điều 59. Quỹ dự trữ

59.1. Hàng năm, Công ty sẽ phải trích từ lợi nhuận sau thuế của mình vào các quỹ sau với mức cụ thể do Đại hội đồng Cổ đông quyết định theo từng năm:

- Quỹ đầu tư phát triển;
- Quỹ phúc lợi;
- Quỹ khen thưởng;
- Các quỹ khác do Hội đồng Quản trị trình Đại hội đồng Cổ đông quyết định theo quy định của Pháp luật.

59.2. Hội đồng Quản trị có trách nhiệm xây dựng phương án phân phối lợi nhuận và tỷ lệ trích các quỹ để trình Đại hội đồng Cổ đông quyết định cho từng năm.

Điều 60. Xử lý kinh doanh thua lỗ

Trường hợp kinh doanh thua lỗ, Hội đồng Quản trị trình Đại hội đồng Cổ đông có thể quyết định giải quyết việc thua lỗ theo các giải pháp sau:

- (a) Chuyển một phần lỗ sang năm sau. Đồng thời, Đại hội đồng Cổ đông phải quyết định các biện pháp để khắc phục.
- (b) Các biện pháp khác mà pháp luật cho phép hoặc không cấm.

CHƯƠNG XII. NGHĨA VỤ BÁO CÁO, CÔNG BỐ THÔNG TIN VÀ BẢO MẬT

Điều 61. Nghĩa vụ báo cáo, công bố thông tin

61.1. Công ty thực hiện báo cáo, công bố thông tin về hoạt động của Công ty và các quỹ, Công ty đầu tư chứng khoán do Công ty quản lý theo quy định của pháp luật.

61.2. Công ty có trách nhiệm cung cấp thông tin cho các nhà đầu tư theo quy định của pháp luật và Điều lệ này. Công ty phải lưu trữ đầy đủ tại trụ sở chính, văn phòng đại diện, chi nhánh, đại lý phân phối cũng như tại trang thông tin điện tử của công ty và cung cấp miễn phí cho nhà đầu tư theo yêu cầu của nhà đầu tư các tài liệu sau:

- (a). Điều lệ quỹ, Điều lệ công ty đầu tư chứng khoán, Bản cáo bạch, Bản cáo bạch tóm tắt, các tài liệu, báo cáo, hợp đồng dẫn chiếu trong Bản cáo bạch, Bản cáo bạch tóm tắt của quỹ, công ty đầu tư chứng khoán;
- (b). Các báo cáo tài chính năm đã được kiểm toán của quỹ, công ty đầu tư chứng khoán của tối thiểu 05 (năm) năm gần nhất; báo cáo tài chính 6 tháng, các báo cáo tài chính quý tới quý gần nhất của quỹ, công ty đầu tư chứng khoán;
- (c). Báo cáo hoạt động định kỳ của quỹ, công ty đầu tư chứng khoán theo quy định của pháp luật về quỹ đầu tư chứng khoán của tối thiểu 05 (năm) năm gần nhất;
- (d). Báo cáo về giá trị tài sản ròng của quỹ, công ty đầu tư chứng khoán theo quy định của pháp luật về quỹ đầu tư chứng khoán.

Điều 62. Quy định bảo mật

62.1. Định nghĩa Thông tin Mật

Theo mục đích của Điều này, Thông tin Mật nghĩa là tất cả và bất kỳ mọi thông tin, tài liệu, giấy tờ, hồ sơ, tập tin điện tử, các hồ sơ văn bản, dữ liệu, thư điện tử, và những tài liệu khác dưới bất kỳ hình thức nào không được công bố rộng rãi ra công chúng mà Công ty, Hội đồng Quản trị, Thành viên Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát và/hoặc các thành viên Ban Kiểm soát, thành viên Ban điều hành, nhân viên Công ty, các đại lý, hoặc các nhà thầu, có được, nhận được, phát triển, hoặc bằng cách nào đó, sở hữu trong tiến trình hoạt động kinh doanh bình thường của Công ty, và những thông tin, giấy tờ, hồ sơ, dữ liệu và những tài liệu khác dưới bất kỳ hình thức nào nhận được từ bên thứ ba mà Công ty có nghĩa vụ bảo mật, bao gồm:

- (a) Điều lệ này, Giấy Phép Hoạt Động, Sổ Đăng ký Cổ đông và bất kỳ một Văn bản Chấp Thuận nào của Nhà Nước cần thiết cho hoạt động kinh doanh của Công ty;
- (b) Các tài liệu và giấy tờ chứng minh quyền sở hữu các tài sản của Công ty;
- (c) Các bí mật thương mại hoặc thông tin mật, công nghệ, bí quyết, kỹ thuật, kiểu dáng thiết kế, phương pháp, và các thông tin khác liên quan đến các giao dịch quan trọng của Công ty căn cứ theo sự xác định của Hội đồng Quản trị vào từng thời điểm;
- (d) Báo cáo của Ban Kiểm soát, các cơ quan thanh tra (nếu có), hoặc của các kiểm toán viên;
- (e) Sổ sách kế toán, các Báo cáo Tài chính hàng năm, và các tài liệu kế toán khác;

- (f) Thông tin về Cổ đông, bất kỳ thỏa thuận nào của các Cổ đông, hoặc quan hệ sở hữu cổ phần qua lại, hoặc các bảo đảm qua lại giữa các Cổ đông; và bất kỳ giao dịch nào giữa Công ty và các Cổ đông;
- (g) Thông tin về các Thành viên Hội đồng Quản trị, thành viên Ban điều hành, thành viên Ban Kiểm soát bao gồm năng lực, kinh nghiệm, và mức thù lao;
- (h) Chiến lược phát triển và kế hoạch kinh doanh của Công ty;
- (i) Thông tin về những rủi ro đáng kể có thể được dự báo trước một cách hợp lý có thể ảnh hưởng đến hoạt động của Công ty; rủi ro lãi suất hoặc rủi ro về ngoại hối đối với các khoản nợ hoặc khoản vay của Công ty; rủi ro liên quan đến các giao dịch phái sinh và giao dịch ngoại bảng; và
- (j) Tất cả các thông tin và các giấy tờ, tài liệu liên quan đến các quỹ mà Công ty có thể sẽ thành lập và quản lý theo từng thời điểm, bao gồm, nhưng không hạn chế, danh sách các nhà đầu tư, danh mục đầu tư, chiến lược đầu tư, các giao dịch được tiến hành.

62.2. Tiết lộ Thông tin Mật

Nếu không được sự đồng ý trước bằng văn bản của Hội đồng Quản trị, không một ai trong số các Thành viên Hội đồng Quản trị, thành viên Ban điều hành, Thành viên Ban Kiểm soát, các Cổ đông hoặc bất kỳ Người nào khác có liên quan được phép tiết lộ các Thông tin Mật của Công ty, ngoại trừ:

- (a) Với các công ty con của Công ty (nếu có); hoặc
- (b) Với các Cổ đông ở mức độ được phép theo Điều lệ này hoặc theo quyết định khác của Đại hội đồng Cổ đông; hoặc
- (c) Với các cấp quản lý và các nhân viên của Công ty hoặc với các kiểm toán viên của Công ty hoặc với các cố vấn chuyên môn trong phạm vi mà họ cần phải biết để thực thi các nghĩa vụ của mình một cách hợp lý và khi các nghĩa vụ này có liên quan trực tiếp hoặc gián tiếp đến hoạt động kinh doanh của Công ty. Nhưng đối với mỗi trường hợp như vậy đều phải có điều khoản yêu cầu người nhận những Thông tin Mật phải bảo mật các thông tin đó và không được tiết lộ chúng với bất kỳ Người nào khác; hoặc
- (d) Khi được yêu cầu phải cung cấp cho các Cơ quan Nhà Nước có thẩm quyền được Pháp luật cho phép yêu cầu tiết lộ những thông tin này hoặc cung cấp thông tin theo yêu cầu của trọng tài hoặc của tòa án trong các vụ kiện, nhưng chỉ trong phạm vi được yêu cầu; hoặc
- (e) Những thông tin được phổ biến rộng rãi ra công chúng nhưng không bởi hành vi vi phạm các quy định của Điều này, hoặc những thông tin thường sẽ được công chúng biết đến trong tiến trình kinh doanh, ví dụ như thông tin phục vụ cho bán hàng và marketing.

Điều 63. Quyền kiểm tra hồ sơ

- 63.1.** Cổ đông hoặc nhóm Cổ đông sở hữu từ 5% số cổ phần phổ thông trở lên đều có quyền xem xét, tra cứu, trích lục số biên bản và nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị, báo cáo tài chính giữa năm và hằng năm, báo cáo của Ban kiểm soát, hợp đồng, giao dịch phải thông qua Hội đồng quản trị và tài liệu khác, trừ tài liệu liên quan đến bí mật thương mại, bí mật kinh doanh của công ty.
- 63.2.** Thành viên Hội đồng Quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Giám đốc có quyền kiểm tra Sổ Đăng ký Cổ đông, Danh sách Cổ đông và những sổ sách và hồ sơ khác của Công ty vì những mục đích liên quan tới chức vụ của mình với điều kiện các thông tin này phải được bảo mật.
- 63.3.** Công ty phải lưu Điều lệ này và những bản sửa đổi, bổ sung Điều lệ, Giấy Chứng nhận Đăng ký kinh doanh, các quy chế, các tài liệu chứng minh quyền sở hữu tài sản, biên bản họp Đại hội đồng Cổ đông và Hội đồng Quản trị, các báo cáo của Ban kiểm soát, báo cáo tài chính hàng năm, sổ sách kế toán và bất cứ giấy tờ nào khác theo quy định của pháp luật tại trụ sở chính hoặc một nơi khác với điều kiện là các Cổ đông và cơ quan đăng ký kinh doanh được thông báo về địa điểm lưu trữ các giấy tờ này.
- 63.4.** Mọi Cổ đông đều có quyền được Công ty cấp một bản sao Điều lệ công ty khi có yêu cầu.

CHƯƠNG XIII. THANH LÝ VÀ GIẢI QUYẾT TRANH CHẤP

Điều 64. Chấm dứt hoạt động và thanh lý

64.1. Chấm dứt hoạt động

Phụ thuộc vào quy định cụ thể của Pháp luật theo từng thời điểm, Công ty có thể bị giải thể hoặc chấm dứt hoạt động trong những trường hợp sau:

- (a) Công ty giải thể theo quyết định của Đại hội đồng Cổ đông; hoặc
- (b) Công ty không còn đủ số lượng cổ đông tối thiểu theo quy định của Luật Doanh nghiệp trong thời hạn 06 tháng liên tục mà không làm thủ tục chuyển đổi loại hình doanh nghiệp;
- (c) Công ty bị thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp.
- (d) Các trường hợp khác do pháp luật quy định.

Việc giải thể Công ty do Đại hội đồng Cổ đông quyết định và quyết định này phải được thông báo đến Cơ quan Nhà nước để thông báo hay chấp thuận nếu thủ tục chấp thuận này là bắt buộc.

64.2. Thanh lý

- (a) Sau khi có quyết định giải thể Công ty, Hội đồng Quản trị sẽ phải thành lập Ban Thanh lý gồm sáu (06) thành viên. Ban Thanh lý có thể được lựa chọn trong số nhân viên Công ty hoặc chuyên gia độc lập. Tất cả các chi phí liên quan đến thanh lý sẽ được Công ty ưu tiên thanh toán trước các khoản nợ khác của Công ty.
- (b) Ban thanh lý có trách nhiệm báo cáo cho Cơ quan Đăng ký Kinh doanh về ngày được thành lập và bắt đầu hoạt động. Kể từ thời điểm đó, Ban thanh lý sẽ thay mặt Công ty trong tất cả các công việc liên quan đến thanh lý công ty trước các Cơ quan Nhà nước.
- (c) Tiền thu được từ việc thanh lý sẽ được thanh toán theo thứ tự sau:
- Thuế và các khoản nộp có tính chất thuế mà Công ty phải trả cho Nhà nước;
 - Các chi phí thanh lý;
 - Các khoản vay (nếu có);
 - Các khoản nợ khác của Công ty;
 - Tiền lương và chi phí bảo hiểm cho cán bộ công nhân viên;
 - Số dư còn lại sau khi đã thanh toán mọi khoản nợ trên sẽ được phân chia cho các cổ đông.

Điều 65. Giải quyết tranh chấp

65.1. Giải quyết tranh chấp

- (a) Tranh chấp (i) giữa (các) Cổ đông với Công ty, (ii) giữa các Cổ đông hoặc giữa các nhóm Cổ đông, (iii) giữa (các) Cổ đông và Hội đồng Quản trị, (iv) giữa (các) Cổ đông với (các) người quản lý, hoặc (v) giữa (các) Cổ đông và Ban Kiểm soát (vi) giữa Công ty với nhà đầu tư, trước tiên sẽ được giải quyết thông qua hình thức thương lượng và hòa giải. Trừ trường hợp Tranh chấp liên quan tới Hội đồng Quản trị hay Chủ tịch Hội đồng Quản trị, Chủ tịch Hội đồng Quản trị sẽ chủ trì việc giải quyết tranh chấp và sẽ yêu cầu mỗi bên trình bày các yếu tố thực tiễn liên quan đến tranh chấp trong vòng mười (10) ngày làm việc, kể từ ngày tranh chấp phát sinh. Nếu Tranh chấp liên quan tới Hội đồng Quản trị hay Chủ tịch Hội đồng Quản trị, thì hai bên chỉ định một người thứ ba hành động với tư cách là trọng tài cho quá trình giải quyết Tranh chấp.
- (b) Nếu không có quyết định hòa giải nào đạt được trong vòng sáu (06) tuần từ khi bắt đầu hòa giải, hoặc nếu, quyết định của trung gian hòa giải không được các bên chấp thuận, thì bất cứ một bên nào cũng có thể đưa Tranh chấp đó ra Tòa án có thẩm quyền giải quyết.
- (c) Mỗi bên tự chịu chi phí của mình có liên quan đến thủ tục thương lượng, hoà giải. Chi phí, lệ phí toà án của các bên sẽ do Tòa án phán quyết.

65.2. Duy trì hiệu lực của Điều lệ

Điều lệ này tiếp tục có hiệu lực trong quá trình giải quyết tranh chấp nhưng không được ảnh hưởng đến quá trình giải quyết tranh chấp.

CHƯƠNG XIV. ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 66. Thông báo

- 66.1. Bất kỳ thông báo nào theo quy định của Điều lệ này phải được lập thành văn bản gửi bằng thư bảo đảm, hoặc bằng dịch vụ chuyển phát nhanh, hoặc bằng điện tín, hoặc bằng fax (với bản gốc gửi bằng thư bảo đảm) đến địa chỉ ghi trong Sổ Đăng ký Cổ đông.
- 66.2. Trong trường hợp Cổ đông đồng sở hữu, thông báo sẽ được gửi đến Cổ đông có tên đầu tiên trong Sổ Đăng ký Cổ đông và thông báo cho Cổ đông này được xem như là đã thông báo đầy đủ đến tất cả các đồng Cổ đông khác.
- 66.3. Công ty sẽ thực thi những cố gắng hợp lý để đảm bảo tính chính xác của các địa chỉ ghi trong Sổ Đăng ký Cổ đông, và sẽ kịp thời điều chỉnh địa chỉ của Cổ đông khi có thông báo bằng văn bản của Cổ đông này.

Điều 67. Các vấn đề pháp lý

67.1. *Bổ sung và sửa đổi Điều lệ*

Điều lệ chỉ có thể bổ sung, sửa đổi khi Đại hội đồng Cổ đông chấp thuận.

Những vấn đề chưa được quy định trong Điều lệ này sẽ được tuân theo các quy định của pháp luật chứng khoán, pháp luật doanh nghiệp.

67.2. *Pháp luật ban hành sau*

Nếu có bất kỳ quy định Pháp luật nào khác biệt với Điều lệ này hoặc thuận lợi hơn cho Công ty ban hành sau ngày Điều lệ này có hiệu lực, thì quy định đó được áp dụng như thể chúng được đưa vào Điều lệ.

67.3. *Các Điều khoản không hợp pháp, không hiệu lực, không có khả năng thực thi*

Nếu Cơ quan Nhà Nước có thẩm quyền tuyên bố hoặc phán quyết (một cách chính thức hoặc không chính thức) rằng bất kỳ một hoặc nhiều điều khoản nào của Điều lệ này là bất hợp pháp, không có hiệu lực, hoặc không có khả năng thực thi theo quy định của Pháp luật, thì một hoặc nhiều điều khoản đó sẽ được xem như bị loại bỏ khỏi Điều lệ trong mọi trường hợp, và các điều khoản khác của Điều lệ vẫn giữ nguyên giá trị hiệu lực.

67.4. *Văn bản Chấp thuận của Nhà Nước*

Bất kỳ mọi nghĩa vụ xin cấp Văn bản Chấp thuận của Nhà Nước nào được nêu trong Điều lệ này, dù được quy định một cách rõ ràng hoặc một cách ngụ ý, đều có giá trị hiệu

ĐIỀU LỆ CÔNG TY CP QUẢN LÝ QUỸ NGÂN HÀNG TMCP ĐẠI CHỨNG VIỆT NAM

lực chỉ khi Văn bản Chấp thuận của Nhà Nước này là bắt buộc theo quy định của Pháp luật.

67.5. Tính tích lũy và không loại trừ của các quyền

Trừ khi có quy định khác đi một cách rõ ràng, các quyền và biện pháp chế tài trong Điều lệ này sẽ mang tính tích lũy và không loại trừ bất kỳ các quyền và biện pháp chế tài nào do Pháp luật quy định.

Điều 68. Ngày hiệu lực



Bản Điều lệ này được đã được sửa đổi, bổ sung tại Nghị quyết số: 198/NQ-QLQ-ĐHCD ngày 22/4/2026 của Đại hội đồng Cổ đông Công ty Cổ phần Quản lý quỹ Ngân hàng TMCP Đại chứng Việt Nam và được các Cổ đông nhất trí thông qua.

Bản Điều lệ được sửa đổi này sẽ có hiệu lực từ ngày 22 tháng 4 năm 2026 và thay thế các Bản Điều lệ được Đại hội đồng Cổ đông Công ty thông qua trước đây.

Bản Điều lệ này được lập thành 05 (năm) bản có giá trị pháp lý ngang nhau.

Hà Nội, ngày 22 tháng 4 năm 2026

NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT

GIÁM ĐỐC 

Trần Quang Vinh